



SocialLife
Trên tay - Nhìn mắt - Nghe giọng



National Centre
for Social Research



wellcome

Tác động biến đổi khí hậu đến sức khỏe lao động ngoài trời tại Việt Nam

Khí hậu thay đổi, nhưng cuộc sống vẫn cần tiếp diễn

Nguyễn Đức Lộc - Vũ Ngọc Anh
(đồng chủ biên)



NHA XUẤT BẢN PHỤ NỮ
VIỆT NAM



Tác động biến đổi khí hậu đến sức khỏe lao động ngoài trời tại Việt Nam

Khí hậu thay đổi, nhưng cuộc sống vẫn cần tiếp diễn

Đồng chủ biên:

Nguyễn Đức Lộc - Vũ Ngọc Anh

Cùng với sự cộng tác của:

Lê Quang Huy, Võ Thị Thúy An, Nguyễn Khánh Lê, Cao Trung Vinh,
Nguyễn Thị Kim Thoa, Trương Minh Đến, Đào Thị Hồng Nguyên, Nguyễn Thị Kim Hậu,
Vũ Trịnh Mai Trâm và Phạm Dạ Uyên

Và các tác giả đạt giải trong cuộc thi: STORY-TELLER:

CHÂN DUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI - Những cảnh đời nơi phố thị:
Nguyễn Thị Bích Ngọc, Dương Thị Bảo Ngọc, Trương Thị Mỹ Linh, Nguyễn Đức Nghị
và Phạm Hoàng Gia Hào

**Nhà Xuất Bản Phụ Nữ Việt Nam
2025**

© 2025 Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội (SocialLife)

Trụ sở chính: Số 71/62e đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh

Văn phòng: Phòng C21, Số 51 đường Quốc Hương, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh

Email: lienhe@sociallife.vn

Website: www.sociallife.vn

Tất cả quyền được bảo lưu. Không phần nào của ấn phẩm này được sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất thông tin hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào – điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hoặc cách khác – mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của chủ bản quyền.

Thực hiện bởi:

Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội (SocialLife) phối hợp cùng
Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc gia Vương Quốc Anh (NatCen)

Hỗ trợ bởi: Quỹ Wellcome Trust, Vương Quốc Anh

Đồng chủ biên: Nguyễn Đức Lộc, Vũ Ngọc Anh

Cùng với sự cộng tác của: Lê Quang Huy, Võ Thị Thúy An, Nguyễn Khánh Lê, Cao Trung Vinh, Nguyễn Thị Kim Thoa, Trương Minh Đến, Đào Thị Hồng Nguyên, Nguyễn Thị Kim Hậu, Vũ Trinh Mai Trâm và Phạm Dạ Uyên

Và các tác giả đạt giải trong cuộc thi STORY-TELLER: *CHÂN DUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI - Những cảnh đời nơi phố thị:* Nguyễn Thị Bích Ngọc, Dương Thị Bảo Ngọc, Trương Thị Mỹ Linh, Nguyễn Đức Nghị và Phạm Hoàng Gia Hào

Thiết kế bìa: Nguyễn Thái Hòa

Ảnh bìa: Hình ảnh người lao động ngoài trời tiếp tục làm việc sau cơn bão Yagi tại Hà Nội, ngày 11/09/2024 (Tác giả cung cấp)

Ấn phẩm này là một phần của chương trình nghiên cứu “Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe người lao động ngoài trời tại đô thị Việt Nam”, giai đoạn 2024–2026.

Mọi góp ý xin gửi về: lienhe@sociallife.vn

TÓM TẮT

Biến đổi khí hậu đang đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với người lao động ngoài trời tại các đô thị Việt Nam. Nghiên cứu khảo sát 400 người lao động tại bốn thành phố lớn, sử dụng phương pháp đồng kiến tạo tri thức để phân tích tác động của thời tiết cực đoan đến sức khỏe và sinh kế.

Những phát hiện chính

Những phát hiện chính cho thấy tình trạng đáng báo động. Gần 80% người lao động gặp vấn đề sức khỏe do thời tiết, bao gồm bệnh hô hấp (27%), bệnh liên quan đến nhiệt (18%) và tim mạch, huyết áp (17%). Ba phần tư bị giảm thu nhập do thời tiết cực đoan, trong đó gần một nửa giảm trên 25% thu nhập.

Điều kiện làm việc vô cùng khắc nghiệt với 60% phải làm việc vào khung giờ giữa trưa và hơn hai phần ba làm việc 8-12 giờ/ngày. Phụ nữ cao tuổi, đặc biệt người bán hàng rong, là nhóm dễ bị tổn thương nhất. Gần một nửa người có bảo hiểm y tế chưa bao giờ sử dụng và thường tìm thông tin sức khỏe từ các nguồn không chính thống.

Chiến lược thích ứng

Chiến lược thích ứng hiện tại của người lao động bao gồm sử dụng phương pháp chữa bệnh dân gian, xây dựng mạng lưới hỗ trợ cộng đồng nhỏ và đa dạng hóa thu nhập. Tuy nhiên, những chiến lược này mang tính tạm thời và thiếu hỗ trợ hệ thống.

Sáu giải pháp chính sách được đề xuất:

- (1) Xây dựng không gian làm việc an toàn với điểm trú ẩn và trang bị bảo hộ;
- (2) Phát triển hệ thống cảnh báo sớm qua ứng dụng di động;
- (3) Tăng cường bảo hiểm vi mô với mức đóng theo thu nhập và khám sức khỏe miễn phí;
- (4) Hỗ trợ đào tạo kỹ năng và đa dạng hóa sinh kế;
- (5) Xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội với quỹ hỗ trợ khẩn cấp;
- (6) Tăng cường sự tham gia cộng đồng trong thiết kế chính sách.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra người lao động đang mắc kẹt trong vòng luẩn quẩn tổn thương, nơi biến đổi khí hậu làm trầm trọng sự bất bình kinh tế, trong khi bất ổn lại hạn chế khả năng thích ứng. Cần một hệ sinh thái chính sách lấy người lao động làm trung tâm, kết hợp can thiệp ngắn hạn và dài hạn để phá vỡ vòng luẩn quẩn này và thúc đẩy phát triển đô thị công bằng, bền vững.

MỤC LỤC

Lời cảm ơn11

Lời tựa12

Lời nói đầu14

Chương I **BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI:
KHUNG LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 16**

Cơ sở lý thuyết..... 19

Phương pháp nghiên cứu 23

Chương II **CHÂN DUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI:
ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN MƯU SINH 28**

Bức tranh toàn cảnh về người lao động bấp bênh ngoài trời 30

Những cuộc mưu sinh nơi phố thị 34

Chương III **TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU:
TỪ SỨC KHỎE ĐẾN SINH KẾ VÀ VÒNG LUẦN QUẢN TỒN THƯƠNG 50**

Tính chất điển hình về thời tiết cực đoan của các thành phố 52

Biến đổi khí hậu tạo nên vòng luẩn quẩn của tổn thương 54

Sinh kế bấp bênh dưới tác động khí hậu..... 62

Rào cản đa chiều trong tiếp cận dịch vụ công..... 65

Chương
IV

KHẢ NĂNG VÀ CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG: TỪ CHĂM SÓC SỨC KHỎE ĐẾN ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ.....	70
Ai có thể thích ứng? Từ năng lực cá nhân đến tài nguyên xã hội	71
Chiến lược thích ứng về sức khỏe	74
Chiến lược thích ứng về sinh kế	76

Chương
V

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH: SÁU GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC THÚC ĐẨY THÍCH ỨNG KHÍ HẬU	81
Xây dựng không gian làm việc an toàn cho người lao động.....	83
Phát triển hệ thống cảnh báo sớm	86
Tăng cường bảo hiểm vi mô	86
Hỗ trợ đào tạo kỹ năng và đa dạng hóa sinh kế	87
Xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện.....	87
Tăng cường sự tham gia và hợp tác của các bên liên quan.....	88

Con đường phía trước và lời mời gọi cho một tương lai tốt đẹp hơn	89
Tài liệu tham khảo	96

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Khung phân tích tích hợp về tổn thương khí hậu của người lao động ngoài trời tại đô thị Việt Nam	20
Hình 1.2. Quy trình nghiên cứu	26
Hình 2.1. Đặc điểm nhân khẩu học của lao động bắp bệnh ngoài trời tại các đô thị Việt Nam	31
Hình 2.2. Giới tính	32
Hình 2.3. Giới tính theo nghề nghiệp	32
Hình 2.4. Trình độ học vấn	32
Hình 2.5. Tình trạng cư trú	32
Hình 2.6. Kinh nghiệm lao động ngoài trời	32
Hình 2.7. Mức lương trung bình/tháng	32
Hình 2.8. Độ tuổi	32
Hình 2.9. Tình trạng hôn nhân	32
Hình 3.1. Các hiện tượng thời tiết cực đoan tại bốn thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, TP.HCM và Cần Thơ từ tháng 7/2023 - 7/2024 theo phản ánh của người lao động ngoài trời	52
Hình 3.2. Đặc trưng khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan tại bốn thành phố	53
Hình 3.3. Các vấn đề sức khỏe do thời tiết mà người lao động ngoài trời gặp phải trong giai đoạn từ tháng 7/2023 - 7/2024	54
Hình 3.4. Biểu đồ số ngày nắng nóng trong bốn tháng đầu năm, giai đoạn 1997 - 2024	55
Hình 3.5. Tình trạng sức khỏe theo nhóm tuổi	56
Hình 3.6. Phân bố số lượng trung bình bệnh nền theo nhóm tuổi	56
Hình 3.7. Tình trạng sức khỏe phân theo giới tính	57
Hình 3.8. Tình trạng sức khỏe theo nhóm nghề	59
Hình 3.9. Phân bố nhóm tuổi theo nhóm nghề	60
Hình 3.10. Xác định đối tượng dễ bị tổn thương do các hiện tượng thời tiết cực đoan	61
Hình 3.11. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo thành phố.....	62
Hình 3.12. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo nhóm nghề	63

Hình 3.13. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo giới tính	63
Hình 3.14. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo nhóm tuổi	64
Hình 3.15. Nguồn cấp BHYT của người lao động trả lời có BHYT	67
Hình 3.16. Mức độ sử dụng BHYT của người có BHYT	67
Hình 3.17. Mức độ sử dụng BHYT theo nhóm tuổi	68
Hình 4.1. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo thành phố	72
Hình 4.2. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo ngành nghề	72
Hình 4.3. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo giới tính	73
Hình 4.4. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo nhóm tuổi	73
Hình 4.5. Chiến lược thích ứng về sức khỏe và sinh kế của người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu	78
Hình 5.1. Sáu giải pháp chiến lược nhằm hỗ trợ bảo vệ sức khỏe và sinh kế cho người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Wellcome Trust (Vương Quốc Anh) đã hỗ trợ thực hiện nghiên cứu này.

Chúng tôi xin cảm ơn các đối tác địa phương tại bốn thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và TP.HCM đã dành tâm huyết và nỗ lực thực hiện quá trình thu thập dữ liệu cho nghiên cứu. Chúng tôi cũng rất trân quý những quan điểm, chia sẻ của 400 người lao động ngoài trời, mỗi người là một câu chuyện rõ nét và chân thực về cuộc sống mưu sinh vất vả. Cách họ từng ngày kiên cường ứng phó với sự đổi thay của thời tiết, khí hậu – những chất liệu quý giá góp phần tạo nên thành công của nghiên cứu này.

Cuối cùng, cảm ơn các tác giả đoạt giải trong cuộc thi *"Viết câu chuyện cuộc đời: Chân dung người lao động ngoài trời – Những cảnh đời mưu sinh nơi phố thị"*, gồm Nguyễn Thị Bích Ngọc, Dương Thị Bảo Ngọc, Trương Linh, Nguyễn Đức Nghị và Phạm Hoàng Gia Hào đã đồng ý công bố câu chuyện của các bạn trong cuốn sách này.

LỜI TỰA

Cuốn sách này ra đời trong một thời điểm đặc biệt và đầy cấp bách. Biến đổi khí hậu, vốn từng được hình dung như một rủi ro xa xôi, nay đã trở thành hiện thực chạm tới từng nhịp thở của đô thị Việt Nam. Dưới cái nóng gắt bỏng rát, trong những cơn mưa đông bất chợt, và giữa không khí ô nhiễm dày đặc, những người lao động ngoài trời vẫn miệt mài mưu sinh và giữ cho thành phố vận hành. Họ hiện diện ở mọi góc phố, nhưng lại vắng mặt trong phần lớn diễn ngôn và quyết sách về khí hậu, sức khỏe và an sinh. Đây không chỉ là một thiếu sót, mà là một nghịch lý cần được đặt lại và chất vấn nghiêm túc.

Sách Xanh được hình thành từ mong muốn làm sáng tỏ những rủi ro sức khỏe, những trải nghiệm, tổn thương, và chiến lược thích ứng của chính những con người đang đối mặt hằng ngày với các tác động của biến đổi khí hậu. Cuốn sách là một phần của chương trình nghiên cứu kéo dài 30 tháng do Quỹ Wellcome Trust tài trợ, với chủ đề “Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe của các nhóm lao động ngoài trời dễ bị tổn thương tại các thành phố lớn ở Việt Nam”. Dự án được hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc gia, Vương Quốc Anh (NatCen), Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội (SocialLife), Tổng hội Y học Việt Nam, Viện Phát triển sức khỏe cộng đồng Ánh Sáng (Viện LIGHT) và Đại học Bristol. Cuốn sách do Viện SocialLife chủ trì thực hiện tại Việt Nam.

Điều làm nên giá trị cốt lõi của cuốn sách không chỉ nằm ở dữ liệu, mà ở phương pháp đồng kiến tạo tri thức. Đây không phải là nghiên cứu “về” người lao động, mà là một nỗ lực nghiên cứu “cùng với” và “được dẫn dắt bởi” chính họ. Trong các cuộc trò chuyện, phỏng vấn, ghi chép và thảo luận phản hồi, chúng tôi gặp những con người mang trong mình cả sự tổn thương lẫn sức sống mạnh mẽ: họ biết rõ điều gì khiến mình dễ bị tổn thương, họ tìm thấy cách thích ứng trong những điều kiện hết sức mong manh, và họ mang theo khát vọng giản dị mà sâu sắc về một cuộc sống an toàn, ổn định và được tôn trọng.

Một phần của cuốn sách dành để giới thiệu các tác phẩm từ cuộc thi “Chân dung người lao động ngoài trời”. Đây không chỉ là những hình ảnh minh họa, mà là những câu chuyện tự kể – nơi người lao động tự định nghĩa vị trí, phẩm giá và tiếng nói của chính mình trong đời sống đô thị.

Từ những đối thoại ấy, cuốn sách đề xuất sáu khuyến nghị chính sách nhằm xây dựng một nền thích ứng khí hậu mang tính bao trùm: từ xây dựng không gian làm việc an toàn, hệ thống cảnh báo thời tiết sớm, mở rộng bảo hiểm vi mô, hỗ trợ đa dạng sinh kế, phát triển hệ thống bảo trợ xã hội linh hoạt, đến thúc đẩy sự tham gia thực chất của cộng đồng vào quy trình chính sách. Những đề xuất này phản ánh nhu cầu cấp thiết của người lao động và hướng tới kiến tạo một hệ thống chính sách ứng phó khí hậu công bằng và hiệu quả hơn.

Cuốn sách này là một cam kết xã hội – rằng không ai nên bị bỏ lại phía sau trong các thảo luận về khí hậu và sức khỏe. Rằng tiếng nói từ cộng đồng không chỉ nên được lắng nghe – mà phải được coi trọng ngang hàng với tiếng nói chuyên gia. Và rằng tri thức – nếu được hình thành cùng với cộng đồng – sẽ trở nên sâu sắc hơn, thiết thực hơn và công bằng hơn.

Với tư cách là chủ nhiệm dự án, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới đội ngũ nghiên cứu tại Việt Nam – đặc biệt là SocialLife – vì sự tận tâm, nhẫn nại và sáng tạo, và trên hết, tôi muốn gửi lòng biết ơn sâu sắc tới hàng trăm người lao động ngoài trời đã tin tưởng mở lòng chia sẻ câu chuyện sống của mình. Chính họ đã giúp chúng tôi nhìn sâu hơn vào mối liên hệ giữa khí hậu, sức khỏe, cơ hội, rủi ro và hy vọng; và nhắc chúng ta nhớ rằng tri thức chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó được hình thành cùng với cộng đồng – và phục vụ cộng đồng.

Tôi tin rằng *Sách Xanh* không chỉ phản ánh thực trạng, mà còn gợi mở một cách nhìn khác: nhân bản hơn, bao dung hơn, và hướng về một tương lai đô thị nơi mọi người đều có quyền an toàn – ngay cả khi họ đang làm việc dưới trời nắng gắt hay giữa cơn mưa xối xả. Tôi hy vọng cuốn sách sẽ góp phần mở ra những cuộc đối thoại sâu sắc và có trách nhiệm giữa các nhà hoạch định chính sách, giới nghiên cứu và chính những người lao động – những người đang sống cùng và sống trong biến đổi khí hậu mỗi ngày.

Trân trọng,

TS. Vũ Ngọc Anh

Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc gia, Vương Quốc Anh (NatCen)

Giám đốc Dự án Nghiên cứu

LỜI NÓI ĐẦU

Kính gửi quý độc giả,

Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội (SocialLife) xin trân trọng gửi đến quý vị cuốn Sách Xanh – được trình bày dưới dạng một bản phúc trình nghiên cứu thường niên với chủ đề năm 2025: “Khí hậu thay đổi, nhưng cuộc sống vẫn cần tiếp diễn” nằm trong khuôn khổ dự án nghiên cứu: “*Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe người lao động ngoài trời tại đô thị Việt Nam*” do SocialLife hợp tác với Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc gia Vương Quốc Anh (National Centre for Social Research, UK) thực hiện, dưới sự tài trợ của Quỹ Wellcome Trust.

Sách Xanh ra đời với sứ mệnh làm cầu nối giữa người lao động ngoài trời đang vất vả mưu sinh trong thời tiết cực đoan mỗi ngày với các nhà hoạch định chính sách, tổ chức xã hội và cộng đồng. Thông qua phương pháp nghiên cứu đồng kiến tạo, chúng tôi đã tạo nên không gian đối thoại, nơi tiếng nói của những người lao động dễ bị tổn thương trong bối cảnh biến đổi khí hậu được lắng nghe và ghi nhận.

Qua quá trình nghiên cứu kéo dài trong suốt năm 2024, với những chuyến đi dã dài ngày tại bốn thành phố lớn của Việt Nam gồm Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và Cần Thơ. Tại bốn thành phố này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 400 người lao động ngoài trời (vào tháng 7/2024) với nguồn dữ liệu quý báu về thực trạng và thách thức mà nhóm lao động này đang phải đối mặt. Bản Phúc trình này phản ánh thực tế đáng báo động về tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan đến sức khỏe của người lao động ngoài trời: 27% người lao động gặp vấn đề hô hấp, 18% mắc bệnh liên quan đến nhiệt, và 17% gặp vấn đề tim mạch và huyết áp. Về mặt kinh tế, 74,5% người lao động bị giảm thu nhập do thời tiết cực đoan, trong đó 48% bị giảm thu nhập trên 25%. Người bán hàng rong chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, với 64,2% bị giảm thu nhập từ 25% trở lên. Điều kiện làm việc vô cùng khắc nghiệt: 58,8% người lao động làm việc vào khung giờ giữa trưa (từ 10 giờ sáng đến 2 giờ chiều – thời điểm nhiệt độ cao nhất trong ngày) và hơn 68% người lao động làm việc từ 8 đến hơn 12 giờ mỗi ngày.

Bên cạnh số liệu thống kê từ nghiên cứu thực nghiệm, cuốn sách còn truyền tải những câu chuyện sống động của các tác giả đoạt giải trong cuộc thi “Viết câu chuyện cuộc đời: Chân dung người lao động ngoài trời – Những cảnh đời mưu sinh nơi phố thị” – một hoạt động truyền thông cộng đồng trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu. Lấy cảm hứng từ tác phẩm kinh điển “Người nông dân Ba Lan” của W.I. Thomas và F. Znaniecki – hai nhà nghiên cứu tiên phong của trường phái Chicago trong xã hội học – SocialLife đã tiếp nối tinh thần nghiên cứu về trải nghiệm cá nhân trong bối cảnh xã hội cụ thể, nhằm khám phá tác động của môi trường xã hội đến việc định hình bản sắc, hành vi của mỗi người lao động ngoài trời. Cuộc thi được tổ chức để tạo ra không gian cho những câu chuyện chân thực về cuộc sống người lao động ngoài trời, qua đó nâng cao nhận thức cộng đồng về những

rủi ro sức khỏe mà họ phải đối mặt hằng ngày, đặc biệt là từ hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu gây ra như nắng nóng và rét buốt, bão lũ, mưa giông,... cùng với tác động kép đến sức khỏe từ hiện tượng môi trường như ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

Những tác phẩm đoạt giải trong cuộc thi phản ánh câu chuyện có thật về cuộc sống thường ngày của người lao động ngoài trời và ảnh hưởng của thời tiết đến sức khỏe và sinh kế của họ. Những câu chuyện này không chỉ là tư liệu khảo cứu cho đề tài, mà còn là minh chứng cho sự kiên cường và khả năng thích ứng phi thường của con người trước thách thức của biến đổi khí hậu và cuộc sống đô thị hiện đại.

Trong chương cuối của sách, dựa trên những phát hiện của nghiên cứu, chúng tôi đề xuất sáu giải pháp mang tính chiến lược nhằm thúc đẩy tiến trình chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ sinh kế cho người lao động ngoài trời có cuộc sống bấp bênh tại khu vực đô thị Việt Nam hiện nay. Sáu giải pháp bao gồm: (1) Xây dựng không gian làm việc an toàn và an ninh cho người lao động ngoài trời; (2) Phát triển hệ thống cảnh báo sớm dành riêng cho người lao động ngoài trời; (3) Tăng cường bảo hiểm vi mô và bảo hiểm thời tiết; (4) Hỗ trợ đào tạo kỹ năng và đa dạng hóa sinh kế; (5) Xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện; và (6) Thúc đẩy góp ý và sự tham gia của cộng đồng trong việc hoạch định chính sách.

Chúng tôi hy vọng cuốn sách này sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho quá trình ra quyết định, góp phần thúc đẩy các chính sách công bằng và hiệu quả hơn nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Trân trọng,

PGS.TS Nguyễn Đức Lộc

Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội (SocialLife)

CHƯƠNG

I

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI: KHUNG LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Biến đổi khí hậu đang trở thành một trong những thách thức cấp bách nhất của thế kỷ 21, đặc biệt tác động nghiêm trọng đến khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Báo cáo Phát triển Con người châu Á – Thái Bình Dương năm 2024 của UNDP đã gọi đây là một “mối đe dọa hiện hữu sâu sắc”, với nguy cơ làm gián đoạn tiến trình phát triển kinh tế – xã hội trong nhiều thập kỷ tới (UNDP, 2024).

Tại nhiều quốc gia trong khu vực, biến đổi khí hậu đang thay đổi mô hình thời tiết, làm tăng tần suất và mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng cực đoan như nắng nóng, lũ lụt, hạn hán và cháy rừng (IPCC, 2023).

Trong những năm gần đây, châu Á liên tục ghi nhận hiện tượng nhiệt độ tăng cao bất thường vào mùa hè. Tại các quốc gia như miền Bắc Ấn Độ, Myanmar, Philippines và Thái Lan đều trải qua những đợt nắng nóng kéo dài với mức nhiệt khoảng 40°C (WMO, 2024; Vũ & cộng sự, 2025, tr.8). Đặc biệt, tại các đô thị, hiện tượng đảo nhiệt đang làm tình trạng này thêm trầm trọng, khiến nhiệt độ trong thành phố cao hơn đáng kể so với khu vực ngoại ô.

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe con người cả trực tiếp và gián tiếp. Tác động trực tiếp bao gồm: nhiệt độ tăng cao, lũ lụt và bão gây ra chấn thương, bệnh tật hoặc thậm chí tử vong. Tác động gián tiếp xuất hiện khi thay đổi về nhiệt độ và lượng mưa ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp, sự lan truyền của dịch bệnh, cũng như làm giảm chất lượng không khí (Vũ & cộng sự, 2025, tr.8).

Tại Việt Nam, sự giao thoa giữa biến đổi khí hậu và quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã tạo ra những rủi ro phức tạp về sức khỏe, đặc biệt đối với người lao động ngoài trời – nhóm phải tiếp xúc trực tiếp với nắng nóng, ô nhiễm không khí và thời tiết cực đoan. Tính dễ bị tổn thương của nhóm lao động này không chỉ xuất phát từ yếu tố môi trường mà còn bắt nguồn

từ những yếu tố cấu trúc sâu xa trong hệ thống kinh tế - xã hội đô thị. Đa số người lao động ngoài trời thuộc khu vực phi chính thức, không có hợp đồng lao động, thiếu bảo hiểm xã hội và y tế, thu nhập bấp bênh và khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hạn chế. Họ thường bị loại trừ khỏi hệ thống bảo trợ xã hội chính thức, tạo nên tình trạng “tổn thương kép” khi vừa phải đối mặt với rủi ro khí hậu vừa thiếu nguồn lực để thích ứng.

Dù đã có một số nghiên cứu ở Đông Nam Á đề cập tới tác động của biến đổi khí hậu đến các nhóm dễ bị tổn thương, nhưng phân tích chuyên sâu về người lao động ngoài trời đô thị vẫn còn hạn chế – đây là nhóm có điều kiện lao động đặc thù và khả năng tiếp cận bảo trợ xã hội yếu. Nghiên cứu này nhằm lấp đầy khoảng trống tri thức đó bằng cách áp dụng khung lý thuyết về tính dễ bị tổn thương, rủi ro và khả năng thích ứng để làm rõ mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu, đô thị hóa và sức khỏe người lao động. Đặc biệt, công trình nghiên cứu này áp dụng phương pháp đồng kiến tạo, nơi người lao động không chỉ là đối tượng nghiên cứu mà còn là những chủ thể tri thức quan trọng trong quá trình tạo ra tri thức và phát triển các chiến lược thích ứng với thực trạng khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Người lao động ngoài trời nhóm chịu tổn thương kép từ khí hậu và cấu trúc xã hội

Trong số các nhóm bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, người lao động ngoài trời tại khu vực đô thị châu Á là nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương. Nhiều nghiên cứu xác định họ là một trong những nhóm phải đối mặt với rủi ro cao nhất từ tác động của biến đổi khí hậu, cùng với người cao tuổi, phụ nữ, nhóm thu nhập thấp, người có bệnh lý nền và những người sống trong khu vực đô thị hoặc mật độ dân số cao (Cheng và Huang, 2019; Yin và Wang, 2017; Li & cộng sự, 2021; Liu & cộng sự, 2019; Yu & cộng sự, 2023; Knowlton & cộng sự, 2014; Odihi, 2001).

Tính dễ bị tổn thương của người lao động ngoài trời bắt nguồn từ sự giao thoa giữa rủi ro khí hậu và những yếu tố cấu trúc sâu xa trong hệ thống kinh tế - xã hội đô thị. Về mặt cấu trúc, đa số người lao động này thuộc khu vực phi chính thức, không có hợp đồng lao động và do đó bị loại trừ khỏi các chế độ bảo hiểm xã hội và y tế bắt buộc. Thu nhập của họ không ổn định, phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết và điều kiện thị trường, trong khi khả năng tiếp cận dịch vụ y tế bị hạn chế do chi phí cao và thiếu thông tin. Hơn nữa, họ thường không được hưởng lợi từ các chương trình bảo trợ xã hội do không đáp ứng tiêu chí hộ nghèo chính thức hoặc thiếu giấy tờ chứng minh. Những rào cản cấu trúc này tạo nên tình trạng “tổn thương lồng ghép”, trong đó rủi ro khí hậu được khuếch đại bởi sự thiếu vắng mạng lưới an toàn xã hội.

Mặc dù đã có các nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe người lao động ngoài trời ở một số thành phố châu Á như Hà Nội (Lohrey & cộng sự, 2021) và các nghiên cứu về lao động phi chính thức ở Myanmar (Ko & cộng sự, 2020), những phân tích tổng hợp và so sánh về nhóm lao động này tại các đô thị Đông Nam Á vẫn còn hạn chế. Trong bối cảnh Việt Nam, mặc dù đã có các nghiên cứu về biến đổi khí hậu và tác động đến nông nghiệp cũng như cộng đồng ven biển, các nghiên cứu tập trung vào nhóm lao động phi chính thức ngoài trời tại các đô thị lớn—đặc biệt là cách thức họ trải nghiệm và thích ứng với rủi ro khí hậu hàng ngày—vẫn còn rất ít. Hơn nữa, chưa có nghiên cứu nào xem xét một cách có hệ thống mối liên hệ giữa tình trạng việc làm bấp bênh, khả năng tiếp cận hệ thống bảo trợ xã hội và mức độ tổn thương khí hậu của nhóm đối tượng này tại Việt Nam. Đặc biệt, việc hiểu rõ cách thức các yếu tố cấu trúc như tình trạng việc làm phi chính thức tương tác với rủi ro khí hậu để tạo ra “tổn thương kép” vẫn là khoảng trống tri thức mà nghiên cứu này hướng đến lấp đầy.

Tính dễ bị tổn thương cấp tính xuất hiện khi các yếu tố nhân khẩu học giao thoa với điều kiện làm việc ngoài trời và rào cản cấu trúc. Ví dụ, nghiên cứu về sức khỏe và phúc lợi của người bán hàng rong ở Yangon (Myanmar) chỉ ra rằng thời tiết

khắc nghiệt đặc biệt khó khăn đối với người bán hàng rong mang thai và người cao tuổi – những người vốn đã dễ bị tổn thương về sinh lý nhưng lại không thể tiếp cận dịch vụ y tế do tình trạng việc làm phi chính thức. Nghiên cứu này lập luận rằng điều kiện làm việc nghèo nàn kết hợp với thiếu bảo vệ xã hội làm suy yếu sức khỏe thể chất của nhóm lao động này, tạo nên vòng luẩn quẩn giữa nghèo đói, sức khỏe kém và tổn thương khí hậu (Ko & cộng sự, 2020).

Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới sức khỏe người lao động ngoài trời không chỉ đa dạng và nghiêm trọng, mà còn bị khuếch đại bởi những yếu tố cấu trúc trong hệ thống kinh tế - xã hội đô thị. Tác động liên quan đến nhiệt chiếm ưu thế, với rủi ro về sức khỏe như chuột rút do nhiệt, kiệt sức do nhiệt, say nắng và các biến chứng tim mạch được ghi nhận rộng rãi, đặc biệt trong loại hình công việc có rủi ro cao như xây dựng, bán hàng rong và vận tải (Vũ & cộng sự, 2025, tr.5). Bên cạnh đó, ô nhiễm không khí cũng là yếu tố chính khiến sức khỏe của người lao động ngoài trời bị giảm sút. Các chất ô nhiễm như PM2.5, oxit nitơ và lưu huỳnh làm các bệnh hô hấp và tim mạch trở nên trầm trọng hơn, đặc biệt đối với người lao động có thu nhập thấp, những người có độ phơi nhiễm cao với rủi ro môi trường do việc làm hàng ngày của họ diễn ra trong khu vực có mật độ giao thông cao và khu công nghiệp (Khan & cộng sự, 2023; Yu & cộng sự, 2023; Vũ & cộng sự, 2025, tr.5).

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

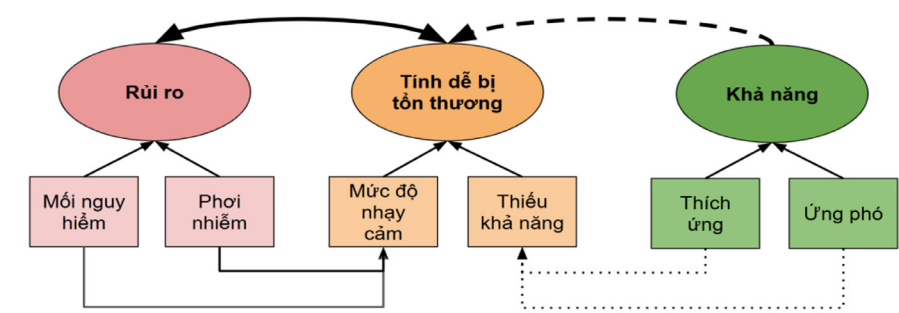
Trong nghiên cứu này, chúng tôi không chỉ sử dụng các khái niệm học thuật như “tính dễ bị tổn thương”, “thích ứng khí hậu” hay “lao động phi chính thức” như những thuật ngữ mô tả, mà coi đó là các công cụ phân tích giúp soi sáng sự chênh lệch sâu sắc về khả năng bảo vệ sức khỏe giữa các nhóm dân cư trong đô thị. Việc lựa chọn khung lý thuyết về tính dễ bị tổn thương, rủi ro và khả năng thích ứng xuất phát từ ba lý do chính: (1) khung này cho phép phân tích đa chiều các yếu tố tác động đến người lao động ngoài trời, từ yếu tố sinh lý, kinh tế đến thể chế; (2) tính phù hợp với bối cảnh Việt Nam nơi người lao động phi chính thức chiếm tỷ lệ cao nhưng bị loại trừ khỏi hệ thống an sinh xã hội; và (3) khung phân tích này giúp định hướng các can thiệp chính sách có trọng tâm và hiệu quả hơn.

Các khái niệm được lựa chọn không chỉ dựa trên nền tảng lý thuyết quốc tế, mà còn thông qua thảo luận với người lao động ngoài trời trong giai đoạn thiết kế và thực hiện nghiên cứu – nhằm đảm bảo phù hợp với ngữ cảnh địa phương. Chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh khái niệm “tính dễ bị tổn thương cấu trúc” để làm rõ rằng những rủi ro mà người lao động ngoài trời đang gánh chịu không phải là ngẫu nhiên, mà bắt nguồn từ những bất bình đẳng kéo dài về thể chế, bảo trợ xã hội, cơ sở hạ tầng đô thị, và sự thiếu thốn các dịch vụ thiết yếu như nước sạch, chỗ nghỉ an toàn và chăm sóc y tế cơ bản.

Thích ứng với bối cảnh Việt Nam

Dựa trên khung lý thuyết của IPCC về các yếu tố quyết định rủi ro (Cardona & cộng sự, 2012), chúng tôi phát triển một mô hình phân tích tích hợp phù hợp với đặc thù của người lao động ngoài trời tại đô thị Việt Nam. Khác với mô hình tĩnh của Cardona, khung phân tích của chúng tôi nhấn mạnh tính tương tác động giữa các yếu tố và đặc biệt chú trọng đến vai trò của các yếu tố cấu trúc đặc trưng của Việt Nam.

Hình 1.1. Khung phân tích tích hợp về tổn thương khí hậu của người lao động ngoài trời tại đô thị Việt Nam



Chú thích:

- Tăng
- Tương quan thuận
-> Giảm
- -> Tương quan nghịch

Nguồn: Dựa trên khung khái niệm của Cardona & cộng sự (2012), điều chỉnh cho bối cảnh Việt Nam

Bối cảnh Việt Nam đòi hỏi điều chỉnh khung lý thuyết quốc tế theo ba chiều kích chính. Thứ nhất, quá trình đô thị hóa không đồng bộ tại Việt Nam tạo ra những “khu vực xám” nơi người lao động nông thôn di cư đến thành phố nhưng không được tích hợp đầy đủ vào hệ thống đô thị chính thức. Thứ hai, cơ sở hạ tầng đô thị còn yếu, đặc biệt là hệ thống giao thông và không gian công cộng, khiến người lao động ngoài trời phải làm việc trong điều kiện thiếu an toàn và bảo vệ. Thứ ba, đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa - với nắng nóng cực đoan và mưa lớn bất thường - tạo ra những thách thức riêng biệt, mà nhiều khung phát triển từ bối cảnh ôn đới chưa thể lường trước.

Các khái niệm cốt lõi

Tính dễ bị tổn thương (Vulnerability)

Trong nghiên cứu này, tính dễ bị tổn thương được hiểu là “mức độ mà người lao động ngoài trời dễ bị tổn thương hoặc không thể ứng phó với tác động bất lợi của biến đổi khí hậu” (dựa trên IPCC, 2001). Khái niệm này bao gồm hai thành phần: tính nhạy cảm (sensitivity) và thiếu khả năng thích ứng (lack of adaptive capacity). Đối với người lao động ngoài

trời tại Việt Nam, tính dễ bị tổn thương không chỉ xuất phát từ điều kiện sinh lý mà còn bị khuếch đại bởi tình trạng việc làm phi chính thức, thiếu bảo hiểm và bị loại trừ khỏi hệ thống bảo trợ xã hội.

Bàn về tính dễ bị tổn thương, hai chỉ báo cần được làm rõ là tính nhạy cảm/mong manh (susceptibility/fragility/sensitivity) và tình trạng thiếu khả năng thích ứng (lack of resilience/lack of coping and adaptive capacities). Trong đó, tính nhạy cảm/mong manh đề cập đến khuynh hướng vật lý của con người, cơ sở hạ tầng và môi trường bị ảnh hưởng bởi mối hiểm nguy do thiếu khả năng chống chịu. Tình trạng thiếu khả năng thích ứng đề cập đến hạn chế trong khả năng tiếp cận và huy động nguồn lực của con người và tổ chức, cũng như sự bất lực trong việc dự đoán, thích nghi và phản ứng với các tác động xã hội, sinh thái và kinh tế (Cardona & cộng sự, 2012).

Rủi ro và Phơi nhiễm

Rủi ro được định nghĩa là kết quả của sự tương tác giữa mối nguy hiểm khí hậu, mức độ phơi nhiễm và tính dễ bị tổn thương (Cardona & cộng sự, 2012). Mỗi nguy hiểm đề cập đến biểu hiện vật lý của biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt, bão, mưa lớn, cũng như những thay đổi dài hạn trong mô hình khí hậu. Phơi nhiễm đề cập đến các yếu tố xuất hiện trong một khu vực nơi các sự kiện nguy hiểm có thể xảy ra (UNISDR, 2004).

Trong bối cảnh nghiên cứu, phơi nhiễm đề cập đến việc người lao động phải làm việc trực tiếp ngoài trời trong điều kiện thời tiết cực đoan, trong khi rủi ro là khả năng họ bị tổn hại về sức khỏe và sinh kế do sự kết hợp giữa phơi nhiễm cao và khả năng thích ứng thấp. Phơi nhiễm là điều kiện cần nhưng không phải điều kiện đủ để xác định rủi ro – một đối tượng dễ bị tổn thương trước một sự kiện thời tiết cực đoan chắc chắn phải là đối tượng bị phơi nhiễm, nhưng có những đối tượng bị phơi nhiễm chưa chắc đã là đối tượng dễ bị tổn thương vì còn tùy thuộc vào khả năng chống chịu của họ.

Khả năng thích ứng

Khả năng thích ứng được hiểu là năng lực của người lao động trong việc điều chỉnh hành vi, thay đổi sinh kế hoặc tìm kiếm hỗ trợ để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Cần phân biệt hai loại: khả năng thích ứng (adaptive capacities) và khả năng ứng phó (coping capacities). Khả năng thích ứng là khi “một cá nhân, gia đình, cộng đồng hoặc nhóm xã hội có thể tự điều chỉnh theo những thay đổi trong môi trường để đảm bảo khả năng sinh tồn và tính bền vững” (Lavell, 1999). Khả năng ứng phó là khi “con người, tổ chức và hệ thống có thể sử dụng các kỹ năng và nguồn lực sẵn có để đối mặt và kiểm soát các điều kiện bất lợi, trường hợp khẩn cấp hoặc thảm họa” (UNISDR, 2009).

Khái niệm này đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu vì nó giúp xác định các chiến lược thích ứng hiện có và tiềm năng cải thiện của người lao động. Ứng phó thường được dùng để chỉ hành động sau khi chịu tác động, trong khi thích ứng thường liên quan đến hành động trước đó.

Hướng ứng dụng trong nghiên cứu này

Khung lý thuyết này không chỉ hướng dẫn việc thu thập dữ liệu mà còn định hình cách thức phân tích kết quả. Để đảm bảo tính nhất quán giữa lý thuyết và thực nghiệm, chúng tôi xây dựng ma trận liên kết cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Liên kết giữa khái niệm lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Khái niệm lý thuyết	Cách vận dụng trong nghiên cứu	Biện quan sát/Câu hỏi nghiên cứu
Tính dễ bị tổn thương	Phân tích mức độ phơi nhiễm với các yếu tố khí hậu và đặc điểm sinh học của người lao động	Thu thập thông tin về mức độ phơi nhiễm khí hậu, điều kiện làm việc, tình trạng sức khỏe, và các yếu tố nguy hiểm tiềm ẩn
Phơi nhiễm	Đo lường mức độ tiếp xúc với các yếu tố khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ mặt trời)	Số giờ làm việc ngoài trời, loại công việc, thời gian trong năm. "Anh/chị thường làm gì khi trời quá nóng?"; "Khi thu nhập giảm do thời tiết, anh/chị xoay sở như thế nào?"
Khả năng thích ứng	Đánh giá chiến lược tự bảo vệ và thích ứng với điều kiện khí hậu	Các hành động trước thời tiết cực đoan, tần suất thực hiện các biện pháp bảo vệ
Rủi ro đối với sức khỏe	Xác định rủi ro sức khỏe dựa trên sự tương tác giữa mức độ phơi nhiễm và khả năng thích ứng	Đánh giá kết quả sức khỏe: mức độ ảnh hưởng của phơi nhiễm khí hậu đến tình trạng sức khỏe của người lao động
Yếu tố cấu trúc	Phân tích các yếu tố thể chế và xã hội ảnh hưởng đến khả năng thích ứng	Tình trạng hợp đồng lao động, bảo hiểm, tiếp cận dịch vụ công

Trong các chương tiếp theo, chúng tôi sẽ sử dụng khung này để: (1) xác định các yếu tố nguy hiểm (hazards) mà người lao động ngoài trời phải đối mặt, bao gồm các yếu tố khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ mặt trời; (2) phân tích mức độ phơi nhiễm (exposure) của người lao động với các yếu tố nguy hiểm này và mối quan hệ giữa mức độ phơi nhiễm với tình trạng sức khỏe của người lao động; (3) đánh giá hiệu quả của các chiến lược thích ứng hiện tại và khả năng thích ứng của người lao động; (4) xác định rủi ro sức khỏe (health risks) phát sinh từ sự tương tác giữa mức độ phơi nhiễm, khả năng thích ứng và các yếu tố cấu trúc; và (5) đề xuất các can thiệp chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Hiểu được sự phức tạp của các yếu tố này sẽ giúp chúng ta thiết kế các chính sách và can thiệp nhằm bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ quan điểm tiếp cận đồng kiến tạo

Xuất phát từ quan điểm nghiên cứu không chỉ về con người mà còn với con người, lỗi kéo họ tham gia một cuộc trò chuyện vào mối quan tâm về lối sống (Ingold, 2018), công trình này lựa chọn hướng tiếp cận đồng kiến tạo - một lối tiếp cận tương đối còn mới mẻ trong nghiên cứu sức khỏe, đặc biệt là sức khỏe của người lao động ngoài trời. Thay vì xem người tham gia là đối tượng thụ động, hướng tiếp cận này mời gọi họ trở thành người cộng tác viên tích cực trong quá trình cùng nhau tạo ra tri thức.

Trong nghiên cứu này, người bán vé số, bán hàng rong và công nhân xây dựng không chỉ là nguồn thông tin, mà còn là những chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn về mối quan hệ giữa khí hậu và sức khỏe nghề nghiệp. Một người thợ xây 42 tuổi tại TP.HCM chia sẻ trong chuyến diễn dã: *"Nghĩ đến cái cảnh vô công ty làm phải mặc đồng phục rồi có mặt đứng giờ, tui không có thích. Tui làm thợ xây được tự do, hôm nào mệt quá thì nghỉ, không ai quản."* Đặt trong ngữ cảnh nghiên cứu sức khỏe nghề nghiệp, lời chia sẻ này đã bộc lộ một nghịch lý trong lối tư duy của nhiều người lao động ngoài trời: chính sự linh hoạt - vốn được coi là lợi thế - lại có thể trở thành rào cản khiến người lao động khó tiếp cận các biện pháp bảo vệ sức khỏe có hệ thống khi đối mặt với khí hậu cực đoan.

Nhìn chung, lối tiếp cận này cho phép chúng tôi không chỉ nghiên cứu về thách thức sức khỏe của người lao động mà còn cùng họ phát triển các giải pháp ứng phó phù hợp với thực tiễn đời sống mưu sinh của họ.

Đến phương pháp đồng tham gia

Thiết kế công cụ khảo sát với sự tham gia của cộng đồng

Việc phát triển công cụ nghiên cứu lâu nay vốn được hiểu là công việc riêng tư của nhà nghiên cứu và được xem là những tháp ngà bất khả xâm phạm đối với những người không có chuyên môn. Tuy nhiên, trong thiết kế nghiên cứu của công trình nghiên cứu này, chúng tôi đã vượt qua giới hạn các thực hành nghiên cứu quen thuộc là "nghiên cứu về" mà chúng tôi đã mở ra chân trời nghiên cứu đồng kiến tạo với quan điểm "nghiên cứu với", nơi tiếng nói của người lao động trong các buổi thảo luận nhóm được cất lên, qua đó giúp cho nhà nghiên cứu hiểu rõ và lựa chọn những câu hỏi nào thực sự quan trọng với cuộc nghiên cứu.

Một ví dụ cụ thể khi thiết kế bản câu hỏi về tác động sức khỏe, chúng tôi đã mời những người bán vé số và công nhân xây dựng cùng chia sẻ ý kiến nhằm ghi nhận và đảm bảo rằng các câu hỏi phản ánh đúng trải nghiệm thực tế của họ. Một người phụ nữ 36 tuổi bán nước tại Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức đã góp ý quan trọng: *"Cô chưa nghĩ tới. Giờ mà cô đi làm việc khác rồi hai đứa nhỏ ở nhà ai chăm? Đi bán nước ở đây còn mang tụi nó theo ra đây chơi được chứ đi làm rồi bỏ tụi nhỏ ở đâu? Hôm nào con lớn nghỉ học là nó phụ cô bán"*

nước, vừa bán vừa làm bài tập." Lời góp ý này đã khiến chúng tôi nhận ra rằng tác động của biến đổi khí hậu không chỉ dừng lại ở các vấn đề y khoa mà còn liên quan đến cách thức cân bằng giữa công việc và trách nhiệm gia đình.

Phân tích dữ liệu với góc nhìn đa dạng

Việc phân tích dữ liệu cũng không còn được thực hiện đơn phương bởi nhà nghiên cứu nơi những căn phòng đầy áp sách vở, hay hệ thống phần mềm phức tạp. Thay vào đó, chúng tôi tổ chức các buổi phân tích tập thể, nơi mà người lao động được mời giải thích, bổ sung và phản biện các kết quả ban đầu. Để từ đó, chúng tôi trở về với đời sống lao động học thuật vốn dĩ để phân tích và lý giải. Các cuộc gặp gỡ trở đi, trở lại và những buổi thảo luận chung đã giúp chúng tôi có được hiểu biết sâu sắc nằm ngoài số liệu thống kê.

Trong quá trình phân tích này, một tình huống đáng nhớ đã xảy ra khi chúng tôi thảo luận kết quả sơ bộ với một nhóm người lao động. Một nữ tài xế xe ôm công nghệ 33 tuổi tại Quận 12, TP.HCM đã phản biện: *"Lúc trước chị làm ở công ty may nhưng giờ chị chuyển sang chạy Grab để tiện đưa đón bé nhỏ, do nó đang đi học mẫu giáo mà chỉ học có một buổi sáng. Chị đi làm công ty ở nhà không ai chăm, không ai đón nó. Chạy xe thì sáng đưa con đi học xong chị nhận đơn quanh khu vực trường, đến giờ đón con thì chị offline một lúc rồi đưa con về."* Lời phản biện này đã giúp chúng tôi hiểu sâu hơn về logic thực tế đằng sau lựa chọn nghề nghiệp của phụ nữ lao động.

Diễn giải kết quả thông qua thảo luận nhóm đa thành phần

Việc diễn giải kết quả nghiên cứu cũng được chúng tôi thực hiện thông qua thảo luận mở, có sự tham gia của nhiều bên: người lao động, nhà nghiên cứu, đại diện cộng đồng và nhà hoạch định chính sách. Cách tiếp cận này đảm bảo rằng kết quả nghiên cứu không chỉ là sản phẩm của nhà khoa học mà còn là kết quả của sự đối thoại và thấu hiểu chung.

Trong quá trình này, chúng tôi đã ghi nhận nhiều phản hồi quan trọng. Một người phụ nữ 72 tuổi bán nước tại Chợ đầu mối Thủ Đức đã chia sẻ: *"Bà không muốn làm gánh nặng cho con gái, vì con nó còn đang chăm con nhỏ. Bà còn khỏe, ở nhà cũng buồn. Đi bán nước vậy vừa có việc làm, vừa có tiền tiêu vật không phải xin con."* Lời chia sẻ này đã giúp chúng tôi hiểu sâu hơn về động cơ làm việc của người lao động cao tuổi, không chỉ đơn thuần là nhu cầu kinh tế mà còn là nhu cầu duy trì phẩm giá và vai trò xã hội.

Từ đối tượng nghiên cứu trở thành cộng sự viên đắc lực tại cộng đồng

Có lẽ, dù xuất phát từ bất cứ quan điểm nghiên cứu nào, chúng ta phải thừa nhận rằng chính người dân là những chuyên gia thực thụ về những trải nghiệm sống của đời sống xã hội. Chính vì vậy, các cuộc phỏng vấn được chúng tôi thiết kế như những cuộc đối thoại mở, nơi người lao động không chỉ trả lời câu hỏi mà còn được khuyến khích đặt câu hỏi, chia sẻ câu chuyện riêng của mình.

Một ghi chép thực địa của một nghiên cứu viên tại cộng đồng đã chia sẻ: *"Khi hỏi về việc quản lý sức khỏe trong điều kiện nắng nóng, người bán hàng rong không chỉ mô tả trải nghiệm cá nhân mà còn đưa ra nhận xét, phân tích sâu sắc về các chiến lược thích ứng của cộng đồng."* Có thể thấy, trong nhiều tình huống người dân không chỉ là người cung cấp thông tin cho nhà nghiên cứu mà họ đã trở thành người dẫn đường, người hướng dẫn cho các nhà nghiên cứu biết cách thức nào để có thể thực hành việc nghiên cứu tại cộng đồng một cách tốt nhất.

Với phương pháp quan sát tham dự (participant observation) trong nhân học vốn đề cao vai trò làm chủ thể của cộng đồng, nhà nghiên cứu đi cùng với người lao động, cùng trải nghiệm điều kiện làm việc của họ, liên tục nhận được phản hồi và giải thích từ chính những người này và như thế họ từ đối tượng nghiên cứu trở thành cộng sự viên đắc lực tại cộng đồng là vậy.

Phân tích nội dung và diễn ngôn đa chiều

Ở giai đoạn phân tích dữ kiện, chúng tôi không chỉ phân tích những gì được nói ra, mà còn chú ý đến cách thức diễn đạt, bối cảnh văn hóa và xã hội của từng câu chuyện. Mỗi câu chuyện được xem là một văn bản phức tạp, chứa đựng ý nghĩa sâu xa ẩn sau từng câu từ. Để đảm bảo tính chính xác trong diễn giải, chúng tôi thường xuyên quay trở lại với người tham gia để xác nhận sự hiểu biết của mình.

Một ví dụ điển hình là khi một người bán nước 49 tuổi tại chợ đầu mối Thủ Đức chia sẻ: *"Hồi đó cô có bảo hiểm y tế mà giờ hết hạn rồi, không có tiền mua lại. Tiền kiếm được trong tháng để trả tiền nhà với nuôi hai đứa nhỏ đi học là hết rồi. [...] Ngồi bán nước rảnh cô hay mở trên Youtube coi người ta chỉ có phương thuốc này hay hay phương thuốc kia hay là cô sẽ lấy tờ giấy cô ghi lại, để về mình thử mình tìm uống, hoặc là thấy ai cần thì mình sẽ chia sẻ lại."* Những phản hồi như thế này giúp chúng tôi hiểu sâu hơn về logic thực tế đằng sau việc tìm kiếm thông tin sức khỏe của người lao động ngoài trời.

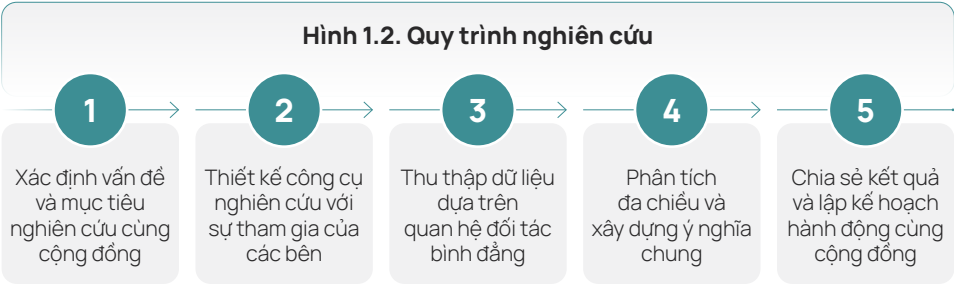
Địa bàn khảo sát như là một trạm quan sát xã hội

Công trình nghiên cứu này được chúng tôi tiến hành tại bốn thành phố lớn ở Việt Nam, bao gồm TP.HCM, Cần Thơ, Đà Nẵng và Hà Nội. Mỗi địa điểm là một mắc xích trong mạng lưới đồng kiến tạo, nơi tri thức được trao đổi, bổ sung và làm phong phú. Việc lựa chọn các địa điểm này không chỉ nhằm đảm bảo tính đại diện về địa lý, mà còn để nắm bắt một cách đa dạng về những trải nghiệm của người lao động trong các bối cảnh đô thị khác nhau.

Mỗi địa điểm nghiên cứu được xây dựng như một không gian đối thoại, nơi người lao động thuộc các nhóm nghề khác nhau có thể chia sẻ, so sánh và phát triển hiểu biết chung về mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và sức khỏe. Điều này giúp chúng tôi xây dựng một bức tranh toàn cảnh phong phú và sống động về thách thức mà người lao động ngoài trời phải đối mặt.

Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu của dự án này trải qua bốn giai đoạn chính, được triển khai từ tháng 4/2024 đến tháng 8/2024, với tổng cộng **141 chuyến đi** tại bốn thành phố lớn của Việt Nam: Thành phố Hồ Chí Minh (35 chuyến), Hà Nội (34 chuyến), Đà Nẵng (56 chuyến) và Cần Thơ (16 chuyến). Nghiên cứu áp dụng phương pháp đồng kiến tạo, trong đó người lao động không chỉ là đối tượng nghiên cứu mà còn là người cộng tác tích cực trong quá trình tạo ra tri thức về sức khỏe nghề nghiệp.



Nguồn: Nhóm tác giả

Giai đoạn 1: Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu cùng cộng đồng (tháng 4-5/2024)

Trong giai đoạn đầu, chúng tôi thực hiện quan sát tham dự và xây dựng mối quan hệ với người lao động ngoài trời thuộc ba nhóm nghề chính: bán vé số/bán hàng rong, lái xe công nghệ/xe ôm, bốc vác và công nhân xây dựng. Mục tiêu của giai đoạn này là xây dựng mối quan hệ tin cậy, hiểu rõ bối cảnh làm việc và xác định các vấn đề ưu tiên liên quan đến sức khỏe từ góc nhìn của chính người lao động. Thông qua các cuộc trò chuyện thân mật và quan sát trực tiếp, chúng tôi cùng người tham gia làm rõ các câu hỏi nghiên cứu chính. Trong giai đoạn này, nhóm nghiên cứu đã tổ chức các buổi họp với đối tác địa phương và tham vấn chuyên gia để thiết kế công cụ thu thập dữ liệu phù hợp.

Giai đoạn 2: Thiết kế công cụ nghiên cứu với sự tham gia của các bên (tháng 5-6/2024)

Dựa trên kết quả giai đoạn 1, chúng tôi phối hợp với người lao động, các chuyên gia và đối tác địa phương để đồng thiết kế bảng hỏi khảo sát. Vào ngày 29/5/2024, chúng tôi tổ chức buổi tham vấn trực tuyến với 08 chuyên gia từ các lĩnh vực: phát triển cộng đồng, tâm lý học, y tế công cộng, chính sách công, xã hội học và báo chí lao động. Tiếp theo, hai buổi họp phản hồi với đối tác địa phương được tổ chức vào ngày 6/6/2024 và 12/6/2024 để điều chỉnh ngôn ngữ, cách thức đặt câu hỏi cho phù hợp với bối cảnh thực tế và văn hóa giao tiếp của người lao động.

Giai đoạn 3: Thu thập dữ liệu trên quan hệ đối tác bình đẳng (tháng 6-8/2024)

Trong giai đoạn này, chúng tôi tiến hành thu thập dữ liệu chính thông qua khảo sát định lượng với 400 người lao động (mỗi thành phố 100 người) và quan sát tham dự liên tục. Bốn nhóm nghiên cứu địa phương đã thực hiện 141 chuyến đi dã, trong đó:

- **TP. Hồ Chí Minh:** 35 chuyến đi dã tại 5 quận/huyện (Quận 1, Bình Tân, Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Quận 12)
- **Hà Nội:** 34 chuyến đi dã tại 7 quận (Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Đông, Đống Đa, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Ba Đình)
- **Đà Nẵng:** 56 chuyến đi dã tại 5 quận (Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ)
- **Cần Thơ:** 16 chuyến đi dã tại 3 quận (Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy)

Nhóm nghiên cứu không chỉ đơn thuần ghi nhận thông tin mà còn tạo không gian đối thoại để người lao động chia sẻ kinh nghiệm, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp. Một số người tham gia còn hỗ trợ kết nối với đồng nghiệp và đóng góp ý kiến về cách diễn giải dữ liệu sơ bộ.

Giai đoạn 4: Phân tích dữ liệu cộng tác và phát triển ứng dụng (tháng 7-8/2024)

Giai đoạn cuối tập trung vào phân tích dữ liệu và phát triển ứng dụng cảnh báo sức khỏe tích hợp công nghệ GIS. Chúng tôi phối hợp với Công ty Cổ phần Công nghệ ARI và chuyên gia GIS để xây dựng phiên bản demo của ứng dụng, bao gồm các lớp dữ liệu: Chỉ số Khí hậu Nhiệt độ Toàn cầu (UTCI), độ cao tán cây toàn cầu, và ranh giới hành chính Việt Nam. Đồng thời, chúng tôi tham vấn các chuyên gia y tế công cộng và nhà hoạch định chính sách để đảm bảo các khuyến nghị từ nghiên cứu mang tính khả thi và phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

CHƯƠNG

III

CHÂN DUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI: ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN MƯU SINH

Đô thị Việt Nam hiện đang chứng kiến làn sóng di cư lao động từ nông thôn với quy mô chưa từng có, tạo nên một lực lượng lao động phi chính thức đông đảo - hàng triệu người mỗi ngày phải mưu sinh ngoài trời trong điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt do biến đổi khí hậu. Họ là những người bán hàng rong dọc các tuyến phố, công nhân xây dựng trên những công trình, người thu gom phế liệu trong các ngõ hẻm, hay những tài xế xe ôm chạy khắp phố phường. Dù đóng vai trò then chốt trong guồng máy kinh tế đô thị, nhóm lao động này lại thường bị “vô hình hóa” trong các chính sách phát triển và chương trình bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp chính thống.

Để đảm bảo tính nhất quán giữa khung lý thuyết và phân tích thực địa, chương này lý giải **trải nghiệm sống** của người lao động ngoài trời như điểm giao nhau giữa **phơi nhiễm khí hậu** và **tính dễ bị tổn thương mang tính cấu trúc**. Phân tích định tính không chỉ mô tả hiện tượng, mà truy tìm cách người lao động nhận thức, diễn giải và thương lượng với rủi ro trong đời sống hằng ngày. Trọng tâm vào tiếng nói của người trong cuộc giúp nhận diện **những dạng tổn thương khó đo lường** (mệt mỏi tích tụ, căng thẳng tâm lý, suy giảm phẩm giá nghề nghiệp, cảm nhận bất bình), qua đó bổ khuyết cho các chỉ báo định lượng và làm rõ chiều sâu xã hội-cảm xúc của rủi ro khí hậu.

Nghiên cứu này khám phá trải nghiệm sống và làm việc của người lao động ngoài trời thông qua ba câu hỏi cốt lõi:

- 1 Họ gán những ý nghĩa gì cho công việc và lựa chọn nghề nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu?
- 2 Các yếu tố như giới tính, tuổi tác và di cư ảnh hưởng như thế nào đến chiến lược thích ứng của họ?
- 3 Họ cân nhắc ra sao giữa nhu cầu duy trì sinh kế và chăm sóc sức khỏe khi đối mặt với thời tiết cực đoan?

Để trả lời những câu hỏi này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với trọng tâm là phân tích tự sự, tiến hành 40 cuộc phỏng vấn sâu, bốn cuộc thảo luận nhóm và hơn 40 chuyến đi dã tại bốn đô thị lớn (Hà Nội, Đà Nẵng, TP.HCM và Cần Thơ) từ tháng 4 đến tháng 12/2024. Thay vì chỉ “nghiên cứu về” người lao động, chúng tôi áp dụng phương pháp đồng kiến tạo để “nghiên cứu với” họ, biến họ từ đối tượng nghiên cứu thụ động thành những cộng tác viên tích cực trong quá trình tạo ra tri thức.

Dữ liệu định tính cho phép chúng tôi hiểu sâu về kinh nghiệm sống, cách thức gán ý nghĩa và các chiến lược thích ứng cụ thể của người lao động, trong khi việc phân tích theo giới tính, tuổi tác và tình trạng di cư giúp làm rõ tính đa dạng và bất bình đẳng trong tác động của biến đổi khí hậu. Thông qua những câu chuyện được kể bằng chính giọng nói của người trong cuộc, chương này không chỉ cung cấp hiểu biết khách quan mà còn tạo ra sự đồng cảm sâu sắc với thách thức mà người lao động ngoài trời phải đối mặt, từ đó làm nền tảng cho việc phân tích các chiến lược thích ứng và cân nhắc lựa chọn giữa sinh kế và sức khỏe trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

BỨC TRANH TOÀN CẢNH VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG BẮP BỆNH NGOÀI TRỜI

Xét trên bình diện hệ thống kinh tế đô thị, lao động bấp bênh ngoài trời dường như đóng vai trò quan trọng, đôi khi không thể thiếu trong nền kinh tế phi chính thức tại các đô thị lớn ở Việt Nam. Những người lao động này đảm nhận nhiều công việc thiết yếu như bán hàng rong, thu gom phế liệu, chạy xe ôm, bốc vác hay xây dựng công trình dân dụng. Kết quả khảo sát của chúng tôi vào tháng 7/2024 được trình bày trong công trình nghiên cứu này phản ánh đặc điểm nhân khẩu học nổi bật của người lao động bấp bênh ngoài trời, qua đó cung cấp một bức tranh toàn cảnh về đối tượng lao động này.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn lao động ngoài trời là nam giới. Con số này chiếm 72%, cho thấy xu hướng nam giới chiếm ưu thế trong công việc lao động thể chất. Trong số đó, lao động nam chiếm ưu thế trong các nghề xây dựng, khuôn vác và xe ôm (trên 85% là nam ở mỗi nhóm nghề). Đối với nghề bán hàng rong, lao động nữ chiếm đa số với 79% (xem Hình 2.3). Tuy nhiên, có một bộ phận không nhỏ là lao động trẻ, với 40,2% nằm trong độ tuổi từ 18 đến 30 (xem Hình 2.8) và 48,5% chỉ mới gia nhập lực lượng lao động ngoài trời dưới 1 năm (xem Hình 2.6). Thực tế này phần nào phản ánh nhu cầu việc làm của nhóm lao động trẻ khi không có nhiều lựa chọn trong thị trường lao động chính thức. Bên cạnh đó, một đặc điểm đáng chú ý là tỷ lệ lớn người lao động ngoài trời thuộc nhóm trung niên và lớn tuổi, với 30,8% có độ tuổi từ 45 trở lên, cho thấy đây là nhóm có nhiều kinh nghiệm nhưng cũng đối mặt với thách thức về sức khỏe do tuổi tác.

Với trình độ học vấn thấp, 69,4% người chưa học đến cấp THPT (xem Hình 2.4), mức lương trung bình/tháng của người lao động ngoài trời rơi vào khoảng 7.474.825 VNĐ/tháng. Nếu chỉ nhìn vào con số, mức lương này không phải là quá thấp so với mặt bằng chung thị trường lao động phổ thông ở Việt Nam. Song, nếu đặt mức thu nhập ấy vào bối cảnh người lao động không có hợp đồng lao động, không được hưởng các chế độ BHXH và BHYT, không đảm bảo khả năng có việc thường xuyên, đồng thời phải gánh vác trách nhiệm gia đình (71,25% đã kết hôn – xem Hình 2.9), thì mức thu nhập này đặt ra nhiều thách thức về an sinh khi họ đối mặt với bệnh tật hoặc mất khả năng lao động.

Hình 2.1. Đặc điểm nhân khẩu học của lao động bắp bệnh ngoài trời tại các đô thị Việt Nam

**Người lao động bắp bệnh ngoài trời
tại các đô thị ở Việt Nam**

Trong một môi trường đô thị năng động, người lao động ngoài trời đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Họ là những người làm việc dưới mọi điều kiện thời tiết và cung cấp nhiều dịch vụ thiết yếu cho cộng đồng. Những thống kê sau đây sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về lực lượng lao động này.

72%

người lao động ngoài trời là nam giới, cho thấy sự đóng góp lớn từ nam giới trong các công việc này.

21,8%

người lao động ngoài trời trong độ tuổi từ 18 đến dưới 30, cho thấy lực lượng lao động trẻ tuổi rất đáng chú ý.

40,3%

người lao động ngoài trời nằm trong độ tuổi từ 45 đến dưới 60, thể hiện sự kinh nghiệm và năng lực trong công việc.

7.474.825 VND

là thu nhập trung bình hàng tháng của người lao động ngoài trời, cho thấy mức sống và sự bền vững trong công việc của họ.

58,8%

người lao động ngoài trời làm việc vào khung giờ giữa trưa, chỉ ra sự cống hiến và kiên trì của họ dù điều kiện thời tiết không thuận lợi.

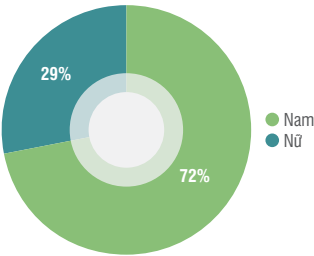
4%

Người lao động không có trình độ học vấn thể hiện sự đa dạng và thách thức trong lực lượng lao động

Tóm lại, người lao động ngoài trời ở đô thị Việt Nam là một phần không thể thiếu của nền kinh tế hiện đại. Họ cung cấp các dịch vụ quan trọng và cần được công nhận vì sự cống hiến của mình trong mọi điều kiện thời tiết.

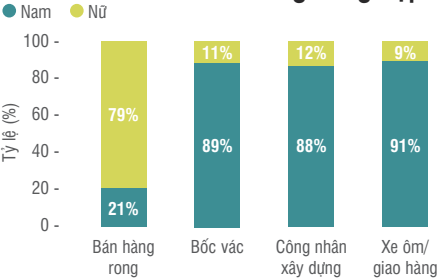
Nguồn: Nhóm tác giả, dựa trên dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.2. Giới tính



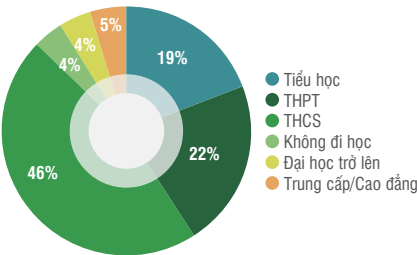
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.3. Giới tính theo nghề nghiệp



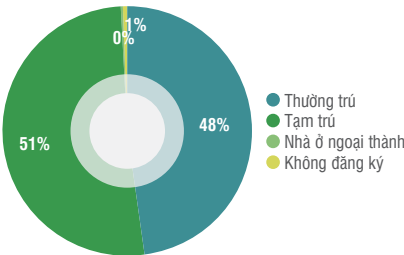
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.4. Trình độ học vấn



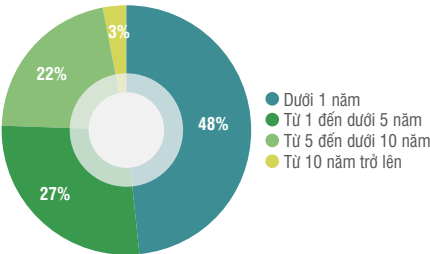
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.5. Tình trạng cư trú



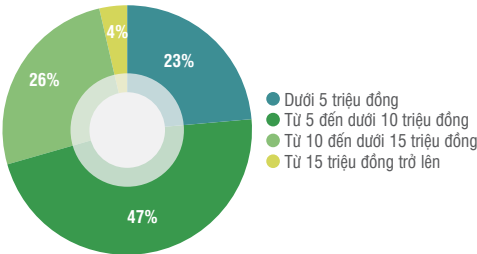
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.6. Kinh nghiệm lao động ngoài trời



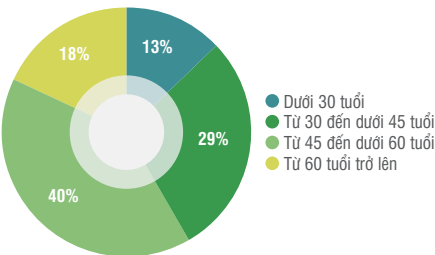
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.7. Mức lương trung bình/tháng



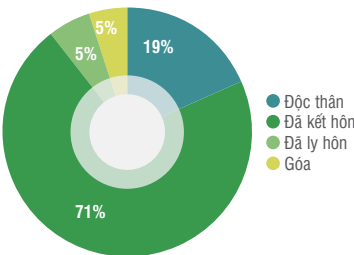
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.8. Độ tuổi



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Hình 2.9. Tình trạng hôn nhân



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Qua số liệu thống kê trên, những đặc điểm về điều kiện làm việc phản ánh rõ mức độ dễ tổn thương cũng như thách thức mà người lao động ngoài trời đang đối mặt. Song, để hình dung rõ nét chân dung con người trong công trình nghiên cứu này, dữ liệu thống kê sẽ khó có đủ khả năng diễn đạt được những nỗi truân chuyên và những thương tổn mà người lao động gặp phải trên bước đường mưu sinh. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ trình bày những câu chuyện với những trải nghiệm thật về cuộc sống mưu sinh của người lao động ngoài trời – vốn dĩ đây là các tác phẩm đạt giải trong cuộc thi “*Viết câu chuyện cuộc đời: Chân dung người lao động ngoài trời – Những cảnh đời mưu sinh nơi phố thị*” mà theo một thành viên trong ban bình chọn ví von là một cuộc cạnh tranh bằng trái tim, tình người hơn là những kỹ năng hay nghệ thuật biểu đạt ngôn từ. Chúng tôi hy vọng rằng thông qua những câu chuyện này sẽ giúp quý độc giả nhìn nhận rõ hơn về cuộc sống mưu sinh và nỗi vất vả mà họ đang trải qua từng ngày.



Một người bán trái cây tại TP Cần Thơ, ngày 27/05/2024.
Ảnh: Nguyễn Thị Kim Thoa



Một người bốc vác tại TP Đà Nẵng, ngày 28/07/2024.
Ảnh: Trương Minh Đến



Một người bốc vác tại TP Đà Nẵng, ngày 11/7/2024. Ảnh: Trương Minh Đến

NHỮNG CUỘC MƯƠI SINH NƠI PHỐ THỊ

Điều thúc đẩy hành vi của con người mạnh mẽ hơn cả là cảm xúc chứ không phải dữ liệu. Sự tham gia của truyền thông bằng hình thức kể chuyện đóng vai trò như chất xúc tác quan trọng cho sự thay đổi chính sách (Fadlallah & cộng sự, 2019). Trong phần này, bằng cách tuyển tập những câu chuyện có thật về cuộc đời người lao động bấp bênh ngoài trời, chúng tôi mong muốn cung cấp những kích thích chân thực về sự vất vả và sinh nhai và cả tác động sức khỏe từ thời tiết cực đoan mà họ đang trải qua mỗi ngày.

Năm câu chuyện bên dưới là tác phẩm đoạt giải trong cuộc thi “*Viết câu chuyện cuộc đời: Chân dung người lao động ngoài trời – Những cảnh đời mưu sinh nơi phố thị*” – một trong các hoạt động truyền thông cộng đồng của chương trình nghiên cứu. Các câu chuyện cũng hàm chứa lối sống, biện pháp mà người lao động áp dụng để thích nghi, để vượt qua nghịch cảnh sinh kế lẫn khí hậu.

Câu chuyện chị Thương



Ảnh: Chị Thương và chiếc xe ve chai của mình
(tác giả cung cấp)

Sinh ra ở xứ Nẫu – Bình Định, chị Thương lên Sài Gòn định cư tính tới nay đã ngót nghét được 25 năm. Chị bắt đầu công việc đầu tiên ở vùng đất đô thị này với nghề buôn ve chai, học từ người chị gái cũng đã rời quê vào Sài Gòn sống trước chị nhiều năm. Dưới nắng hè, chị vừa đưa tay quạt mồ hôi, vừa cười ỏn ẻn: “Mình bỏ học từ năm lớp 9 do hồi đó ham chơi kinh lắm, không thích học chỉ thích đi chơi này kia. Ba mình hồi đó răn đe đủ thứ mình cũng không muốn học tiếp nữa. Vậy là mình lên thành phố học nghề

buôn ve chai từ bà chị. Bà biết nghề trước mình, nhưng sau này cũng bỏ về quê hết, chỉ có mình bám trụ vì mình thấy mình hợp với việc buôn bán vui vẻ, chắc có duyên với nghề.”

Dạo mới lên Sài Gòn, chị Thương ở trọ chung với người chị gái ở Quận 7. Dần dần được chị dẫn, chị cũng bắt đầu với chiếc xe đạp vòng quanh khắp các hẻm cùng ngõ hẻm của Sài Gòn để thu mua ve chai, sau đó bán lại cho các đại lý. Những lúc rảnh rỗi thì chị đi tìm nhôm nhựa ở các khu tập kết hoặc thùng rác trước các căn hộ gia đình. Năm 25 tuổi, chị lập gia đình với một người đàn ông cùng quê, hành nghề thợ hồ. Từ đó, gia đình nhỏ của chị chuyển về thuê trọ ở gần bến xe Miền Đông rồi bốn đứa con lần lượt thi nhau ra đời. Gánh ve chai trên chiếc xe nhỏ, nay càng nặng trĩu trên vai đôi vợ chồng trẻ hành nghề tự do với thu nhập không ổn định.

Vì muốn gia tăng thu nhập, nên chồng chị đã chấp nhận đi làm công trường xây dựng ở Vũng Tàu cho một người bà con xa để có thêm tiền trang trải cho gia đình mỗi ngày một đông. Chồng đi làm xa, chỉ còn một mình chị tất tả lo miếng ăn, quần áo, học hành của ba



Ảnh: Chị Thương trong một ngày làm việc
(tác giả cung cấp)

đứa nhỏ. Đứa lớn nhất thì đã đủ tuổi đi học nghề ở ga-ra ô tô và tự lo được cho mình. Mỗi sáng chị dậy sớm, tắm tất chu toàn bữa sáng cho các con và gửi chúng đến trường, sau đó chị đạp chiếc xe đạp cũ kĩ của mình kèm một cái xe kéo nhỏ để chở nhiều ve chai, rồi đi khắp các nẻo đường.

Chị bồi hồi: “Vi làm tự do, nên bước ra đường có hôm được hôm không, lúc ít lúc nhiều, gần như kiếm ngày nào là “xào” luôn ngày đó, tất cả dồn vô tiền ăn uống chi phí học hành tã sữa cho các con. Mình nghèo khổ mình ăn gì cũng được. Nhưng con mình thì mình muốn nó được ăn uống ngon hơn, không phải kham khổ như mình, nên mình ráng được tới đâu hay tới đó. Mình lao động ngoài trời nên thời tiết cũng ảnh hưởng ít nhiều tới việc làm, thu nhập. Bữa nào nắng thì đỡ hơn, còn mưa thì thu nhập ít lại vì mưa làm ướt giấy, đại lý không cân bán cho mình. Bởi vậy mưa to quá có khi không có đồng nào.”

Đạp xe đi buôn và lượm ve chai từ sáng sớm tới tối mịt mỗi ngày, mỗi trưa tầm 1 giờ chiều chị Thương sẽ dừng chân tại con hẻm quen thuộc vắng người và nhiều cây – nơi tập kết của rất nhiều phụ nữ buôn ve chai giống như chị. Lẹ làng đặt xuống bên vệ đường tấm bia cạc tông, chị Thương cùng các chị tụ họp với nhau dưới bóng cây bên đường. Như một không gian sinh hoạt tập thể mỗi trưa, họ cùng ăn, cùng trò chuyện chia sẻ với nhau rôm rả về ngày làm việc của mình, về những khó khăn mình gặp phải, những niềm vui nhỏ mỗi ngày. Tối quá trưa thì họ sẽ nằm ngủ cạnh nhau ngay bên vệ đường. Ngủ dậy thì sẽ đạp xe đi vòng vòng để kiếm ve chai tiếp. Chị Thương cho hay, các chị đều cùng làm chung ngành này, tập hợp lại như một cộng đồng thu nhỏ để hỗ trợ, san sẻ, nâng đỡ và đùm bọc lấy nhau những lúc vui buồn, trong công việc cũng như trong cuộc sống. Đứng cạnh bên nhau như một cộng đồng, dường như giúp những khó nhọc trong cuộc sống của các chị dễ thở, dễ đối diện và dễ vượt qua hơn.

Chị Thương có vóc dáng nhỏ bé, ánh nhìn và nụ cười lấp lánh, giọng sang sảng đầy lạc quan, có lẽ bất kỳ ai nghe chị chia sẻ sẽ hiếm khi nghĩ rằng cuộc đời người phụ nữ này lại gặp nhiều khó khăn và đầy thăng trầm đến vậy. Có lúc chị rơm rớm nước mắt kể về một kỷ niệm một lần chị đang đạp xe đi mua ve chai ngoài đường, bất ngờ có hai vợ chồng thợ hồ trong ngôi nhà đang xây dở, gọi chị vào mua ve chai của công trình. Chị hồ hởi bước vào vì nghĩ hôm ấy hẳn là một ngày làm việc thuận lợi. Thời điểm ấy, cầu thang của ngôi nhà chưa xây xong lan can mà chỉ có bậc thang đơn lẻ. Vừa dậm bước lên tới tầng thứ hai thì



Ảnh: Đôi dép tổ ong đi cùng chị nhiều năm tháng. Chị Thương đang phân loại ve chai sau khi đã lượm đủ một xe, chuẩn bị đến chỗ thu mua si (tác giả cung cấp)

chân chị dính phải lớp sơn nhỏ từ trần nhà xuống, khiến chị té từ trên tầng xuống đất gãy xương sống lưng.

Ngay lúc đó, chủ nhà tới, nhưng thay vì đưa chị đi cấp cứu, họ chỉ đứng trách móc chị đã tự ý vào nhà để dẫn đến tai nạn. Rồi có lẽ vì sợ liên lụy nên ông ta nằng nặc bắt chị phải gọi điện cho người nhà tới để đưa đi cấp cứu dù chị đang trong giây phút nguy hiểm. Khi biết tin phải mổ tốn rất nhiều tiền, chị đã khóc ướt gối cả đêm trong bệnh viện và cầu nguyện Bồ tát Quán Thế Âm phù hộ để chị có thể tai qua nạn khỏi, an toàn trở về tiếp tục nuôi con.

Người nhà của chị lúc đó là người chị dâu cũng không mấy khá giả, đã cố gắng vay mượn gom góp của người quen, họ hàng lối xóm xa gần để đủ tiền mổ cho chị. May mắn thay, thời điểm ấy chị đã nhận được sự cứu giúp hết lòng của các y bác sĩ nên xương sống lưng chị bây giờ đã phục hồi rất nhiều, đủ để chị có thể tiếp tục theo đuổi công việc đôi phần nặng nhọc của mình.

Chị cười, một nụ cười nhẹ nhàng bình thản chẳng chút nặng nề: "Nghề ve chai cũng nhiều khó khăn, nhưng đối với mình những khó khăn ấy không mấy đáng kể. Với nghề này, với chiếc xe này, mình có thể tự do đi đâu mấy giờ tùy thích, mình được chủ động với chính công việc của mình. Trước đây, bầu đứa con thứ tư, mình vẫn chờ gỗ mùn thuê cho người ta cơ mà. Ôi mình làm nhiều lắm, gì mình cũng cố gắng làm. Tuy thu nhập không cao, dù phải lặn lội truân chuyên, nhưng mình vẫn thấy vui và hài lòng khi thấy mình vẫn còn mạnh khỏe, vẫn còn bước ra đường tức là vẫn còn lao động, còn khả năng làm việc, có thể kiếm được tiền dù chút ít."

Khắp các nẻo đường đông đúc len lỏi thấp thoáng đâu đó rất nhiều những người buôn ve chai như chị Thương, người phụ nữ gầy gò đạp chiếc xe đạp cọc cạch kèm chiếc xe ba gác tự chế nhỏ xíu phía trước. Đối diện với những tháng ngày đầy nắng trưa oi ả, những buổi chiều hanh hao, những cơn mưa đầu hè xối xả, những khó khăn, thử thách với cơm áo gạo tiền và giọt mồ hôi lao động mặn chát, ấy thế mà chị vẫn giữ được sự an nhiên, niềm an vui trong trẻo, sự bền bỉ cùng hy vọng lé lói về những tháng ngày phía trước, về tình yêu với con người, với cuộc đời và với những lo toan.

Nguyễn Thị Bích Ngọc,

Cựu sinh viên Khoa Ngữ Văn Anh, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Ráo mồ hôi... là hết tiền

Giữa trời miền Trung tháng Sáu, cái nắng 38 độ gay gắt phả lên nền sân xi măng, khiến cả căn nhà của chị Hòa chẳng khác nào một cái lò nung. Trên nền sân xi măng ấy, chỉ có đúng một dây quần áo đang phơi. Quần áo đàn ông có, quần áo đàn bà có, quần áo đi làm có, quần áo trẻ con cũng có. Nhưng điều lạ là tất cả những chiếc áo ấy đều bị ố vàng một mảng lớn ở lưng.

Đã gần 12 giờ trưa, Chị Hòa tắt tuổi từ cổng đi vào. Chị vắt tạm cái áo chống nắng lên dây phơi rồi đi thẳng xuống bếp. Chiếc áo ấy cũng có mảng ố vàng. Sở dĩ chị gấp gáp như vậy bởi đợt này đang là ngày mùa, công việc đồng áng liên tục không ngơi. Chị tranh thủ giờ trưa về nấu vội bữa cơm cho hai bố con. Chị cúi người, tay thoăn thoắt thái mớ rau vệt mớ hái ngoài vườn. Chị nhanh tay vén mấy sợi tóc lòa xòa trước mặt. Bấy giờ, tôi mới nhìn rõ gương mặt chị. Trông gương mặt quắt lại, đen sạm vì nắng ấy, không ai nghĩ chị mới ngoài 40. Theo mẹ bầm đồng ruộng từ năm lên 10, để rồi 30 năm qua, chị vẫn bầm trụ trên mảnh ruộng ấy, nuôi cha mẹ, nuôi gia đình, nuôi lấy thân...

"Ruộng đồng thì bươn chải ngoài đồng, ruộng thì đi, trời thì nắng nôi, nhiệt độ thì cao cũng phải ra mà làm. Nghề nông vất vả lắm. Mà con người nông dân thì chân bùn tay lấm. Bây giờ nghề nghiệp không có thì phải làm thôi."

Ấy là chị Hòa vẫn thường bảo với đứa con gái của mình như thế để dặn nó cố gắng mà học lấy cái nghề, đừng vất vả như bố mẹ.

Thị xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nơi chị Hòa đang sống là một trong những tỉnh thành chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến đổi khí hậu. Người ta nói "gió Lào là đặc sản của miền Trung", ấy là nói vui. Còn với những người nông dân như chị, ấy là cực hình. Những người lao động như chị Hòa chính là người cảm nhận rõ nhất sự khắc nghiệt này.

"Nhiệt độ cao thì người nông làm cũng phải chịu khó chịu thương mà dậy sớm để đi làm đồng. Trưa nắng nôi thì trở về, chứ bởi vì là nắng quá nhiều lúc cũng ảnh hưởng đến sức khỏe. Không chịu được. Mùa đông lạnh, giá rét thì cũng phải chịu khó thôi, bởi vì làm nghề nông thì vất vả, phải phụ thuộc theo mùa màng, thời tiết, khí hậu thay đổi."

Bình thường, chị ít khi kể khổ. Bởi kể làm gì khi những người dân xung quanh chị cũng chịu một cảnh ấy với nhau cả. Chẳng qua là sáng nay, trong lúc ngồi nghỉ, các cô, các chị vừa chuyển nhau bát nước chè xanh vừa thuận miệng kể dấy thôi. Cũng bởi năm nay cái nắng nó lạ kỳ quá. Bão này mấy năm trước, con mương gần ruộng chính vẫn đầy nước, thế mà năm nay đã gần cạn khô, nắng thì gay gắt đến cháy da cháy thịt. Mà mùa lạnh thì những buổi đi cấy sớm, trời rét cắt da cắt thịt, buốt tận xương.

Loáng một cái, mâm cơm đậm bạc đã được chuẩn bị xong. Cũng chỉ có mấy quả cà, đĩa rau, con cá cho qua bữa. Nhưng với nhà chị, thế là tươi tắn. Vừa đặt mâm cơm xuống, con bé con đã đạp xe về đến cổng.

- Sao về muộn thế con, rửa tay vào ăn cơm...m...m... cơm. Khụ khụ.

Chưa nói được hết câu, chị lên cơn ho sặc sụa. Mấy năm nay, chị ho luôn luôn. Ban đầu cứ tưởng do cảm lạnh. Vậy mà ho quanh năm, giữa trời hè oi nực chị vẫn ôm ngực ho đến tức thở. Cứ tưởng do viêm họng, nhưng năm ngoái, chị lên thị trấn khám thì bị chẩn đoán viêm phổi. Hóa ra, nguyên nhân là do hơn 30 năm nay, chị tiếp xúc với phân bón, thuốc sâu nhiều nên ngấm hóa chất.

Bé con thấy chị ho cũng chưa vội sốt sắng ngay, nó nhanh tay đi lấy cốc nước với thìa chanh ngâm cho mẹ. Thuốc của nhà nghèo chỉ có thế. "Thuốc thang làm gì rồi vẫn phải ra ruộng. Không làm ruộng thì còn làm gì mà kiếm ăn". Chị Hòa vẫn bảo vậy mỗi khi chống con khuyên đi tỉnh chữa.

- Tay mẹ bị sao thế này? - Con bé vừa xoa lưng mẹ, vừa hỏi.

- À, hồi chiều mẹ đi nhặt ve chai, chà may vớ vào cái mảnh chai ấy mà.

Chị nói chuyện ấy nhẹ như không, cứ như thể đấy là điều bình thường. Mà đúng là điều bình thường thật. Công việc đồng áng không đủ ăn nên mỗi lúc rảnh rang được một tí, chị lại dắt xe đi nhặt ve chai quanh xóm. Mà rác trong xóm thì quẳng bờ quẳng bụi, chị lại phải lượm lật, nhặt nhạnh. Cho dù đã có đôi găng mỏng, nhưng không tránh khỏi những lúc xước tay, trợt da vì mấy mảnh chai lọ vỡ, sắt gỉ hay thậm chí là kim tiêm. Giờ có găng tay, ủng đi ruộng còn đỡ, chứ mấy năm trước, chị và bà con cứ chân trần lội ruộng. Thế nên phân bón ngấm được vào đất thì cũng ngấm luôn vào đôi bàn chân nứt nẻ, khô cằn như đất của chị.

Hai mẹ con đang mãi kể thì nghe thấy tiếng xe xúc ầm ầm tiến vào.

- A bố về! Bố về! Bố vào ăn cơm luôn đi bố!

Chiếc xe đỗ xích lại ở góc sân đằng xa. Một người đàn ông dáng dong dong, làn da cháy nắng, chậm chậm bước xuống xe. Trên người anh ám đầy mùi dầu máy, và lưng áo thì đã ướt đẫm, ố vàng. Ấy là chồng chị Hòa, anh đã bỏ nghề ruộng, đi tứ xứ làm thuê đã lâu. Có công trình nào thuê, anh lại đi. Hà Tĩnh, Bình Thuận, Tuyên Quang,... Đã đi là đi liền mấy tháng. Nhưng không đi làm thuê thì lấy đâu ra tiền cho con bé con ăn học.

- Sao hôm nay bố nó mồ hôi mồ kê nhễ nhại thế này? Húp bát canh đã cho tỉnh - Chị vừa múc bát nước rau luộc cho chồng, vừa đon đả hỏi.

Anh chưa trả lời ngay mà uống ừng ực một hơi hết bát nước. Mồ hôi trên trán anh chảy ròng ròng thành giọt, rỏ cả vào bát. Bát canh hôm nay sao mặn chát...

- Hôm nay lái máy, người ta đưa cái xe đời cũ, chả có quạt gì cả, đâm ra ngồi trong ca-bin hầm hập như cái lò. Làm từ sáng đến giờ chưa xong.

Mấy hôm nay có công trình gần nhà, nên gia đình mới hiếm hoi có dịp ngồi ăn vội bữa cơm với nhau.

- Anh không cởi cái áo ra đã cho thoải mái. Dầu mỡ máy đầy thế kia.

Vừa cười áo, anh vừa kể như phân bua:

- Cái xe này đời cũ, chạy một hồi dầu máy lem nhem hết cả. Mà đúng là máy đời cũ chứ máy nổ kêu ầm ầm đập vào tai mấy tiếng liên. Tôi nhức hết cả đầu.

- Chiều mà đi thì anh đeo thêm cái khẩu trang vào, đã viêm xoang mấy năm nay mà còn hơi dầu máy suốt như thế chữa sao khỏi.

- Khỏi làm sao được mà khỏi. Ngày nào cũng dính lấy cái xe, hít mùi hôi dầu, nghe máy nổ đinh tai suốt. Giờ còn sức còn làm được chứ sau mà già thì làm thế nào.

- Nói mới nhớ, vụ ông Quảng thuê anh trước đợt dịch giờ sao rồi. Có đòi được tiền không?

- Đòi làm sao được... - Anh thở dài, và ăn vội bát cơm như muốn cắt ngang câu chuyện tại đây.

Đợt dịch Covid năm ấy, anh từ Thanh Hóa về quê được yêu cầu cách ly, không đi làm tiếp được. Thế mà ông Quảng – chủ công trình không trả tiền tháng đấy đã đành, bảo hiểm cũng không trả. Những người làm thuê như anh thấp cổ bé họng, biết kêu ai.

- Cái Hoa hôm nay đi học thế nào, con? - Anh hỏi con, dường như để đánh trống lảng.

- Hôm nay con được cô khen bố mẹ ạ. Cô bảo con làm tính tốt, viết vở sạch đẹp, chữ đẹp gần bằng chữ bạn lớp trưởng rồi.

- Thế là tốt. Cố mà học lấy cái chữ con ạ. Đòi bố mẹ bán mặt cho đất, bán lưng cho trời cũng không ngại. Chỉ cần con học hành đàng hoàng, kiếm cái nghề ổn định cho đỡ vất vả. Khó khăn đến đâu bố mẹ cũng xoay được tiền cho con đi học.

Đang dở câu chuyện, ngoài sân lộp rộp vài hạt mưa. Rồi mấy phút sau, cơn mưa rào sầm sập trút xuống. Nền sân xi măng đang nóng rẫy, gặp nước xuống, bốc lên hơi đất âm ẩm, ngại ngại.

- Trời vừa nắng chang chang đã lại mưa, chiều nay ra đồng lại nhức hết cả người đây! - Chị Hòa đưa mắt nhìn ra sân, thở dài.

Con bé con từ nãy đã kịp nhanh chân chạy ra sân, vơ hết quần áo trên dây lại. Quần áo đàn ông có, quần áo đàn bà có, quần áo đi làm có, quần áo trẻ con cũng có. Tất cả những chiếc áo ấy đều bị ố vàng một mảng lớn ở lưng. Đồng quần áo no nằng, đã khô cong lại. Vết ố vì thế càng trông rõ. ố vì mồ hôi lâu ngày sệt lại. Nhưng vết mồ hôi làm gì đã kịp ráo. Bởi, những người lao động ngoài trời như anh chị, ráo mồ hôi... là hết tiền.

Dương Thị Bảo Ngọc,

Sinh viên chuyên ngành Báo chí, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tiếng hát đường phố

Tôi sốt hầm hập đến 39 độ, chân tay bại hoại, ướt đẫm mồ hôi. Đó là lần tôi ốm nặng nhất, cái lần mà tôi nhớ đến già không thể quên được. Tôi là Hiến – một người khiếm thị. Công việc của tôi là hàng ngày biểu diễn nghệ thuật đường phố tại các giao lộ lớn. Đoàn biểu diễn của chúng tôi gồm bốn đến năm bạn, là người khiếm thị dưới sự quản lý của anh Long, cũng là người khiếm thị như chúng tôi.

Tôi sinh ra ở huyện X. Ngày ấy, X vẫn là một địa phương nghèo nhất nhì của tỉnh. Dân trong vùng sống chủ yếu bằng nghề nông. Hồi ấy, nhận thức của dân làng về khuyết tật còn hạn chế. Bởi vậy ngày tôi mấy tuần tuổi, khi phát hiện mắt tôi không thể mở được, cả thế giới như sụp xuống trước mắt bố mẹ.

Tuổi thơ tôi lớn lên trong bủa vây những ánh mắt kì thị hoặc thương hại, tiếng xì xào sau lưng “thằng mù”, hoặc “nhà này chắc tích nghiệp mới bị vậy”, thành ra, tôi tự ti khép mình. Cả ngày chỉ sống quanh quẩn trong phòng với chiếc đài radio. Tôi hay mở các chương trình âm nhạc của đài VOV rồi lẩm nhẩm hát theo. Nghe được, mẹ hay động viên tôi [đi hát], trước là cho đỡ nhàm chán sau cũng là có một năng khiếu, một cái gì đó để theo đuổi.

Đều đặn vào rằm tháng Giêng, làng tôi nô nức đi trải hội. Đêm chính hội, buổi giao lưu văn nghệ được tổ chức. Sẵn tính rụt rè, tôi cũng không có ý định tham gia, nhưng được mẹ động viên, tôi cũng đăng ký giao lưu một bài. Mẹ nắm chặt tay tôi, dắt tôi lên sân khấu. Không nhìn được nhưng tôi như mừng tượng rõ không khí sục sôi qua cái nóng rát bởi ánh đèn, sân khấu, bởi hàng trăm tiếng vỗ tay của bao con người dưới kia. Tôi thật sự phấn khích. Tôi đã hát như chưa bao giờ được hát. Sau buổi hôm đó, một bác có tìm đến nhà tôi. Bác giới thiệu là trưởng đoàn nghệ thuật của những người khuyết tật. Đoàn sẽ đi lưu diễn ở các tỉnh. Bác ngỏ ý mời tôi tham gia. Bố mẹ vui lắm, tôi cũng vậy vì giản đơn trong đầu óc non nớt của tôi ngày ấy đi là được bước ra ngoài kia, được thoát khỏi căn phòng tù túng.

Trong ký ức của tôi, những ngày lưu diễn là chuỗi ngày rong ruổi từ Lạng Sơn, Hòa Bình, Vĩnh Phúc đến Nghệ An, Thanh Hóa. Đoàn chúng tôi dừng ở mỗi địa phương khoảng hai đến ba ngày. Lúc thuê trọ, khi ở nhờ nhà người dân, thậm chí là đêm ngủ dưới gầm sân khấu. Vừa sương vừa muỗi, nhiều đêm không ngủ được, anh em lại ngồi pha chè nói chuyện tẩm phào xuyên đêm. Câu chuyện hay được bàn luận nhất là hôm nay bà con có nhiệt tình không, ai được cho bao nhiêu, kiếm như thế nào. Ấu cũng phải, bất kỳ ai đi làm nghề nào cũng chỉ vì miếng cơm manh áo.

Còn tôi ngày đó, mối quan tâm duy nhất là nỗi nhớ nhà quay quắt. Một đứa trẻ chưa một lần xa gia đình, giờ phải tập quen mọi thứ từ việc sinh hoạt, đến giao lưu, trò chuyện với các anh chị lớn hơn mình có khi đến mấy chục tuổi. Hồi ấy còn không có điện thoại, chỉ chờ đến sau ca làm, chú trưởng đoàn cho mượn điện thoại để nói chuyện với gia đình. Vừa nghe tiếng “alo” của mẹ bên kia là nước mắt lại tuôn rơi. Chú trưởng đoàn phải nín mãi rồi lòi ra dạy đánh đàn mới quên mất mà nín khóc. Đứng lúc đó, không rõ nguyên nhân do biểu diễn hay vì ngủ dưới sân khấu mà tôi bị muỗi đốt dẫn tới sốt rét. Tôi sốt hầm hập đến 39 độ, chân

tay bài hoài, ướt đầm mồ hôi. Trong mục mị của cơn sốt, tôi ú ớ gọi bố mẹ. Mặc dù có các anh chị chăm sóc, nhưng nỗi nhớ nhà vẫn không thể nguôi. Trẻ con dễ vui dễ buồn, ngày nhận tháng lương đầu tiên kiếm được 300.000 VND, tôi tự hào lắm vì đây là số tiền đầu tiên tự tay kiếm ra. Tôi cẩn thận nhờ chú trưởng đoàn cầm giúp để khi về thăm nhà sẽ đưa biểu bố mẹ.

Tôi đi làm được một năm thì có người quen giới thiệu vào nhập học tại trường Nguyễn Đình Chiểu. Ngoài thời gian học chính khóa, tôi có cơ hội phát triển đam mê âm nhạc một cách bài bản hơn. Tình yêu âm nhạc cứ lớn dần trong tôi và tôi muốn lựa chọn âm nhạc là sự nghiệp để theo đuổi. Năm 2017, tôi học bổ túc chương trình trung học phổ thông tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Nguyễn Văn Tố vào cuối tuần. Song song đó, tôi vẫn tham gia ban nhạc của anh Long để trải cuộc sống.

Anh Long thuê một ngôi nhà nhỏ cho anh chị em sinh hoạt và luyện tập. Độ bốn năm giờ chiều, anh gọi xe chở cả người, nhạc cụ và khung rạp sân khấu đến địa điểm biểu diễn, thường là các đường lớn mà anh xin phép được như Nguyễn Văn Cừ, ngã năm Ô Chợ Dừa,... Xong chương trình thì anh đưa anh chị em về. Mỗi buổi tối làm việc, mỗi anh chị em chúng tôi sẽ thay phiên nhau hát, trung bình mỗi người hát khoảng từ 10 - 12 bài. Tiền thì sẽ chia luôn sau mỗi buổi biểu diễn, mỗi thành viên như tôi được nhận 200.000 - 250.000 đồng. Số tiền còn lại trong hòm ủng hộ, anh Long - người quản lý, sẽ dùng vào các việc sinh hoạt cũng là công sức của anh. Thi thoảng, anh cũng có trích ra một phần để anh em liên hoan.

Đã kiếm tiền bằng mồ hôi thì nghề nào cũng vất vả. Tuy nhiên, mấy công việc ngoài trời như cái nghề của tôi lắm khi phải chịu nắng mưa của trời. Mùa hè, trời Hà Nội nóng như đổ lửa. Nắng từ trên đầu đổ xuống, nóng từ dưới đất hấp lên, đứng hát mà mồ hôi nhễ nhại. Mùa đông cũng không khá hơn, những con đường trống trải cứ luồng gió hun hút. Mặc mấy lớp áo mà cái lạnh tê tái vẫn luồng lách thấm qua, cắt cái rét sâu vào da thịt. Có phen lạnh quá, lúc cất tiếng hát còn run rẩy lệch nhịp.

Còn chưa hết, Hà Nội còn có đặc sản là khói bụi. Thuở bé, đi hát tôi thích lắm cái không khí của những vùng nông thôn. Dù không thể trông thấy nhưng tôi vẫn "nhìn" được cả một không gian xanh mượt chỉ qua những mùi hương. Mỗi sớm mai, tôi hít lấy hít để cái không khí trong lành, nghe thoang thoang mùi đất ẩm hăng hăng, mùi cây cỏ, mùi lúa chín. Giờ chỉ toàn khói bụi được xả từ những ống bô xe máy, ô tô của những dòng xe kẹt cứng. Người ta ra đường đeo khẩu trang, bịt nọ bịt kia mà vẫn bảo khó thở, mà vẫn thấy bực mình lúc tắc đường. Vậy mà chúng tôi, không gì che chắn, ngược lại lúc lấy hơi để hát phải mở khẩu hình thật to, bao nhiêu cái tinh tú là hít hết vào người. Lại thêm cả ô nhiễm âm thanh, giữa một mớ hỗn loạn tạp âm tiếng còi inh ỏi, tiếng động cơ, tiếng nói cười, chúng tôi phải cố căng tai để nghe sao cho vào đúng nhạc. Âm thanh ngoài đường lớn nên âm thanh của loa phải to hơn nữa. Chúng tôi hay đùa là "tiếng hát át tiếng bom" là vậy.

Đặc thù công việc phải hát ở nơi đông xe qua lại, hát vào tầm nhiều người đi ra đường nhất, mà lúc đó chỉ có thể là giờ cao điểm. Chúng tôi biểu diễn khoảng hơn hai tiếng từ 5 giờ hơn đến 7, 8 giờ tối thì nghỉ. Cứ tưởng tượng bạn tham gia một nút giao thông tắc đến cả hai tiếng, phải hít khói bụi, phải nghe hỗn loạn tạp âm, bạn sẽ như thế nào? Nhiều hôm về nhà cũng rất hòng, cũng tức ngực hay váng vất cả đầu óc đó, nhưng mà biết sao giờ, cứ làm

hiều thành quen, chịu nhiều hóa chai sạn đi, không còn cảm thấy gì nữa. Và lại, như tôi là thanh niên, những cái đó chắc cũng không ảnh hưởng gì.

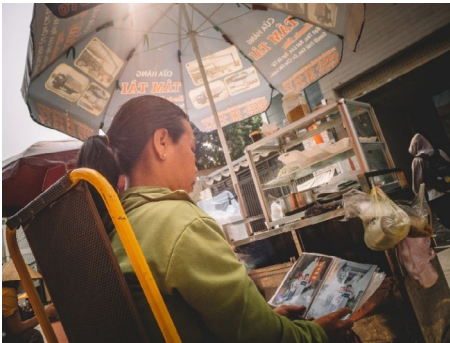
"Chúng tôi không dám ốm, bởi làm mấy nghề tự do như mình thì ốm đồng nghĩa với không đi làm, không đi làm thì không có tiền, mà ăn vẫn phải ăn, sống vẫn phải sống, đến lúc đó thì ai giúp cho? Lẽ như vậy mà chúng tôi nóng lạnh không sợ, khó bụi không sợ, ô nhiễm tiếng ồn không sợ, mà chỉ sợ mỗi trời mưa."

Mệt nhọc hay ốm sốt gì thì uống hai ba viên thuốc kháng sinh là khỏi. Chúng tôi không dám ốm, bởi làm mấy nghề tự do như mình thì ốm đồng nghĩa với không đi làm, không đi làm thì không có tiền, mà ăn vẫn phải ăn, sống vẫn phải sống, đến lúc đó thì ai giúp cho? Lẽ như vậy mà chúng tôi nóng lạnh không sợ, khó bụi không sợ, ô nhiễm tiếng ồn không sợ, mà chỉ sợ mỗi trời mưa. Hà Nội dùng đình, thời tiết cứ thay đổi liên tục, có những ngày trời nắng đẹp, chúng tôi đang hát thì thoát cái trời tự dưng đổ mưa như trút. Có ngày vừa mới đến nơi chưa kịp bắc sân khấu trời lại mưa tầm tã, đành lếch thếch kéo nhau về. Có những tháng mưa cả đến chục ngày, mà nắng còn hát được, chứ mưa thì chịu. Tôi đã lập gia đình vào năm 2021 với một bạn đồng cảnh, lại có thêm em bé vào năm sau nên không thể hồn nhiên cầm 300.000 đồng mà vui được như ngày nhỏ. Cơm áo gạo tiền của cả gia đình đặt đè lên vai tôi. Nhiều lúc đến mua cho con một hộp sữa cũng phải đắn đo, phải suy nghĩ, nhất là những tháng mưa nhiều.

Khó khăn là vậy cũng phải cố mà vượt qua. Chúng tôi lấy động lực từ những niềm vui nhỏ nhỏ đó là những tiếng vỗ tay lẫn vào tiếng xe cộ vẫn vang lên sau những tiết mục biểu diễn. Thi thoảng, vẫn có vài vị khách lạ dừng xe lắng nghe chúng tôi hát, có người còn lên tận sân khấu ôm chúng tôi, nhét cho chúng tôi ít tiền. Ấm lòng lắm, hạnh phúc lắm bởi tôi biết tôi hát vẫn còn có người thưởng thức, vẫn còn có người nghe. Và công việc của mình vẫn có giá trị, nó đóng góp một nét chấm phá vào vùng đất Thăng Long ngàn năm văn hiến này.

Nguyễn Đức Nghị,
Nghệ sĩ tự do

Nắng gắt nhưng hy vọng chưa tắt



Ảnh: Chị Bé Ba trong giờ làm việc
(tác giả cung cấp)

Xe bánh của chị được đặt ở một góc đường xung quanh không có một tán cây hay bóng mát nào. Cái nóng oi ả và gay gắt dường như bức bối hơn trong những ngày đầu hè tại khu đô thị rất ít cây xanh.

Tôi có cơ duyên biết đến chị Bé Ba trong một dịp tình cờ, bị thu hút bởi cái tên và nụ cười hồn hậu của người phụ nữ này, tôi đã đến gặp chị vào một sáng mùa hè. Chúng tôi ngồi trò chuyện thân tình, dưới cái nắng ngợp thở xấp xỉ 40 độ không một bóng mát xung quanh.

Chị có một đôi mắt hiền từ và làn da sạm đen vì nắng gió. Chị lớn lên trong một gia đình nhiều con đông đúc kể bên con kênh Thanh Đa đục ngầu. Bao đời thế hệ đều nghèo khó như nhau, gia đình lớn của chị từng thuê một dãy nhà trọ để kể cận bên nhau nhiều chục năm. Cách đây hai năm, vì lý do gia đình chị đều là dân lao động chân tay, chủ trọ đã phủ phàng đuổi tất cả đi để nâng cấp nhà trọ và cho những người có thu nhập cao thuê. Gia đình nhỏ của chị và gia đình lớn gồm ba chị, các em, và các cháu bắt đầu ly tán tản ra khắp ngóc ngách Sài Gòn để thuê những căn trọ giá rẻ tiếp

tục mưu sinh. Chị Bé Ba khởi việc sinh kế của mình từ nghề bán bánh tằm ngọt (một dạng bánh làm từ khoai mì), bánh dúc, bánh chuối hấp,... Chị chọn món này vì đây là món bánh chị được mẹ dạy từ những ngày còn bé. Chị cho hay: "Những bánh này làm thủ công, mùa nắng nóng gay gắt như vậy thì rất dễ thiu và hư. Nên chị cũng ráng đứng sáng tới chiều coi bán được bao nhiêu thì bán."

Vì vấn đề sức khỏe tâm thần nghiêm trọng, nên anh trước kia từng là thợ sửa xe máy, nay không còn khả năng lao động. Chị Bé Ba trở thành lao động chính trong gia đình. Mỗi ngày anh chỉ giúp chị đưa đón các con đi học vì chị không biết đi xe máy. Chị kể có hôm bệnh trở chứng, anh chở hai đứa nhỏ đi học rồi đi biệt có khi tới chiều, cũng có khi anh đi qua đêm ngủ bờ ngủ bụi đâu đó mấy ngày rồi mới về nhà, anh cũng không nhớ mình đã đi đâu. Cũng có hôm anh chở hai con đi học mà đầu óc không mấy tỉnh táo, nên cứ lao đại vào người đi đường và bị tai nạn, cả hai đứa con đều bị thương.



Ảnh: Chị Bé Ba có chồng và hai cậu con trai, chồng chị đang bị bệnh về tâm thần. Anh không có khả năng lao động, chị là trụ cột chính của cả gia đình (tác giả cung cấp)



Ảnh: Chị Bé Ba ẩm áp chuẩn bị bữa cơm cho gia đình (tác giả cung cấp)

Chị chia sẻ: “Cũng nhiều người nói chị sao không bỏ quách ống đi vì ống đang tạo thêm gánh nặng cho chị, nhưng chị nhìn ống cũng tội nên thôi, ráng làm được tới đâu hay tới đó.”

Chị Bé Ba không biết chữ, cũng không mấy nhanh nhẹn, nay phải đứng ra lo cho cả gia đình. Một mình chị lụi cụi tập tành buôn bán và xoay sở kiếm thêm đủ việc nuôi bốn miệng ăn trong gia đình. Mỗi ngày, chị dậy từ sáng sớm để làm bánh, rồi đẩy chiếc xe ra hẻm gần nhà bán.

Trưa, chị để chiếc xe bánh trên đường nhờ người ta hoặc chống coi giùm. Rồi chị lại tắt tả đi chợ mua đồ ăn chạy về nấu, chuẩn bị cơm trưa và lúi thủi đạp xe mang đến ngôi trường cách 5km cho hai con trai nhỏ còn đang học tiểu học. Ba mẹ con ăn bữa cơm nóng ở một góc sân trường một cách vội vàng cho kịp giờ học chiều, chị gửi hai con lại, trước khi đi không quên dặn dò hai con chuyện học hành và không được ra đường. Cuộc gặp ngắn ngủi kết thúc, chị gửi lại hai con chơi gần góc bảo vệ trường rồi nhanh chóng về nhà bán tiếp mẻ bánh chiều dưới ánh nắng trưa gay gắt như chảo lửa, xong việc thì tới một quán cơm gần đó để phụ rửa chén, nếu chiều tối xong việc chị sẽ đi dọn dẹp nhà cửa cho người ta.

Chịu khó đứng giữa trời bán từ sáng tới chiều thì chị sẽ kiếm được trung bình mỗi ngày 150.000 - 200.000 đồng, phụ rửa chén thuê được thêm 100.000 đồng, thỉnh thoảng có thêm chút tiền nếu ai đó kêu đi lau dọn nhà cửa.

Chị cười hiền: “Phải làm ba công việc trong một ngày như vậy mới đủ trang trải chi phí tiền nhà trọ, tiền ăn cho bốn người, tiền học hành cho hai đứa nhỏ á em”.

Căn phòng trọ nhỏ cho bốn người chen chúc nhau, chật đầy đồ cũ mà người ta cho chị (hoặc chị đi lượm thùng rác lúc rảnh rỗi) bán nhôm nhựa kiếm thêm được vài ngàn trang

trái. Căn phòng nhỏ này không có đủ không gian tạo thành góc học tập hay chơi đùa cho hai đứa trẻ nhà chị.

Không gian nhỏ ẩm thấp, chị kể vào mùa mưa hoặc những tháng triều cường thì nước, rác tràn lên từ ống cống ngập vào tận nhà. Gia đình phải kê đồ, gói ghém sinh hoạt trên căn gác nhỏ.

Chị chia sẻ: “Vì điều kiện cơ sở vật chất cũng xuống cấp, nên cái phòng này chị thuê cũng rẻ hơn những chỗ khác, giúp chị giảm chi phí gánh nặng chi tiêu.”

Khi đang nói chuyện thì chồng của cô Tổ trưởng ở gần đó có mang qua cho chị một ít thịt để chị nấu cho mấy đứa nhỏ. Lúc tôi gần về, thì chủ trọ tới phòng chị dọa rằng sẽ đuổi chị đi sớm vì chị đã khất tiền phòng cả tháng nay.



Ảnh: Ba mẹ con chen chúc nhau trong bữa cơm trưa
(tác giả cung cấp)



Ảnh: Mang cơm ra xe bánh cho chồng
(tác giả cung cấp)

Chị bồi hồi xen lẫn lo lắng: “Chị cũng cố được bữa nào hay bữa đó thôi em. Hồi đó mới phát bệnh anh (tức chồng chị) đã đốt hết toa thuốc, đốt luôn sổ hộ nghèo nên chị và hai đứa nhỏ không được vào diện hỗ trợ, bởi vậy bà con lối xóm thương thường ghé qua cho đồ ăn, quần áo và dụng cụ học tập cho mấy đứa nhỏ.”

Những ngày do thời tiết nắng nóng, người ta ngại ra đường nên chị bán rất chậm. Chị tâm sự do đây là món ăn vặt nên bán cũng chậm, chị muốn làm thêm nhiều món như bánh tằm mặn, bánh bột lọc,... những món ăn người ta có thể ăn chính để bán nhanh hơn. Vì làm một mình không có ai phụ, lại phải xoay sở đủ nghề nên chị không đủ thời gian làm nhiều món khác.

Thời gian còn lại chị tranh thủ đi làm những việc khác mà chị có thể cang đáng một mình, đồng thời có thêm thu nhập dẫu ít nhiều vẫn giúp chị trang trải nuôi cả gia đình.

Chia tay chị lúc trời giữa trưa, hình ảnh người phụ nữ tần tảo bên chiếc xe bánh, có một chiếc ô, một chút hy vọng, một bóng mát nhỏ, đang vươn mình vượt qua những ngày thời tiết khắc nghiệt và nghịch cảnh ngặt nghèo, bền bỉ hướng về phía trước.



Ảnh: Chị Bé Ba chuẩn bị bánh vào hộp sẵn
cho anh bán để đi làm thêm
(tác giả cung cấp)



Ảnh: Hình ảnh chị một mình đạp xe giữa trưa nắng
để đi làm thêm
(tác giả cung cấp)

Và chị vẫn đang không ngừng đi tiếp, dù những bước đi có chậm, có nhiều gánh nặng, nhưng chị Bé Ba vẫn đang không dừng lại. Chị nói: "Chị thấy mình còn sức thì mình ráng làm thôi em, thiệt chị không sợ cực đâu."

Điều mà tôi cảm nhận được ở chị là tinh thần tích cực, và tôi luôn tự hỏi, ngoài chị, ngoài kia còn bao nhiêu người đang chống chọi, đang vượt qua nhiều nghịch cảnh của cuộc đời để tự mình giúp mình, tự mình đi hành trình của mình.

Trương Linh,
Nhiếp ảnh, chuyên gia khai vấn tâm lý

Ba tôi, những cuộc xe công nghệ và con đò đưa tôi đến bến bờ đại học

Năm 1972, ba tôi sinh ra trong một gia đình có mười một người con tại một vùng nông thôn nhỏ ở Bạc Liêu. Khi ba vừa đầy một tuổi cũng là năm ông nội hy sinh trong quá trình tham gia cách mạng. Lúc đó, trong kỷ ức non nớt của ba, thì ba được các bác, các cô chăm bẵm, còn bà nội lo việc buôn bán ở chợ và mua một số vật dụng nhu yếu phẩm về cho các bác cán bộ.

Tuổi thơ của ba gắn liền với con sông trước nhà, cánh đồng bát ngát, những ngày đi mò cua bắt cá, thả diều tắm ao. Sau này khi nước ta hoàn toàn thống nhất, bà nội được hưởng chế độ của Nhà nước, và khu đất sau nhà được Nhà nước xin phép để xây một khu tưởng niệm. Tuy vậy, trong thời kỳ sơ khai khi nước nhà còn khó khăn, thì đời sống của gia đình cũng còn rất vất vả. Một mình bà nội tôi gồng gánh trách nhiệm nuôi cả gia đình, còn ba và các bác, các cô cũng phải tự lập từ sớm. Ba kể, suốt những năm học cấp hai, ba và các anh chị em trong xóm phải lội bộ mỗi ngày gần mười cây số để đến trường. Nhờ nỗ lực hoàn thành cấp ba và học nghề cắt tóc, ba cũng đã có một cái nghề để mưu sinh.

Tiệm tóc của ba ở thị xã rất đông khách, phần vì tay nghề ba khéo léo, phần vì ba rất vui “tánh”, xởi lởi, người xung quanh ai cũng quý. Cũng nhờ vậy mà ba làm quen được một cô thợ may cùng xóm, chính là mẹ tôi. Đám cưới nhỏ diễn ra, sau đó vài năm thì tôi ra đời. Tiệm tóc ba tôi ngày càng đông khách và tiệm may của mẹ cũng ngày càng đông học viên, có những hôm tôi đi bụng cơm ra cho ba, thấy tiệm lúc nào cũng có người xếp hàng. Làm lụng vài năm để dành được ít vốn liếng và mong tôi có điều kiện học tập tốt hơn, ba mẹ tôi xây được căn nhà nhỏ ở thành phố và chuyển nghề sang buôn bán vật tư xây dựng.

Cuộc sống vẫn diễn ra tốt đẹp cho đến giai đoạn 2016-2017, việc buôn bán gặp nhiều trắc trở vì nhiều lý do, và ba tôi đã lỡ sa chân vào con đường cờ bạc, vì vậy mà ba mẹ tôi cãi vã ngày càng nhiều. Đỉnh điểm đến khi ba tôi đã âm thầm sử dụng hết vốn liếng mà ba mẹ vất vả để dành bao năm qua, gia đình tôi sa sút kể từ đó. Sau bao nhiêu tháng ngày gồng gánh vượt qua, vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, ba mẹ tôi đã quyết định tạm gác lại mọi thứ ở quê hương để đến TP.HCM tìm kế sinh nhai, tôi xin phép gọi thành phố này bằng cái tên thân mật là Sài Gòn.

Ba tôi đã làm đủ mọi nghề, từ cắt tóc, thợ hồ, sơn tường,... cho đến khi tham gia lực lượng xe ôm công nghệ. Những năm đó, ngành xe ôm công nghệ phát triển mạnh mẽ đã phần nào giải quyết được tình trạng số lượng người lao động phổ thông có ít kinh nghiệm bằng cấp, và chính điều đó đã tạo cho gia đình tôi điều kiện để được sống tốt hơn nơi thành phố xa hoa này. Những chuyến xe của ba tôi đã chi trả học phí cho tôi được học tập tại trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM, ngành Quan hệ Quốc tế. Mỗi tuần, tôi đi xe buýt từ ký túc xá Đại học Quốc gia về thăm ba mẹ, ba lại kể cho tôi nghe những câu chuyện trong “sự nghiệp” chạy xe của mình. Có lần thì ba đợi cô khách chuẩn bị 30 phút để đi chơi; có lần thì khách Tây đặt đúng địa chỉ số nhà, tên đường... nhưng nhầm quận, khi đến nơi thì cả ba và khách đều tá hỏa nhưng mỗi người nói một thứ tiếng, không

ai hiểu ai, khiến ba phải nhờ một anh sinh viên đi đường phiên dịch; lần khác thì có những người cảm thông cho hoàn cảnh của ba và “típ” thêm cho vài chục hay cả trăm ngàn; hay có lần gặp nguy hiểm, bị người ta lao xe đến tông vào ba, nhưng may mắn ba đã nhanh tay tránh được, còn những lần bị “bom” hàng nhưng may mắn có chính sách hỗ trợ của công ty. Hay có những lần ba kể về tôi với một sự tự hào, hy vọng và hạnh phúc, rằng tất cả những gì ba đang cố gắng đều là vì để tôi có một tương lai tươi sáng hơn.

Cứ như thế, cuộc sống vẫn tiếp diễn, tuy nhiên tôi thấy sức khỏe của ba thì ngày càng kém đi. Da ba đen hơn, sạm hơn, khuôn mặt nhiều thêm những nếp nhăn cần cỗi vì ngày ngày phơi nắng, phơi sương. Tóc ba ngày càng bạc hơn, thưa dần, còn đôi mắt như chứa cả bầu tâm sự và hiện rõ sự bào mòn của thời gian. Ba là một người hài hước, nhưng giờ đây trên khuôn mặt cũng ít xuất hiện những nụ cười như ngày xưa. Có những lần ba nói rằng muốn chuyển nghề khác, vì công việc này quá vất vả, suốt ngày dầm mưa dãi nắng nhưng có hôm thì có khách, có hôm thì ngồi cả 6 – 7 tiếng cũng không nổ một cước xe nào, phí chiết khấu thì ngày càng cao. Những lúc đó, tôi tự trách mình vì không giúp đỡ được cho ba, nhìn ba ngày ngày cực nhọc nên tôi chỉ muốn học thật nhanh, tìm một công việc tốt để phụ giúp cho ba mẹ.

Năm 2020, dịch Covid-19 kéo đến và đã khiến cho toàn bộ nền kinh tế điêu đứng, những đồng lương của ba ngày càng ít ỏi hơn và lượng khách cũng giảm đi nhiều. Dù tôi đã tự chủ kinh tế và phụ giúp ba mẹ một số việc vặt, nhưng thu nhập của ba và mẹ đã thấp đến mức không còn đáp ứng được mức phí sinh hoạt. Ba chuyển qua một vài hãng xe ôm công nghệ khác, tình hình có vẻ lạc quan hơn vì những cước xe cũng lại rai, nhưng sức khỏe của ba thì lại không lạc quan được như thế.

Ba bị đau lưng do phải ngồi nhiều, ho nhiều và sức khỏe cũng kém hơn do phải lao động giữa cái nắng gần 40 độ và cái mưa tầm tã trong những mùa mưa của Sài Gòn nhiều năm liền. Năm 2023, ba tôi đã chuyển qua làm tài xế của một hãng ô tô công nghệ mới, dù thu nhập vẫn còn bấp bênh nhưng phần nào đã đỡ cực nhọc dầm mưa dãi nắng, tình hình gia đình tôi đã phần nào ổn hơn trước. Cũng trong năm này, bà nội tôi qua đời, là lúc mà ba tôi trải qua một khoảng thời gian khó khăn để vượt qua nỗi đau tinh thần này. Bà luôn là người quan tâm ba nhất và ba cũng rất thương bà, dù gia đình có đông con nhưng bà luôn dành một tình yêu thương đông đầy cho tất cả con cháu. Vì vậy, ngày đám tang bà tôi diễn ra, lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy nước mắt của ba tôi. Ba quỳ rạp trước linh cữu của bà rất lâu để đưa tiễn bà. Từ đó, ba trở nên trầm lặng hơn, ít nói hơn và đôi mắt lúc nào cũng ánh lên nỗi buồn khó chia sẻ.

Đã một năm trôi qua kể từ khi bà qua đời, giờ đây dường như ba vẫn còn nhớ bà, nhưng đã nguôi ngoai hơn, và vẫn đối mặt với chuyện cơm áo gạo tiền hằng ngày. Tôi thì đã có một công việc văn phòng toàn thời gian với mức lương đủ để trụ lại Sài Gòn, và đôi khi mua cho ba mẹ vài món đồ vặt, hay phụ giúp vài việc chi tiêu trong nhà. Có những hôm thời tiết Sài Gòn đổ oi bức, tôi lại mừng thầm cho ba và những người lao động ngoài trời như ba tôi, được hôm làm việc đỡ vất vả.

Nhìn lại toàn bộ quãng đường đời của ba tôi, có lúc thăng, lúc trầm, nhưng tôi đã học được rất nhiều từ ba ở tinh chăm chỉ, chịu thương chịu khó, dám làm lại từ đầu và đặc biệt là tinh thần luôn nhìn vào phía trước để cố gắng. Đã gần bảy năm trôi qua kể từ khi bước chân lên Sài Gòn, ba tôi đã sắp đến ngưỡng tuổi 60 nhưng vẫn còn bôn ba vất vả. Tôi thật sự mong rằng ngày nào đó, tôi đủ nguồn lực để có thể đưa ba mẹ về lại quê nhà, không còn lo lắng về chuyện cơm áo gạo tiền, không còn bon chen trên những con đường đông đúc tại nơi thành phố chật chội bộn bề, mà sẽ được sống những ngày tháng nhẹ nhàng, thanh thoi bên cạnh ông bà người thân nơi vùng quê yên bình, nơi mà ba đã sinh ra và lớn lên.

*Tác giả: **Phạm Hoàng Gia Hào**,*

Cựu sinh viên Khoa Quan hệ quốc tế, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Qua việc phác họa chân dung người lao động ngoài trời thông qua dữ liệu định lượng và kể lại những câu chuyện mưu sinh, chương này đã mang đến bức tranh toàn diện về cuộc sống của nhóm xã hội đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa và biến đổi khí hậu. Các số liệu thống kê cho thấy đặc điểm nhân khẩu học và điều kiện việc làm của họ, trong khi những câu chuyện đời thực làm nổi bật tác động trực tiếp của thời tiết đến sinh kế và sức khỏe.

Điểm chung nổi bật trong các câu chuyện là tinh thần lạc quan và khả năng phục hồi đáng kinh ngạc của người lao động ngoài trời. Họ phát triển những chiến lược thích ứng sáng tạo, từ việc tạo mạng lưới hỗ trợ cộng đồng, đến đa dạng hóa nguồn thu nhập, hay kiên cường làm việc dù đối mặt với vấn đề sức khỏe. Dù thu nhập bấp bênh và thường xuyên phải đối mặt với điều kiện làm việc khắc nghiệt, họ vẫn giữ được niềm tin, hy vọng và phẩm giá.

Thông qua lăng kính đời thực, chương này không chỉ đơn thuần cung cấp thông tin mà còn kêu gọi sự đồng cảm và hành động, tạo nền tảng cho việc xây dựng giải pháp hiệu quả nhằm bảo vệ sức khỏe và sinh kế của người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt.



**Nhiều khi nắng nóng, mệt.
Với lại... ví dụ mình mệt
mình không nghỉ được...
mình nghỉ mà không có ai thế
đảm ra mình á nấy,
mình không dám nghỉ.**

Một phụ nữ bán ve chai tại TPHCM, 52 tuổi.

CHƯƠNG

III

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: TỪ SỨC KHỎE ĐẾN SINH KẾ VÀ VÒNG LUẦN QUẢN TỒN THƯƠNG

Biến đổi khí hậu hiện nay không chỉ thay đổi điều kiện tự nhiên mà còn tác động sâu sắc đến sinh kế và sức khỏe của những người dễ bị tổn thương, đặc biệt là người lao động ngoài trời tại các đô thị Việt Nam. Trong chương này, chúng tôi phân tích mối quan hệ động và phức tạp giữa thời tiết cực đoan và tình trạng dễ bị tổn thương của người lao động phi chính thức, từ đó làm sáng tỏ những vòng luẩn quẩn giữa bấp bênh kinh tế và khả năng thích ứng khí hậu.

Chương này diễn giải số liệu khảo sát dựa trên bốn thành tố của mô hình rủi ro khí hậu (Hình 1.1): (i) nguy cơ thời tiết cực đoan, (ii) mức độ phơi nhiễm trong quá trình lao động, (iii) tính dễ bị tổn thương do điều kiện kinh tế – xã hội và (iv) khả năng thích ứng của từng nhóm lao động. Việc sử dụng khung này cho phép chúng ta không chỉ mô tả các tỷ lệ bệnh tật, giảm thu nhập hay thời gian làm việc, mà còn hiểu tại sao những rủi ro đó xuất hiện và phân bố không đồng đều giữa các nhóm nghề.

Cách tiếp cận này nhấn mạnh rằng rủi ro sức khỏe và sinh kế không đơn thuần là hệ quả của thời tiết, mà là kết quả của sự kết hợp giữa phơi nhiễm khí hậu cao và hệ thống bảo trợ xã hội còn hạn chế. Điều này giải thích vì sao một số nhóm, như người bán hàng rong hoặc thu gom phế liệu, chịu tác động nặng nề hơn những nhóm nghề khác. Đồng thời, nó cũng cho thấy những nỗ lực tự thích ứng của người lao động chỉ có thể tạm thời bù đắp rủi ro, và không thể thay thế các biện pháp can thiệp chính sách mang tính hệ thống.

Khác với các khung phân tích tính thường tách biệt các yếu tố tác động, nghiên cứu này áp dụng cách tiếp cận tương tác động để hiểu bối cảnh đặc thù của Việt Nam. Tại đây, quá trình đô thị hóa nhanh chóng kết hợp với chuyển đổi kinh tế từ kế hoạch hóa sang thị trường đã tạo ra một lực lượng lao động phi chính thức đông đảo, thiếu vắng hệ thống bảo trợ xã hội. Trong bối cảnh này, biến đổi khí hậu không đơn thuần là “tác nhân gây sốc” bên ngoài, mà trở thành một yếu tố được “nội tâm hóa” vào quá trình mưu sinh hàng ngày của người lao động ngoài trời.

Chương này trình bày những phát hiện chính từ khảo sát 400 người lao động ngoài trời tại bốn thành phố lớn.

Thứ nhất, biến đổi khí hậu đang tạo ra vòng luẩn quẩn tổn thương, với 79,5% người lao động gặp vấn đề sức khỏe do thời tiết, trong đó bệnh hô hấp (20,4%), bệnh liên quan đến nhiệt (13,6%) và bệnh tim mạch (12,8%) là phổ biến nhất. Nhóm phụ nữ cao tuổi làm nghề bán hàng rong tại TP.HCM và Hà Nội là đối tượng dễ bị tổn thương nhất.

Thứ hai, mưa lớn được xác định là hiện tượng thời tiết gây khó khăn nhất cho sinh kế (được phản ánh bởi đa số người lao động ở mọi thành phố và hầu hết ngành nghề), tạo ra nghịch lý khi nắng nóng lại là mối đe dọa lớn nhất đối với sức khỏe.

Thứ ba, người lao động đối mặt với rào cản đa chiều trong tiếp cận dịch vụ công: 49,83% người có bảo hiểm y tế chưa từng sử dụng, và nhiều người phải tìm đến thông tin sức khỏe chưa qua kiểm chứng từ YouTube hoặc phương pháp dân gian.

Thứ tư, mặc dù 70,3% người lao động không tham gia bất kỳ nhóm nghề nghiệp nào, họ vẫn chủ động phát triển chiến lược thích ứng thông qua mạng lưới cộng đồng nhỏ (52,9% tham gia nhóm dưới 10 người) và đa dạng hóa sinh kế, với 32,8% luôn tiết kiệm để phòng sự cố.

Đặc biệt, trong bối cảnh đô thị Việt Nam, những vòng luẩn quẩn này được khuếch đại bởi ba yếu tố cấu trúc:

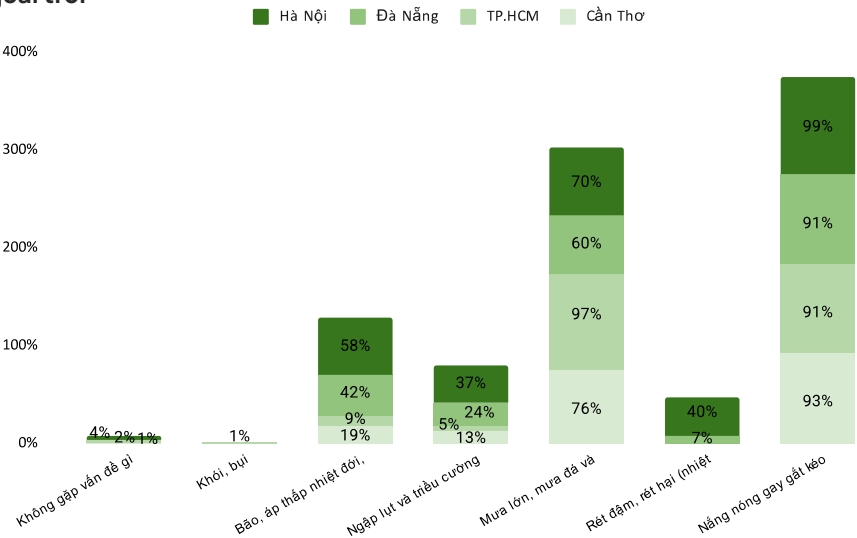
- 1. Hệ thống an sinh xã hội chưa bao phủ đầy đủ lao động phi chính thức
- 2. Chi phí sinh hoạt đô thị cao trong khi thu nhập bấp bênh
- 3. Thiếu tiếp cận với thông tin và dịch vụ y tế chất lượng

Sự tương tác giữa những yếu tố này tạo ra một "bẫy tổn thương" đặc thù, nơi người lao động ngoài trời không chỉ phải đối mặt với rủi ro khí hậu mà còn bị giới hạn nghiêm trọng trong khả năng thoát khỏi tình trạng dễ bị tổn thương này.

TÍNH CHẤT ĐIỂN HÌNH VỀ THỜI TIẾT CỰC ĐOAN CỦA CÁC THÀNH PHỐ

Qua kết quả khảo sát người lao động ngoài trời tại bốn thành phố, chúng tôi nhận thấy có một đặc điểm chung là các khu vực đô thị ở Việt Nam hầu như đều trải qua các đợt nắng nóng cực đoan – một hiện tượng có tính chất phổ biến của biến đổi khí hậu, đồng thời cũng ghi nhận sự khác biệt đáng chú ý giữa các vùng miền. Cụ thể, trung bình có hơn 90% người lao động ở cả bốn thành phố cho biết nắng nóng kéo dài với cường độ cao là mối đe dọa phổ biến nhất, cụ thể như với Đà Nẵng (91%), TP.HCM (91%), Cần Thơ (93%) và Hà Nội (99%). Trong khi đó, hiện tượng mưa lớn được ghi nhận là mối nguy hiểm phổ biến thứ hai, với tỷ lệ trung bình khoảng 75,8% trên toàn mẫu nghiên cứu. Đáng chú ý, có sự chênh lệch đáng kể trong nhận thức về hiện tượng này giữa các thành phố, với tỷ lệ cao nhất được ghi nhận ở TP.HCM (97%) và Cần Thơ (76%), kể đến là Hà Nội (70%) và Đà Nẵng (60%).

Hình 3.1. Các hiện tượng thời tiết cực đoan tại bốn thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, TP.HCM và Cần Thơ từ tháng 7/2023 - 7/2024 theo phản ánh của người lao động ngoài trời



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Đi sâu vào phân tích dữ liệu theo vùng miền, kết quả khảo sát cũng cho thấy những đặc thù riêng trong nhận thức về rủi ro khí hậu. Hà Nội, đại diện cho các tỉnh thành miền Bắc với đặc trưng khí hậu nhiệt đới ẩm – mùa đông lạnh, có tỷ lệ đáng kể người lao động nhận thức về hiện tượng rét đậm, rét hại (40%) trong vòng 12 tháng (từ tháng 7/2023 đến tháng 7/2024), cao hơn hẳn so với các thành phố khác ở miền Trung và miền Nam. Trong khi đó, Đà Nẵng – đô thị duyên hải miền Trung, tỷ lệ người lao động nhận thức về hiện tượng bão và áp thấp nhiệt đới cao nhất (42%), phản ánh vị trí địa lý đặc thù của thành phố biển miền Trung – nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của hiện tượng thời tiết cực đoan từ biển.

Tại TP.HCM – đô thị lớn ở khu vực Đông Nam bộ với khí hậu nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của hiện tượng đảo nhiệt đô thị (Son & cộng sự, 2017) – ghi nhận tỷ lệ cao người lao động nhận thức về nắng nóng (91%), có thể được giải thích bởi hiệu ứng đảo nhiệt đô thị và quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Cuối cùng, tại Cần Thơ thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh nhận thức cao về nắng nóng (93%) và mưa lớn (76%), còn ghi nhận tỷ lệ người lao động nhận thức về hiện tượng ngập lụt và triều cường đáng kể (13%) – một vấn đề đặc trưng của vùng trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Kết quả khảo sát trên không chỉ phản ánh sự đa dạng trong nhận thức về rủi ro khí hậu giữa các vùng miền, mà còn nhấn mạnh tính chất địa phương hóa của tác động biến đổi khí hậu. Điều này gợi ý rằng các chiến lược thích ứng và giảm thiểu rủi ro cần được thiết kế một cách linh hoạt, có tính đến đặc điểm địa lý, khí hậu và kinh tế - xã hội cụ thể của từng khu vực.

Hình 3.2. Đặc trưng khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan tại bốn thành phố

Hà Nội	Đà Nẵng	TP.HCM	Cần Thơ
Đặc trưng địa lý, khí hậu: - Đô thị miền Bắc - Khí hậu cận nhiệt đới ẩm - Mùa đông lạnh	Đặc trưng địa lý, khí hậu: - Đô thị duyên hải miền Trung - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa - Bão, lũ thường xuyên	Đặc trưng địa lý, khí hậu: - Đô thị Đông Nam Bộ - Khí hậu nhiệt đới gió mùa - Mỗi năm có hai mùa mưa, khô rõ rệt	Đặc trưng địa lý, khí hậu: - Đô thị ĐBSCL - Khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng sông nước - Mỗi năm có hai mùa nước lớn, nước ròng
Hiện tượng thời tiết cực đoan: - 40% lao động phản ánh hiện tượng rét đậm, rét hại (từ 7/2023-7/2024) - Đài KTTVQG ghi nhận đợt rét kỷ lục ở miền Bắc kể từ năm 2016 vào tháng 1/2024	Hiện tượng thời tiết cực đoan: - 42% lao động phản ánh bão, áp thấp nhiệt đới (từ 7/2023-7/2024) - Là tỉnh thành có bão đi qua nhiều nhất Việt Nam kể từ năm 1945 (2-3 cơn bão/năm)	Hiện tượng thời tiết cực đoan: - 97% lao động phản ánh tình trạng mưa lớn và 91% phản ánh tình trạng nắng nóng kéo dài (từ 7/2023-7/2024) - Đảo nhiệt đô thị và nắng nóng, mưa lớn kỷ lục, không theo mùa	Hiện tượng thời tiết cực đoan: - 93% lao động phản ánh tình trạng nắng nóng kéo dài (từ 7/2023-7/2024) - Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng gia tăng

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (7/2024) và dữ liệu thứ cấp từ Đài Khí tượng Thủy văn Quốc gia

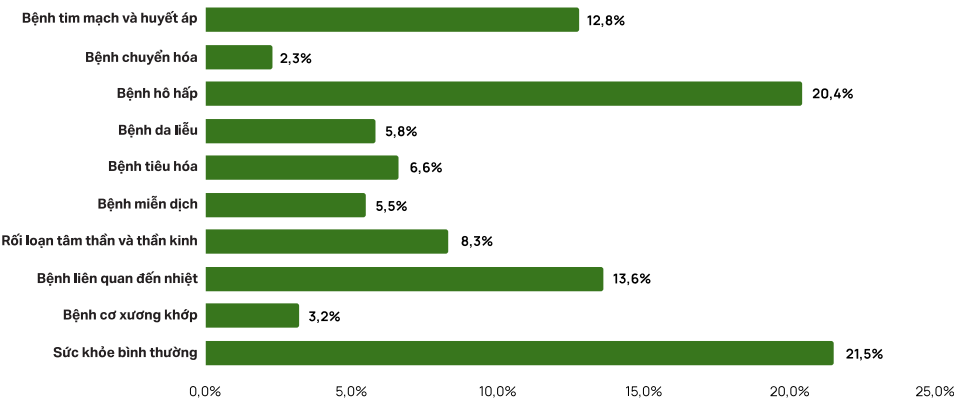
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠO NÊN VÒNG LUẩn QUẢN CỦA TỒN THƯƠNG

Sức khỏe suy giảm: Thách thức mới từ thời tiết cực đoan

Biến đổi khí hậu đang tạo ra những vòng luẩn quẩn tổn thương phức tạp đối với người lao động ngoài trời tại các đô thị Việt Nam. Dữ liệu khảo sát 400 người lao động cho thấy tới 79,5% gặp các vấn đề sức khỏe do thời tiết, trong đó bệnh hô hấp phổ biến nhất (20,4%), tiếp theo là các bệnh liên quan đến nhiệt (13,6%) và bệnh tim mạch, huyết áp (12,8%).

Các nhóm bệnh cụ thể

Hình 3.3. Các vấn đề sức khỏe do thời tiết mà người lao động ngoài trời gặp phải trong giai đoạn từ tháng 7/2023-7/2024



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Kết quả phân tích thống kê cho thấy bên cạnh 21,5% người lao động phản ánh tình trạng sức khỏe bình thường, thì có tới 79,5% mắc các vấn đề sức khỏe do thời tiết. Trong đó, bệnh hô hấp nổi lên như vấn đề sức khỏe phổ biến nhất, với 20,4% số người được hỏi gặp phải tình trạng này. Các bệnh liên quan đến nhiệt đứng thứ hai về mức độ phổ biến, chiếm 13,6% số người được hỏi. Bệnh tim mạch và huyết áp cũng được ghi nhận ở 12,8% số người tham gia khảo sát.

Những con số này không chỉ phản ánh tác động sinh lý mà còn cho thấy sự tương tác phức tạp giữa điều kiện lao động và biến đổi khí hậu. Như một người bán nước 49 tuổi tại chợ đầu mối Thủ Đức chia sẻ: “Hồi đó cô có bảo hiểm y tế mà giờ hết hạn rồi, không có tiền mua lại. Tiền kiếm được trong tháng để trả tiền nhà với nuôi hai đứa nhỏ đi học là hết rồi. [...] Ngồi bán nước rảnh cô hay mở trên Youtube coi người ta chỉ có phương thuốc này hay hay phương thuốc kia.”

Lời chia sẻ này minh chứng cho vòng luẩn quẩn tổn thương: không đủ tiền để duy trì bảo hiểm y tế, buộc phải tự tìm cách chữa trị qua các nguồn thông tin không chính thống, trong khi vẫn phải tiếp tục làm việc ngoài trời để kiếm sống. Sự xuất hiện của nhiều vấn đề sức khỏe do thời tiết phản ánh tính đa chiều của tác động biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người, đồng thời đặt ra vấn đề về sự cần thiết của một cách tiếp cận toàn diện trong việc đánh giá và hiểu rõ các rủi ro này.

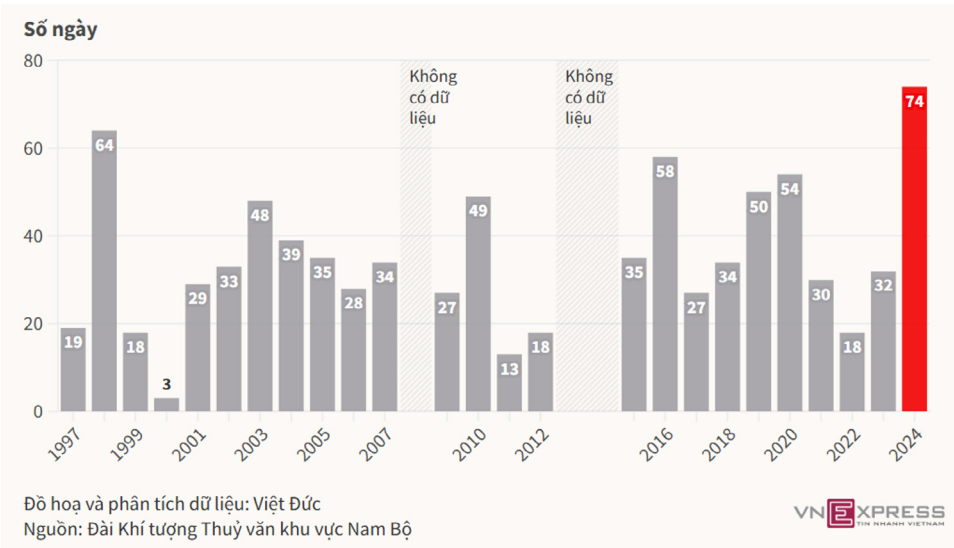
Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe của người lao động ngoài trời khi so sánh giữa các địa phương

Khi so sánh mức độ tác động của hiện tượng thời tiết cực đoan đến sức khỏe thể chất của người lao động ngoài trời, TP.HCM ghi nhận mức độ ảnh hưởng cao nhất, tiếp theo là Đà Nẵng, trong khi Hà Nội và Cần Thơ có mức độ thấp hơn. Trong trường hợp này, mối nguy hiểm xuất phát từ đô thị hóa cao và hiện tượng đảo nhiệt đô thị ở TP.HCM có thể làm gia tăng rủi ro sức khỏe liên quan đến nhiệt đối với lực lượng lao động ngoài trời tại thành phố này.

“Đảo nhiệt đô thị (Urban Heat Island - UHI) là tình trạng một khu vực đô thị với nhiều công trình xây dựng có nhiệt độ không khí cao hơn các vùng ngoại ô xung quanh (Tzavali & cộng sự, 2015). Trong bốn tháng đầu năm 2024 (thời điểm nhóm nghiên cứu bắt đầu thực hiện các cuộc gặp gỡ cộng đồng đầu tiên), tại TP.HCM ghi nhận số ngày nắng nóng kỷ lục trong vòng ba thập kỷ, với 74 ngày.

Nguồn: Tzavali, A., Paravantis, J. P., Mihalakakou, G., Fotiadi, A., & Stigka, E. (2015). Urban heat island intensity: A literature review. *Fresenius Environmental Bulletin*, 24 (12b), 4537-4554; Việt Đức. (27/4/2024). Chuỗi ngày nắng nóng dài kỷ lục ở Sài Gòn. *VnExpress*. <https://vnexpress.net/chuoi-ngay-nang-nong-dai-ky-luc-o-sai-gon-4739003.html>

Hình 3.4. Biểu đồ số ngày nắng nóng trong bốn tháng đầu năm, giai đoạn 1997-2024



Nguồn: VnExpress

Đối với tác động về sức khỏe tinh thần – ảnh hưởng tâm lý khi làm việc trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, thì Đà Nẵng đang chịu ảnh hưởng nặng nề nhất và Hà Nội ít bị ảnh hưởng nhất. Điều này phần nào có thể được lý giải bởi khả năng thích ứng của người lao động giữa các thành phố khác nhau, tạo nên bởi sự chênh lệch về nguồn lực và cơ sở hạ tầng hỗ trợ sức khỏe tinh thần giữa các thành phố.

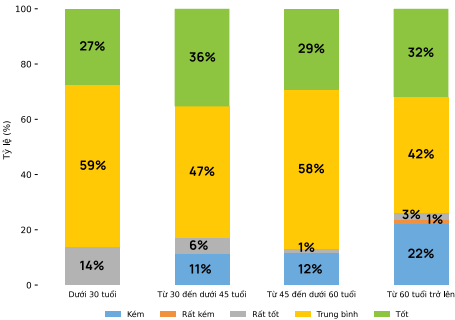
Về tác động kinh tế, mất việc làm và giảm thu nhập là vấn đề nghiêm trọng nhất ở TP.HCM và Đà Nẵng. Điều này phù hợp với khái niệm “phơi nhiễm” trong lý thuyết về tính dễ bị tổn thương, phản ánh mức độ tiếp xúc của một hệ thống với các tác động khí hậu. Cấu trúc kinh tế và đặc điểm thị trường lao động của các thành phố này có thể khiến người lao động ngoài trời dễ bị ảnh hưởng hơn bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Đáng chú ý, vấn đề trong đời sống gia đình không có sự khác biệt đáng kể giữa các thành phố, nhưng chi phí gia đình tăng cao nhất ở TP.HCM và Cần Thơ. Điều này gợi ý rằng tác động của biến đổi khí hậu có thể vượt ra ngoài phạm vi cá nhân và ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình và cộng đồng rộng lớn hơn, phản ánh tính chất đa cấp độ của tính dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

Những kết quả này không chỉ làm rõ sự khác biệt về tác động của thời tiết cực đoan giữa các thành phố, mà còn phản ánh tính phức tạp của mối quan hệ giữa yếu tố môi trường, kinh tế – xã hội và thể chế trong việc hình thành tính dễ bị tổn thương. Kết quả nghiên cứu này cũng gợi ý rằng để tăng cường khả năng chống chịu của người lao động ngoài trời đối với biến đổi khí hậu, cần có sự kết hợp giữa các biện pháp nâng cao năng lực thích ứng cá nhân và cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị, cùng với việc xây dựng chính sách bảo trợ xã hội phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

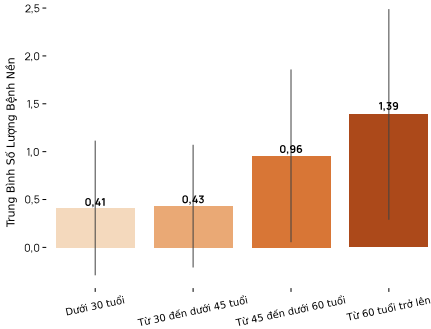
Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe của người lao động ngoài trời khi so sánh giữa các nhóm tuổi

Hình 3.5. Tình trạng sức khỏe theo nhóm tuổi



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0,0000$, Cramer's $V = 0,1975$

Hình 3.6. Phân bố số lượng trung bình bệnh nền theo nhóm tuổi



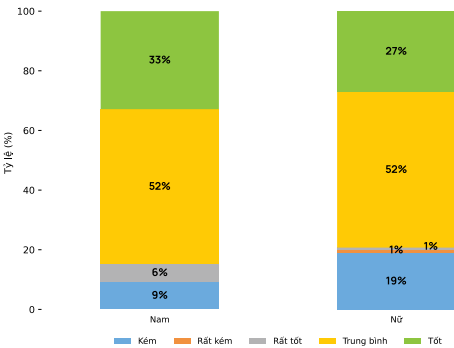
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $F(3,396) = 24,27$, $p < 0,001$

Khi được yêu cầu tự đánh giá tình trạng sức khỏe hiện tại (tại thời điểm khảo sát – tháng 7/2024), nhóm lao động dưới 30 tuổi đánh giá sức khỏe từ tốt đến rất tốt nhiều nhất (86,27%), trong khi nhóm trên 60 tuổi có tỷ lệ sức khỏe từ kém đến rất kém nhiều nhất (23,61%). Tỷ lệ người đánh giá sức khỏe ở mức trung bình khá cao ở tất cả nhóm tuổi, dao động từ 41,67% đến 58,82% (xem Hình 3.5). Những phát hiện này phù hợp với khung lý thuyết về tính dễ bị tổn thương do khí hậu. Sự khác biệt về tình trạng sức khỏe giữa các nhóm tuổi phản ánh khái niệm “tính nhạy cảm”, cho thấy các nhóm tuổi khác nhau có mức độ nhạy cảm khác nhau đối với tác động của thời tiết cực đoan. Nhóm trên 60 tuổi là nhóm duy nhất phản ánh tình trạng sức khỏe rất kém (1,39%), điều này có thể được giải thích bởi khả năng phục hồi sinh lý thấp hơn và khả năng thích ứng với các điều kiện môi trường khắc nghiệt kém hơn, vì có đến 82,7% người lao động trong nhóm tuổi này mắc bệnh lý nền như cao huyết áp, tiểu đường, v.v... và trung bình một người lao động từ 60 tuổi trở lên mắc 1,39 bệnh nền (xem Hình 3.6).

Mặt khác, tỷ lệ cao người lao động đánh giá sức khỏe ở mức trung bình ở tất cả nhóm tuổi có thể phản ánh khái niệm “khả năng thích ứng”. Điều này gợi ý rằng, bất kể tuổi tác, nhiều người lao động đã phát triển chiến lược để duy trì sức khỏe ở mức chấp nhận được trong điều kiện làm việc khắc nghiệt. Sự khác biệt về tình trạng sức khỏe giữa các nhóm tuổi cũng có thể phản ánh sự tích lũy không đồng đều về vốn xã hội và kinh tế theo thời gian. Nhóm tuổi trẻ có thể có lợi thế về sức khỏe thể chất, nhưng có thể thiếu vốn xã hội và kinh nghiệm để đối phó hiệu quả với các rủi ro sức khỏe liên quan đến công việc.

Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe của người lao động ngoài trời khi so sánh giữa các giới tính

Hình 3.7. Tình trạng sức khỏe phân theo giới tính



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

tiết cho thấy nhóm dễ bị tổn thương nhất là phụ nữ cao tuổi làm nghề bán hàng rong - khi 79% người bán hàng rong là nữ giới và đây là nhóm nghề có tỷ lệ đánh giá sức khỏe kém cao nhất (24%). Đặc biệt, trong nhóm tuổi từ 60 trở lên, 82,7% mắc bệnh lý nền với trung bình 1,39 bệnh/người, và tỷ lệ này còn cao hơn ở nữ giới do họ vừa phải đối mặt với suy giảm sinh lý theo tuổi tác, vừa phải gánh chịu trách nhiệm chăm sóc gia đình không được trả công trong khi vẫn tiếp tục lao động để hỗ trợ con cháu.

Kết quả khảo sát cho thấy nam giới có xu hướng đánh giá sức khỏe tốt hơn, với 38,75% cho biết sức khỏe tốt hoặc rất tốt, so với 27,93% ở nữ giới. Ngược lại, nữ giới có tỷ lệ đánh giá sức khỏe kém hoặc rất kém cao hơn, với 18,92% ở nữ giới so với 15,22% ở nam giới (xem Hình 3.7). Một phát hiện đáng chú ý là nam giới có xu hướng tự nhận sức khỏe của bản thân là bình thường nhiều hơn (31,5% so với 20,7% ở nữ).

Tuy nhiên, sự chênh lệch này không thể hiểu một cách đơn giản qua yếu tố giới tính mà cần phân tích qua sự giao thoa giữa giới tính, tuổi tác và nghề nghiệp. Phân tích chi

Phân tích theo loại bệnh cũng phản ánh sự tương tác phức tạp này. Nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể về bệnh da liễu (9,3% so với 3,6% ở nữ) và bệnh tiêu hóa (9,7% so với 6,3% ở nữ), có thể do nam giới thường tập trung ở công việc xây dựng với tiếp xúc nhiều hơn với ánh nắng mặt trời và các tác nhân gây kích ứng da. Trong khi đó, nữ giới có tỷ lệ cao hơn đáng kể về bệnh tim mạch và huyết áp (23,4% so với 14,5%), bệnh miễn dịch (19,8% so với 2,4%) và rối loạn tâm thần thần kinh (17,1% so với 8,7%). Những khác biệt này không chỉ do yếu tố sinh lý mà còn phản ánh gánh nặng chăm sóc gia đình ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của nữ giới, và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế khác biệt do bất bình đẳng giới trong phân bổ nguồn lực gia đình.

Về mặt sinh lý, phụ nữ thường có sức chịu đựng thể chất kém hơn nam giới trong điều kiện nhiệt độ cao và độ ẩm lớn (Cha, 2015). Với đặc thù công việc như bán hàng rong hay chạy xe ôm công nghệ, họ thường phải làm việc liên tục trong nhiều giờ dưới tác động trực tiếp của thời tiết, không có không gian trú ẩn hay điều kiện nghỉ ngơi phù hợp. Điều này có thể làm tăng nguy cơ mắc bệnh liên quan đến nhiệt như say nắng, kiệt sức và các vấn đề sức khỏe khác trong dài hạn. Đặc biệt, khi nữ lao động phải mang theo con nhỏ ra điểm bán hàng, điều này còn tạo thêm gánh nặng cho họ về việc bảo vệ sức khỏe cho cả bản thân và con trẻ trong điều kiện thời tiết bất lợi.

Đặc biệt tại TP.HCM và Hà Nội - hai đô thị có hiện tượng đảo nhiệt mạnh nhất - phụ nữ cao tuổi bán hàng rong phải đối mặt đồng thời với: phơi nhiễm cao với thời tiết cực đoan (làm việc ngoài trời toàn thời gian không có không gian trú ẩn), thu nhập thấp và bất ổn, trách nhiệm chăm sóc con cháu (thường phải mang con nhỏ theo khi bán hàng), và rào cản tiếp cận bảo hiểm y tế cũng như dịch vụ y tế do chi phí và thời gian. Chính sự giao thoa của những yếu tố này tạo nên mức độ tổn thương cao nhất trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

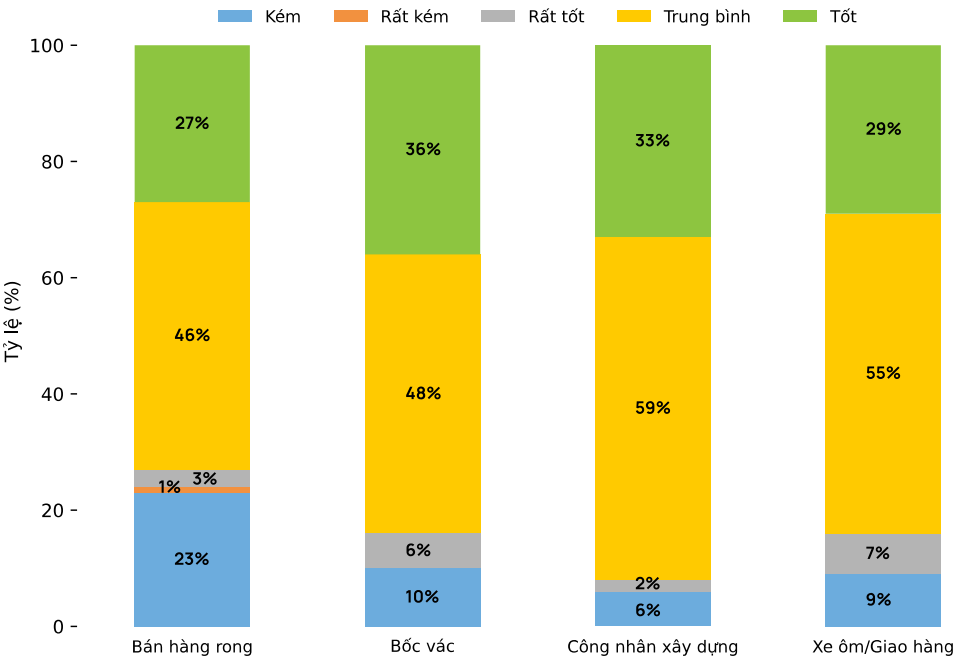
Những phát hiện này có thể được giải thích thông qua lăng kính của lý thuyết về tính dễ bị tổn thương do khí hậu và khái niệm về vốn xã hội (Pelling, 2003; Bourdieu, 1986). Sự chênh lệch về tình trạng sức khỏe giữa các nhóm nghề nghiệp có thể phản ánh sự khác biệt trong "tính nhạy cảm" và "khả năng thích ứng" với tác động của thời tiết cực đoan. Tỷ lệ người bán hàng rong đánh giá sức khỏe kém hoặc rất kém cao nhất có thể liên quan đến mức độ tiếp xúc trực tiếp và liên tục với các yếu tố thời tiết cực đoan, cũng như điều kiện làm việc không ổn định và thiếu sự bảo vệ. Yếu tố này cũng có thể liên quan đến khả năng tiếp cận hạn chế với dịch vụ y tế và bảo hiểm xã hội của nhóm lao động này. Ngược lại, tỷ lệ đánh giá sức khỏe tốt hoặc rất tốt cao ở nhóm tài xế và thợ khuôn vác có thể phản ánh đặc thù công việc cho phép họ có sự linh hoạt hơn trong việc tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt, cũng như khả năng tiếp cận tốt hơn với nguồn lực xã hội và kinh tế để bảo vệ sức khỏe.

Nhìn chung, sự tương tác phức tạp giữa giới tính, điều kiện làm việc và tác động của thời tiết cực đoan đến sức khỏe được giải thích bởi nhiều yếu tố, bao gồm sự phân công lao động theo giới, khác biệt sinh học và các yếu tố xã hội - văn hóa ảnh hưởng đến hành vi chăm sóc sức khỏe và nhận thức về rủi ro. Kết quả phân tích này làm sáng tỏ sự phân hóa giới trong tác động sức khỏe của thời tiết cực đoan đối với người lao động ngoài trời, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét yếu tố giới trong nghiên cứu về tác động của biến

đổi khí hậu đối với sức khỏe người lao động. Theo đó, các yếu tố như giới tính, tuổi tác và nghề nghiệp không chỉ làm tăng thêm rủi ro mà còn định hình cách người lao động nhận thức và ứng phó với những rủi ro này. Điều này cung cấp bằng chứng về sự cần thiết của một cách tiếp cận nhạy cảm giới trong việc đánh giá và hiểu rõ rủi ro sức khỏe liên quan đến biến đổi khí hậu trong môi trường làm việc.

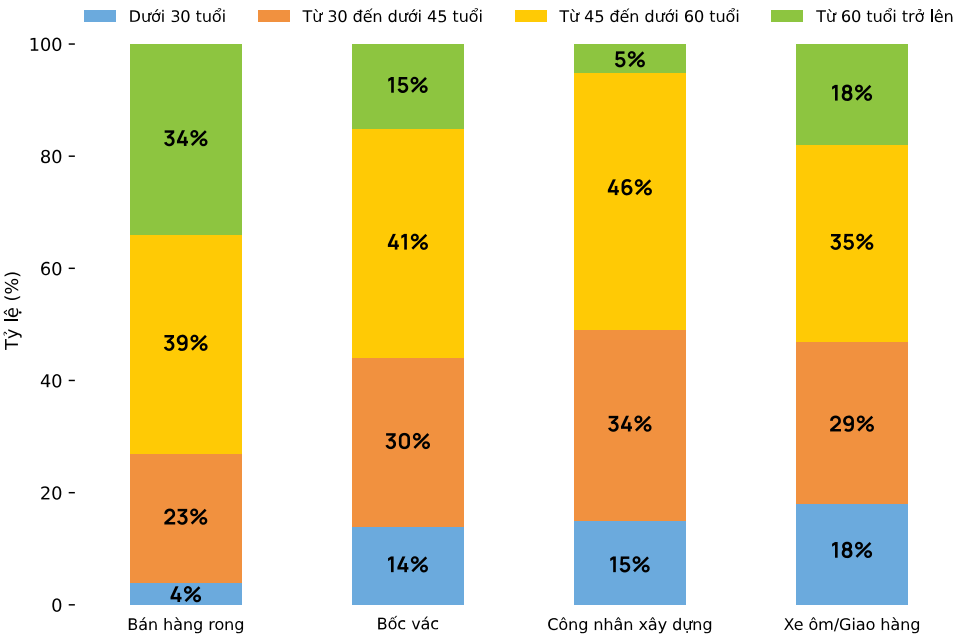
So sánh giữa các nhóm nghề

Hình 3.8. Tình trạng sức khỏe theo nhóm nghề



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0,0167$, Cramer's $V = 0,1432$

Hình 3.9. Phân bố nhóm tuổi theo nhóm nghề

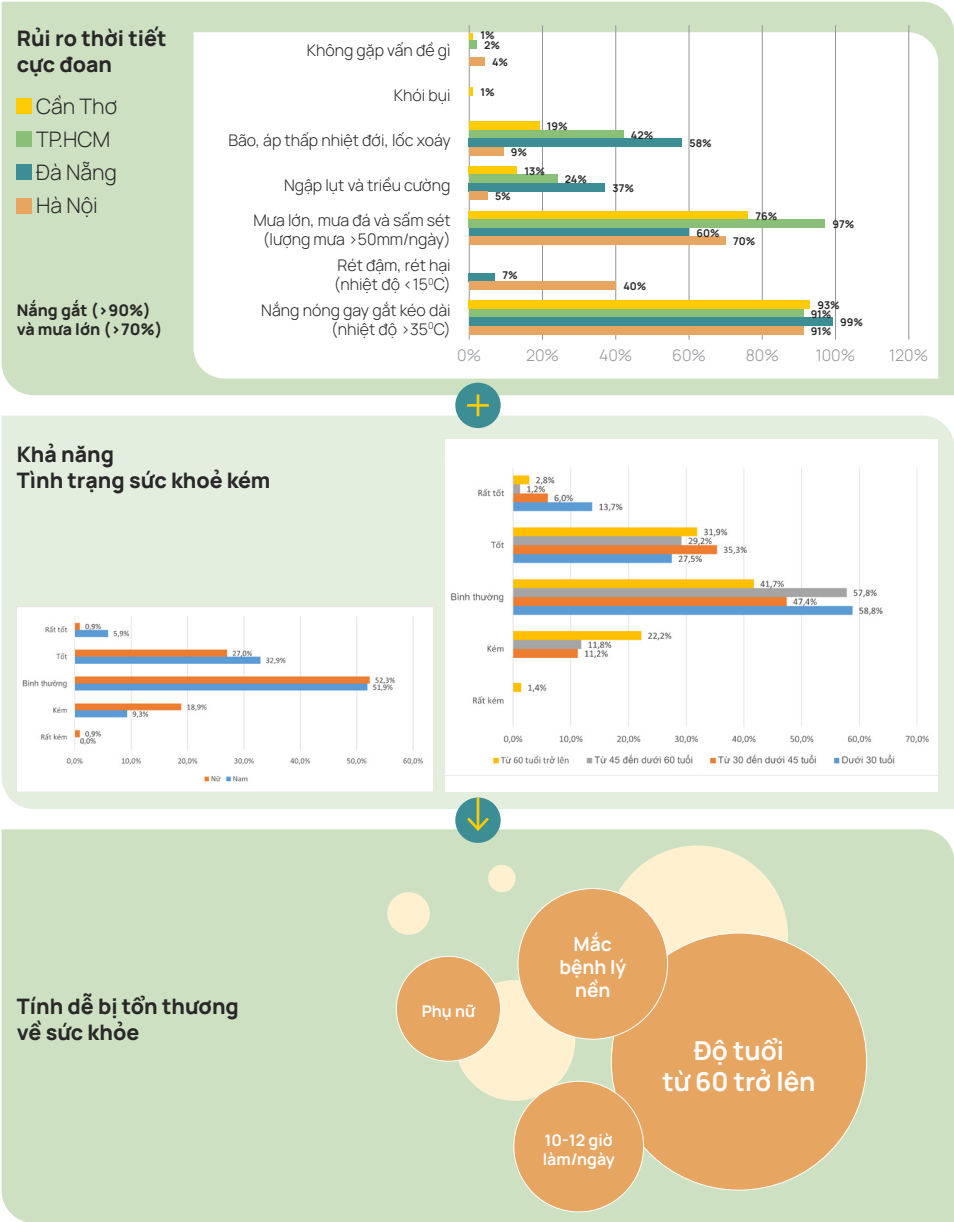


Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Ghi chú: $p = 0,0000$, Cramer's $V = 0,1744$

Phân tích về tình trạng sức khỏe theo nghề nghiệp cung cấp một góc nhìn quan trọng về tác động của thời tiết cực đoan đối với người lao động ngoài trời. Kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể về tình trạng sức khỏe giữa các nhóm nghề nghiệp. Người bán hàng rong có tỷ lệ đánh giá sức khỏe Kém hoặc Rất Kém cao nhất (24%), trong khi công nhân xây dựng có tỷ lệ này thấp nhất (6%). Tài xế và thợ khuân vác đánh giá sức khỏe Tốt hoặc Rất Tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (lần lượt là 36% và 42%). Người bán hàng rong có tỷ lệ cao nhất về bệnh tim mạch và huyết áp (23%) và bệnh miễn dịch (20%). Tài xế có tỷ lệ cao nhất về bệnh hô hấp (31%). Công nhân xây dựng có tỷ lệ cao nhất về bệnh da liễu (15%). Ngoài ra, kết quả cho thấy số giờ làm việc ngoài trời cũng có ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động. Cụ thể, nhóm làm việc từ 10-12 giờ/ngày – thường là nhóm xe ôm công nghệ, có tỷ lệ cao nhất về bệnh hô hấp (36,2%) và bệnh cơ xương khớp (11,6%).

Hình 3.10. Xác định đối tượng dễ bị tổn thương do các hiện tượng thời tiết cực đoan



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

Thông qua phân tích thống kê giữa các chiều kích, có thể nhận thấy một xu hướng chung là nhóm lao động từ 60 tuổi trở lên, giới tính nữ, và mắc các bệnh lý nền có mức độ dễ tổn thương cao nhất khi làm việc ngoài trời, dưới tác động của hiện tượng thời tiết cực đoan (xem Hình 3.10). Nhóm đối tượng này sẽ được chú ý đặc biệt trong phần phân tích ở các nội dung tiếp theo.

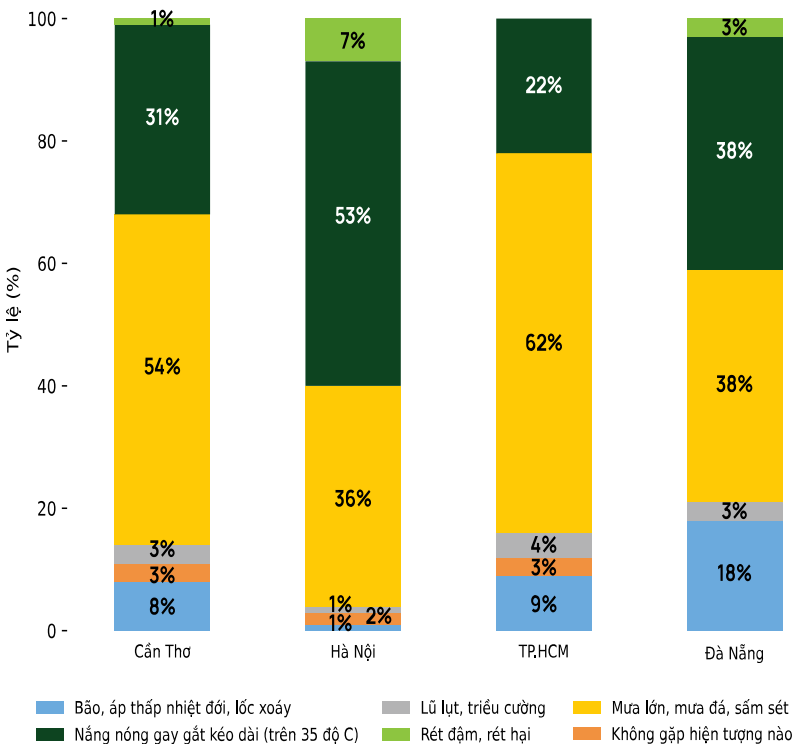
SINH KẾ BẮP BÊNH DƯỚI TÁC ĐỘNG KHÍ HẬU

Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự trầm trọng hóa của tình dễ bị tổn thương về kinh tế - xã hội do biến đổi khí hậu, thể hiện qua tỷ lệ cao người lao động gặp bất ổn thu nhập trong điều kiện thời tiết bất thường. Đây không chỉ là một tương tác đơn giản mà là một vòng luẩn quẩn phức tạp, trong đó tình bấp bênh kinh tế làm suy giảm khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, trong khi các cú sốc khí hậu lại làm trầm trọng thêm tình trạng bất ổn kinh tế.

Nghịch lý giữa tác động sức khỏe và sinh kế

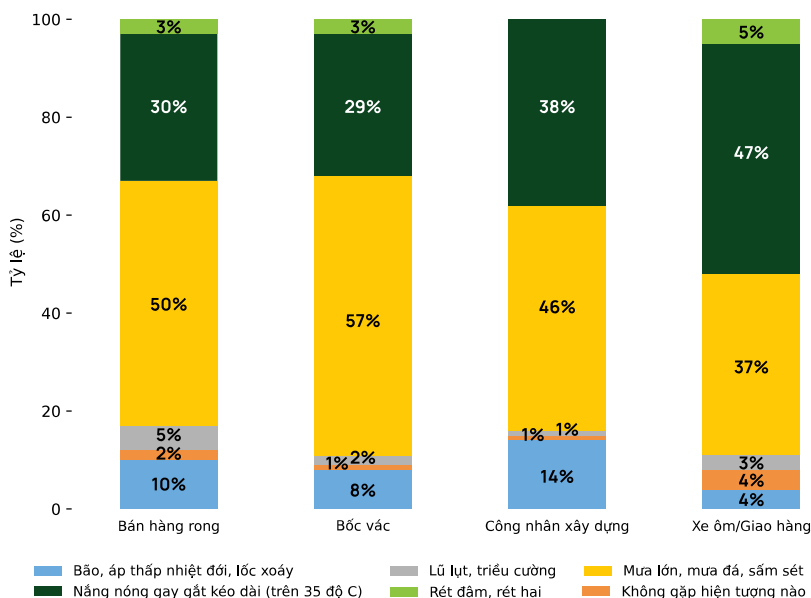
Một phát hiện thú vị từ dữ liệu khảo sát cho thấy mặc dù nắng nóng gay gắt kéo dài là hiện tượng có tác động đáng kể nhất đến sức khỏe, nhưng mưa lớn lại là thách thức lớn nhất đối với sinh kế của người lao động ngoài trời - hiện tượng được phản ánh nhiều nhất ở mọi thành phố, giới tính và hầu hết ngành nghề được khảo sát.

Hình 3.11. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo thành phố



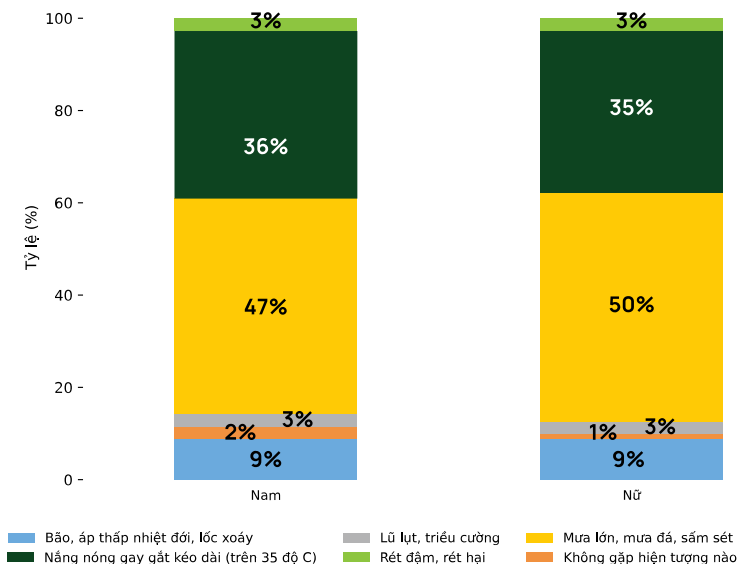
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: p value = 0.0000, Cramer's V = 0.2154

Hình 3.12. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo nhóm nghề



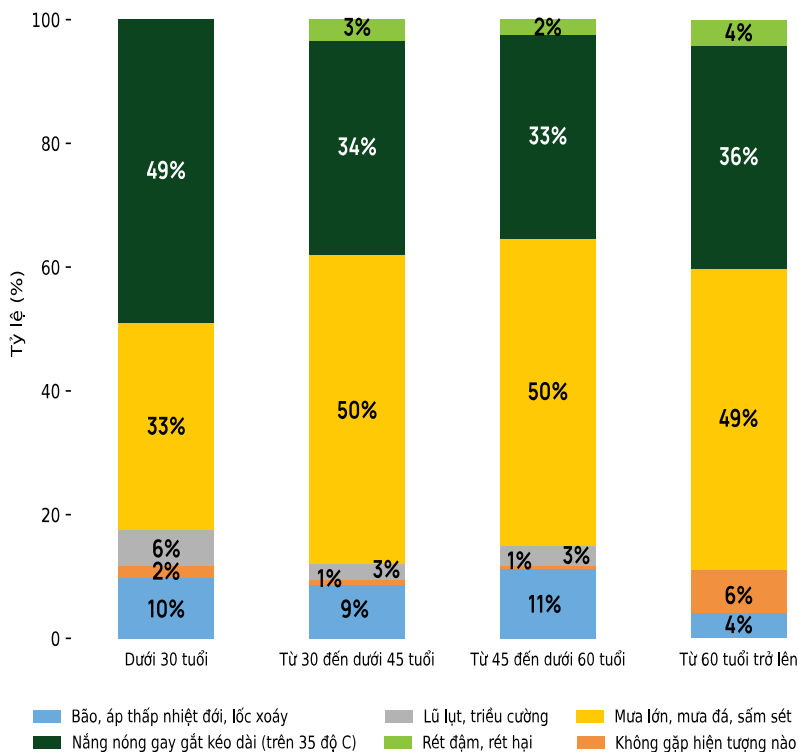
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p\text{ value} = 0.0302$, $Cramer's V = 0.1495$

Hình 3.13. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo giới tính



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p\text{ value} = 0.0302$, $Cramer's V = 0.1495$

Hình 3.14. Hiện tượng thời tiết cực đoan gây khó khăn nhất cho người lao động theo nhóm tuổi



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p\text{ value} = 0.0066$, $Cramer's V = 0.1631$

Nghịch lý này được giải thích qua lời chia sẻ của một người thợ xây 42 tuổi tại TP.HCM: “Tôi làm thợ xây được tự do, hôm nào mệt quá thì nghỉ, không ai quản. Mà công việc này cũng không đến nỗi nào, tuần làm năm sáu ngày là đủ tiền lo cho gia đình rồi.” Tuy nhiên, khi thời tiết mưa lớn kéo dài, “tự do” này trở thành gánh nặng vì không có thu nhập trong những ngày không thể làm việc.

RÀO CẢN ĐA CHIỀU TRONG TIẾP CẬN DỊCH VỤ CÔNG

Mặc dù các chính sách bảo trợ xã hội và dịch vụ y tế công đã được mở rộng trong những năm gần đây, người lao động ngoài trời vẫn phải đối mặt với những rào cản đa chiều nghiêm trọng. Kết quả khảo sát cho thấy về tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ này, nhưng phía sau những con số là những câu chuyện phức tạp về các rào cản thể chế, nhận thức và tâm lý mà người lao động phải đương đầu.

Rào cản thể chế: Khi giấy tờ trở thành “tấm vé vào cửa”

Một trong những rào cản căn bản nhất là yêu cầu về giấy tờ và thủ tục hành chính. Người lao động di cư, đặc biệt là những người làm việc phi chính thức, thường gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý để tiếp cận dịch vụ công.

Một người bán vé số 67 tuổi tại Hà Nội chia sẻ: *“Những người trẻ như các cháu có lẽ không gặp vấn đề này. Nhưng ở độ tuổi của bác, bác phải nghỉ bán hàng cả tháng cuối năm để về quê. Khi họ hàng, người thân mời dự các ngày giỗ chạp, một người cao tuổi như bác không thể vắng mặt được.”*

Câu chuyện này phản ánh cách người lao động phải di chuyển liên tục giữa quê nhà và nơi làm việc, khiến việc duy trì các giấy tờ cần thiết trở nên phức tạp. Họ thường không có hộ khẩu thường trú tại nơi làm việc, làm khó khăn việc đăng ký các dịch vụ y tế và bảo hiểm xã hội địa phương.

Rào cản nhận thức: “Không biết có chính sách”

Nhiều người lao động không được thông tin đầy đủ về các chính sách hỗ trợ hiện có. Một người bán nước 49 tuổi tại chợ đầu mối Thủ Đức thừa nhận: *“Hồi đó cô có bảo hiểm y tế mà giờ hết hạn rồi, không có tiền mua lại. [...] Ngồi bán nước rảnh cô hay mở trên Youtube coi người ta chỉ có phương thuốc này hay hay phương thuốc kia.”*

Việc phụ thuộc vào thông tin y tế từ YouTube thay vì các kênh chính thức cho thấy khoảng cách lớn trong việc truyền tải thông tin chính sách đến người lao động. Họ thường không biết về các chương trình hỗ trợ, giảm giá hoặc miễn phí dành cho người thu nhập thấp.

Rào cản tâm lý: “Không dám tiếp cận”

Rào cản tâm lý thể hiện qua cảm giác tự ti, sợ bị phân biệt đối xử hoặc lo ngại về phẩm giá cá nhân. Một người phụ nữ 72 tuổi bán nước tại Chợ đầu mối Thủ Đức giải thích: *“Bà không muốn làm gánh nặng cho con gái, vì con nó còn đang chăm con nhỏ. [...] Lâu lâu bán có tiền bà còn gửi thêm phụ cho nó. Tay chân còn cử động được là còn đi làm, bà không muốn ngồi một chỗ đợi con cháu lo.”*

Tâm lý “không muốn làm gánh nặng” khiến nhiều người lao động cao tuổi từ chối các hỗ trợ xã hội, ngay cả khi họ đủ điều kiện. Điều này đặc biệt phổ biến trong văn hóa Việt Nam, nơi việc duy trì độc lập được coi là biểu hiện của phẩm giá.

Rào cản kinh tế: “Chi phí cơ hội” của việc tiếp cận dịch vụ

Ngay cả khi vượt qua được các rào cản khác, chi phí cơ hội của việc đi khám bệnh hoặc làm thủ tục hành chính vẫn là gánh nặng lớn. Một nữ tài xế xe ôm công nghệ 33 tuổi mô tả: *“Chạy xe thì sáng đưa con đi học xong chị nhận đơn quanh khu vực trường, đến giờ đón con thì chị offline một lúc rồi đưa con về. Chiều con ngủ thì chị tiếp tục chạy, con thức thì dèo theo.”*

Lịch trình làm việc khắt khe này không cho phép dành thời gian để đi khám bệnh hoặc làm thủ tục. Một ngày không làm việc có nghĩa là mất thu nhập, điều mà nhiều gia đình không thể đáp ứng được.

Tác động tích lũy của các rào cản

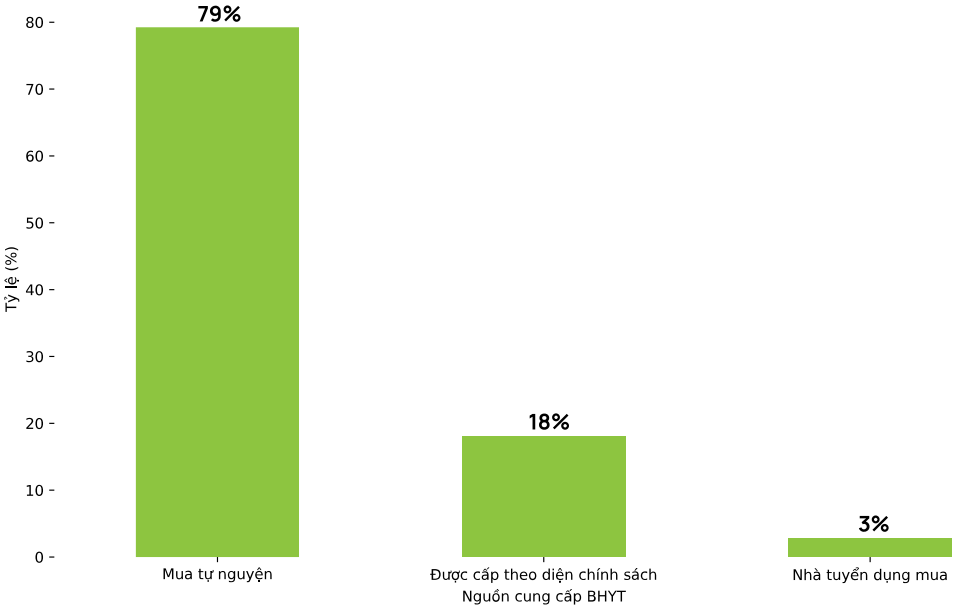
Khi các rào cản này tác động đồng thời, chúng tạo ra một “bẫy tổn thương” khiến người lao động ngày càng xa rời hệ thống bảo trợ công. Câu chuyện của một người bán hàng rong 47 tuổi tại Hà Nội minh chứng điều này: *“Mấy hôm nắng nóng 40-41 độ vừa rồi, cháu gái tôi nó bảo thôi bà ở nhà đi, nhưng tôi vẫn đi bán. Đội cái mũ rộng vành, mang cái áo chống nắng, cứ nghỉ một lúc rồi đi bán tiếp. Không bán thì không có tiền, mà giờ cái gì cũng đắt.”*

Trong điều kiện này, việc không tiếp cận được dịch vụ y tế kịp thời không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe hiện tại mà còn tạo ra những vấn đề sức khỏe mãn tính, làm tăng chi phí chăm sóc y tế trong tương lai và làm sâu sắc thêm vòng luẩn quẩn tổn thương.

Hậu quả của khoảng cách tiếp cận

Kết quả là người lao động ngoài trời phải tự tìm cách giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội thông qua các mạng lưới phi chính thức, như việc sử dụng thông tin y tế từ mạng xã hội hoặc dựa vào các phương pháp chữa trị truyền thống. Mặc dù những cách này có thể mang lại hiệu quả nhất định, chúng cũng tiềm ẩn những rủi ro về an toàn và hiệu quả điều trị, đồng thời không giải quyết được các nguyên nhân cấu trúc của tính dễ bị tổn thương.

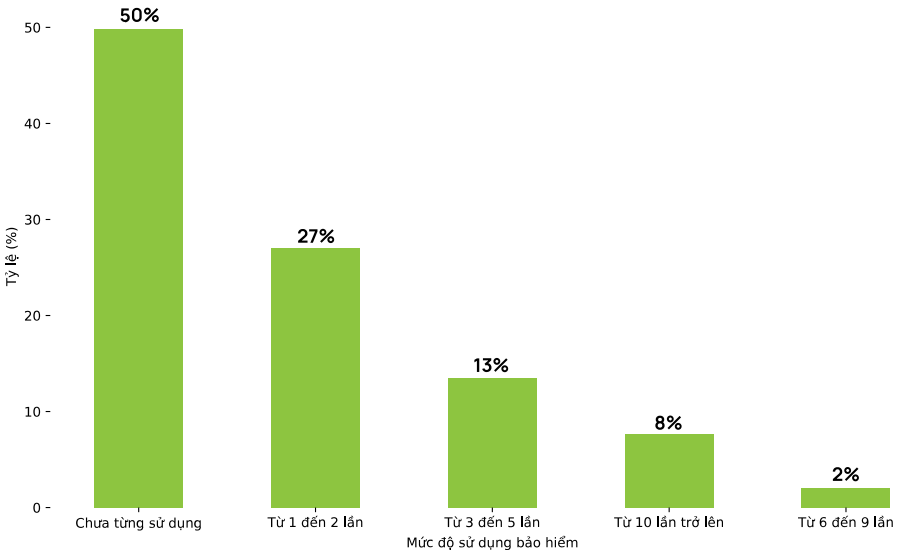
Hình 3.15. Nguồn cấp BHYT của người lao động trả lời có BHYT



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)

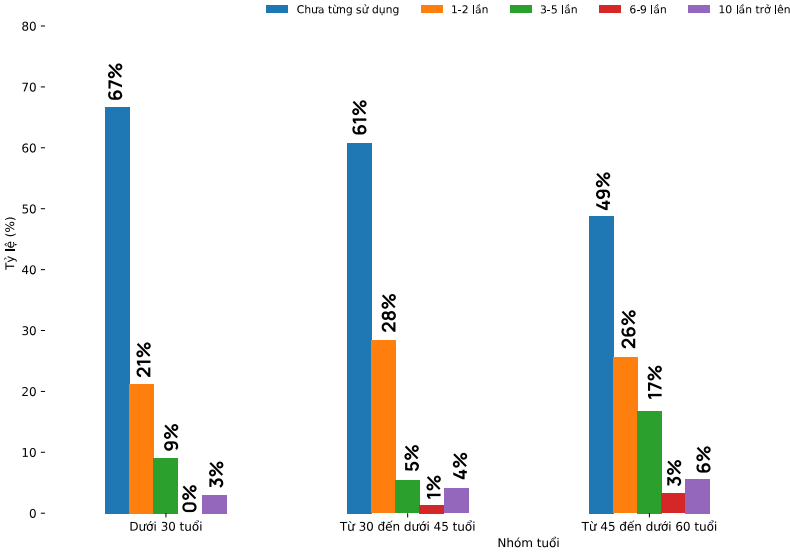
Riêng đối với nhóm đã có bảo hiểm, vẫn có tới 49,83% trong số đó chưa từng sử dụng BHYT để khám chữa bệnh. Trong số những người có sử dụng, nhóm lao động từ 60 tuổi trở lên – vốn có nhiều bệnh lý nền – là đối tượng sử dụng bảo hiểm y tế từ 10 lần trở lên nhiều nhất, chiếm 19,3%.

Hình 3.16. Mức độ sử dụng BHYT của người có BHYT



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: N = 289/400

Hình 3.17. Mức độ sử dụng BHYT theo nhóm tuổi



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0,0000$, Cramer's $V = 0,2127$

Điều đáng chú ý là bảo hiểm y tế ở Việt Nam không có chính sách miễn giảm cho dịch vụ khám sức khỏe tổng quát. Đối với người lao động chính thức được tuyển dụng tại các doanh nghiệp, họ được hưởng quyền lợi khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13. Song, người lao động phi chính thức hoàn toàn nằm ngoài phạm vi đảm bảo chăm sóc sức khỏe này. Nhìn từ góc độ vĩ mô, việc thiếu chính sách hỗ trợ khám sức khỏe tổng quát định kỳ cho người lao động phi chính thức đã khiến đối tượng này bị gạt khỏi phạm vi tầm soát bệnh tật trong lực lượng lao động của quốc gia. Nhìn từ góc độ vi mô ở mỗi cá nhân người lao động ngoài trời, việc thiếu cơ hội khám sức khỏe tổng quát định kỳ thường khá tốn kém so với túi tiền của người lao động bấp bênh (trên 300.000 đồng cho dịch vụ khám cơ bản, và có thể trên 1.000.000 đồng cho dịch vụ nâng cao), ngăn cản họ nắm được tình trạng sức khỏe của bản thân, để biết được liệu rằng biến đổi khí hậu có đang gây ra những vấn đề sức khỏe cho họ, từ đó kịp thời có biện pháp ứng phó.

Điều này tạo ra một vòng luẩn quẩn: không có khả năng chi trả cho việc kiểm tra sức khỏe định kỳ dẫn đến không nhận biết được các vấn đề sức khỏe tiềm ẩn, từ đó làm tăng nguy cơ bệnh tật nghiêm trọng trong tương lai, đặc biệt khi phải làm việc trong điều kiện thời tiết cực đoan.

"Có mấy hôm trời nắng quá da tao nổi mẩn đỏ, ngứa ngứa, nhưng tao không đi khám, để tự nó hết." (Phòng vấn người bán hàng rong, nam, Quận 9, TP.HCM)

"Cả ba chú đều nói sợ nhất là đang đi làm trời nắng mà mưa giông. Là bị cảm ngay, sổ mũi ngay. Lúc này là mua decolgen uống ngay. Không có tới bệnh viện hay dùng bảo hiểm chi cả. Mặc dù cả ba đều có bảo hiểm y tế nhưng năm qua chưa dùng. Vì mất thời gian, cứ mua thuốc uống cho nhanh" (Nhật ký điển dã, Nhóm nghiên cứu ở Đà Nẵng, tháng 8/2024).

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, việc thiếu biện pháp theo dõi và bảo vệ sức khỏe một cách chủ động có thể dẫn đến những hệ quả nghiêm trọng cho người lao động ngoài trời. Câu trả lời mang tính phớt lờ các triệu chứng dị ứng da do nắng nóng và để chúng "tự khỏi", thay vì tìm kiếm sự hỗ trợ y tế của người bán hàng rong ở TP.HCM là một ví dụ. Đối với những người lao động là trụ cột kinh tế của gia đình, họ thường đặt ưu tiên sinh kế lên trên ưu tiên chăm sóc sức khỏe, chỉ cần "còn đủ khỏe" là vẫn đi làm.

CHƯƠNG IV

KHẢ NĂNG VÀ CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG: TỪ CHĂM SÓC SỨC KHỎE ĐẾN ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ

Đối mặt với những thách thức từ biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan, người lao động ngoài trời tại các đô thị không chỉ đơn thuần là nạn nhân, mà còn là chủ thể tích cực trong việc tìm kiếm và áp dụng các chiến lược thích ứng. Chương này tập trung phân tích khả năng thích ứng và các giải pháp mà người lao động đã phát triển để bảo vệ sức khỏe và duy trì sinh kế của họ trong bối cảnh ngày càng khắc nghiệt.

Khi chi phí khám chữa bệnh vượt quá khả năng chi trả và tiếp cận dịch vụ y tế chính thống còn nhiều rào cản, người lao động ngoài trời đã phát triển một hệ thống giải pháp thay thế, từ việc tìm kiếm thông tin sức khỏe qua kênh không chính thống đến việc áp dụng phương pháp chữa bệnh dân gian. Đồng thời, họ cũng xây dựng các mạng lưới hỗ trợ cộng đồng và đa dạng hóa nguồn thu nhập để giảm thiểu rủi ro từ thời tiết bất thường.

Thông qua phân tích về mặt định lượng và định tính, chương này làm rõ sự khác biệt về khả năng thích ứng giữa các nhóm lao động, đồng thời ghi nhận sự sáng tạo và chủ động trong chiến lược sinh tồn mà họ áp dụng – những yếu tố quan trọng cần được xem xét trong việc xây dựng chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng dễ bị tổn thương này.

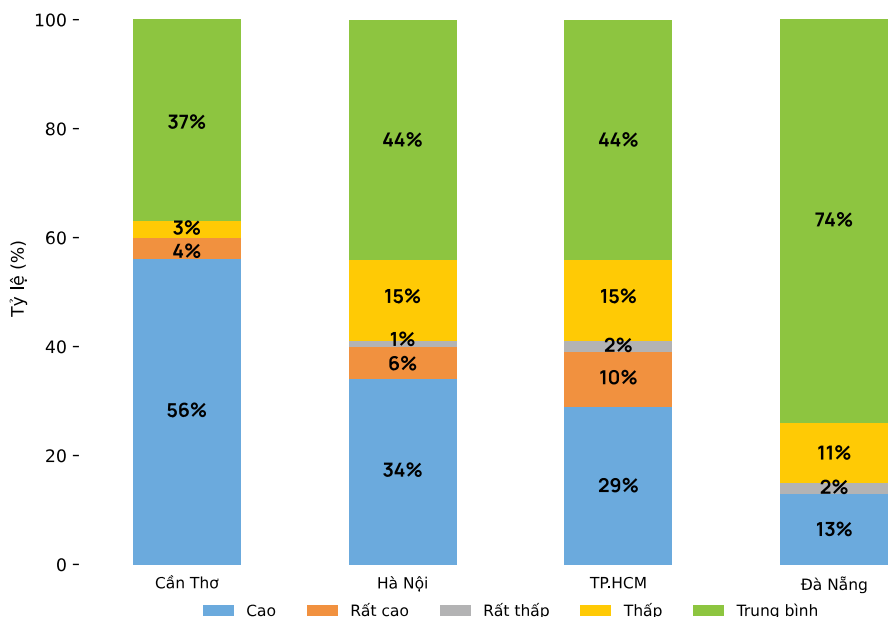
AI CÓ THỂ THÍCH ỨNG? TỪ NĂNG LỰC CÁ NHÂN ĐẾN TÀI NGUYÊN XÃ HỘI

Kết quả phân tích thống kê cho thấy phần đa người lao động phản ánh khả năng thích ứng từ trung bình đến tốt trước hiện tượng thời tiết cực đoan. Điều này là dễ hiểu khi 41,8% người lao động ngoài trời tham gia khảo sát đang ở độ tuổi dưới 45 (xem Hình 2.8). Tuy nhiên, ở nhóm tuổi cao hơn, tỷ lệ phản ánh tình trạng sức khỏe từ *Trung bình* đến *Rất thấp* cũng cao hơn, cụ thể là 68,32% ở nhóm từ 45 đến dưới 60 tuổi, và 65,82% ở nhóm từ 60 tuổi trở lên – chiếm tỷ lệ cao hơn so với hai nhóm tuổi còn lại (xem Hình 4.4). Đáng chú ý, nhóm tuổi từ 60 trở lên lại là nhóm có tỷ lệ thích ứng ở mức *Rất cao* cao nhất (9,72%), có thể vì tỷ lệ này đã làm việc ngoài trời nhiều năm và có sức đề kháng cao trước sự thay đổi của thời tiết.

Bên cạnh đó, đối tượng lao động nữ cao tuổi có mức độ dễ bị tổn thương cao hơn các nhóm còn lại dưới tác động của biến đổi khí hậu, một lần nữa được phản ánh qua Hình 4.3, khi tỷ lệ lao động nữ có khả năng thích ứng từ *Thấp* đến *Rất thấp* chiếm 19,82%, trong khi con số này ở nam giới chỉ ở mức 9,34%. Tỷ lệ 79% lao động hàng rong là nữ cũng khiến nhóm ngành này có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thấp nhất (xem Hình 4.2).

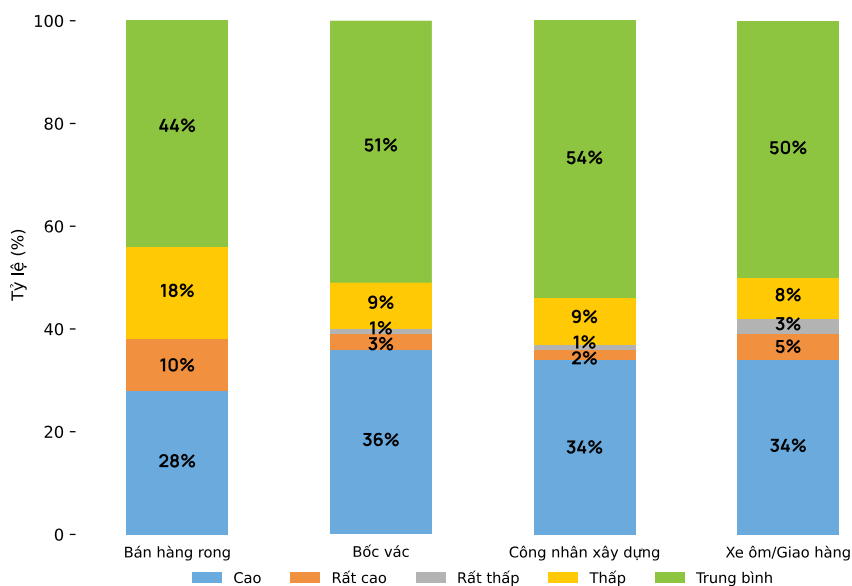
Khi quan sát theo thành phố, ta có thể thấy tỷ lệ người lao động phản ánh khả năng thích ứng từ *Thấp* đến *Rất thấp* nhiều nhất là ở Hà Nội (16%) và TP.HCM (17%), trong khi với Đà Nẵng là 11% và Cần Thơ chỉ chiếm 3% (xem Hình 4.1). Nguyên nhân cho sự khác biệt này có thể bắt nguồn từ tần suất và cường độ thời tiết cực đoan tại hai đô thị có mật độ dân số và công trình xây dựng lớn nhất cả nước, với hiện tượng đảo nhiệt đô thị và nắng nóng cực đoan đã được báo cáo vào đầu năm 2024 (xem Hình 3.4).

Hình 4.1. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo thành phố



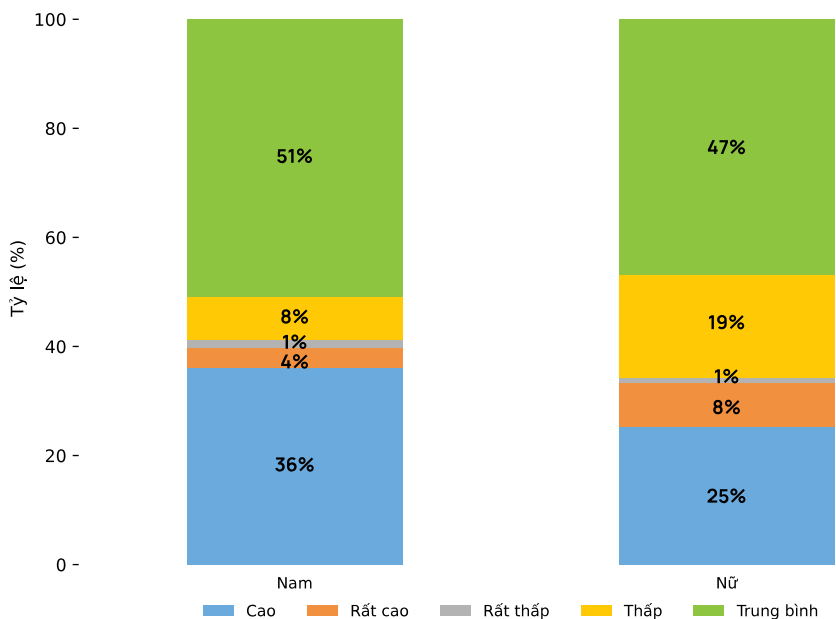
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0.0000$, Cramer's $V = 0.2352$

Hình 4.2. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo ngành nghề



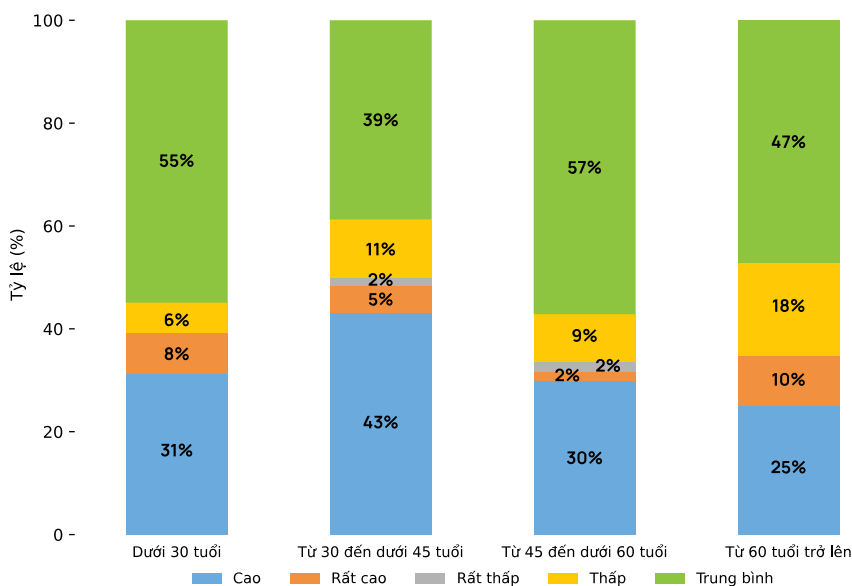
Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0.0761$, Cramer's $V = 0.0761$

Hình 4.3. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo giới tính



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0.0851$, Cramer's $V = 0.2023$

Hình 4.4. Khả năng thích ứng của người lao động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, phân loại theo nhóm tuổi



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của SocialLife (tháng 7/2024)
Ghi chú: $p = 0.0106$, Cramer's $V = 0.0106$

CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG VỀ SỨC KHOẺ

Trong bối cảnh bị giới hạn bởi rào cản tài chính, người lao động ngoài trời đã phát triển những chiến lược riêng để chăm sóc sức khỏe cho bản thân và những người xung quanh. Đặc trưng của những chiến lược này là chi phí rẻ và không được đảm bảo về độ tin cậy lẫn độ an toàn.

Tìm đến lời khuyên sức khỏe chưa qua kiểm chứng

Thay vì tiếp cận thông tin chăm sóc sức khỏe chính thống từ cơ sở khám chữa bệnh hay trang thông tin chính thức của Bộ Y tế, người lao động có xu hướng tìm đến nguồn thông tin từ mạng xã hội với tính chất miễn phí và dễ tiếp cận như YouTube, TikTok... cùng với kiến thức được truyền miệng hoặc biện pháp chữa bệnh dân gian. Trong bối cảnh khả năng tiếp cận thông tin y tế chính thống bị hạn chế, nguồn thông tin không chính thống này trở thành kênh chủ yếu cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe và các phương pháp điều trị tiết kiệm chi phí cho họ.

“Ngồi bán nước rảnh cô hay mở trên Youtube coi người ta chỉ có phương thuốc này hay, hay phương thuốc kia hay là cô sẽ lấy tờ giấy cô ghi lại, để về mình thử mình tìm uống, hoặc là thấy ai cần thì mình sẽ chia sẻ lại.” (Phòng vấn người bán hàng rong, nữ, Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức).

Việc người lao động tự chữa trị bằng cách tìm đến thông tin sức khỏe từ nguồn thông tin thiếu kiểm chứng trên mạng xã hội, thông qua truyền miệng hay phương pháp dân gian không đơn thuần là sự thiếu hiểu biết, mà có thể được coi là một chiến lược thích ứng có chủ đích, bởi họ chọn những nền tảng như Youtube, TikTok không chỉ vì tính miễn phí và dễ tiếp cận, mà còn vì những nội dung này thường được trình bày dưới dạng dễ hiểu, gần gũi với đời sống hàng ngày của họ. Thực tế này một lần nữa nhấn mạnh tính bất cập trong hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng ở Việt Nam hiện tại, khi vẫn còn một bộ phận người lao động không thể tiếp cận miễn phí các dịch vụ chăm sóc công lẫn thông tin hướng dẫn sức khỏe từ cơ quan chính phủ, mà phải tìm đến những giải pháp thay thế qua nguồn thông tin không được kiểm duyệt, dù biết rằng độ tin cậy của nguồn thông tin này có thể không cao.

Tìm đến phương thức chữa bệnh dân gian

Trong bối cảnh khó tiếp cận dịch vụ y tế chính thống do chi phí và thời gian, người lao động thực hiện các biện pháp thích ứng dựa trên kinh nghiệm và kiến thức dân gian. Đáng chú ý là sự ưu tiên sử dụng phương pháp chữa trị truyền thống vốn được xem là an toàn và hiệu quả dựa trên trải nghiệm cá nhân của người lao động. Những lựa chọn này không chỉ phản ánh tính thực dụng trong việc tự chăm sóc sức khỏe, mà còn cho thấy sự tin tưởng vào hiệu quả của y học cổ truyền trong điều trị vấn đề sức khỏe nghề nghiệp. Điều này được minh họa rõ nét qua trải nghiệm của một nữ tài xế xe ôm công nghệ tại TP.HCM, khi cô ấy sử dụng phương pháp dân gian để làm dịu cơn đau khớp do việc lái xe nhiều giờ gây ra:

"Chị cũng cứ lúc thuốc này thuốc kia rồi cứ bỏ rượu gừng á, chứ xúc dầu nóng thì nó rất, xài ba cái miếng dán thì nó rất [...] Cái này là rượu nhà chị ngâm với gừng gần 2-3 năm nay rồi, xúc vậy thôi [...] Nó hay hơn là em xúc dầu nóng. Dầu nóng (sẽ làm) em rất lắm, mà thuốc rượu nó mát, nó không có bị gãi ngứa, nó thấm thấm êm dịu lắm. Gừng nó hay lắm." (Nữ, 46 tuổi, tài xế xe công nghệ, TP.HCM)

Hay như hai ông bà bán hàng rong tại Hà Nội, hai ông bà chọn cách "cạo gió"¹ mỗi khi bà cụ chịu cảnh tụt huyết áp do thời tiết thay đổi:

"Cháu ơi tụt huyết áp đây nha, tự nhiên nha, trời đang nắng, đang nắng nhiều á, mà tự nhiên nó mát, hoặc là mưa... là hay bị (bà hay bị) [...] Ông đánh gió (cho bà) hai lần, cứ bị cái là ông đánh gió cho bà cứ hai lần là thôi (là khỏi)". (Nữ, 70 tuổi, bán hàng rong, Hà Nội)

Tình trạng người lao động tìm thông tin chăm sóc sức khỏe từ các nguồn chưa qua kiểm chứng hoặc sử dụng bài thuốc dân gian thông qua truyền miệng hơn là khám chữa bệnh tại cơ sở y tế đặt ra thách thức lớn cho chính sách y tế công cộng. Một mặt, nó cho thấy nhu cầu cấp thiết về việc phát triển kênh thông tin sức khỏe chính thống nhưng dễ tiếp cận và phù hợp với điều kiện của người lao động phi chính thức. Mặt khác, nó cũng đòi hỏi giải pháp toàn diện hơn để hạn chế rào cản tài chính trong việc tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cho nhóm đối tượng này.

Những phát hiện này cũng gợi ý rằng chính sách hỗ trợ người lao động ngoài trời cần vượt ra khỏi khuôn khổ truyền thống về bảo hiểm y tế và an sinh xã hội. Thay vào đó, cần có những can thiệp phù hợp với logic sinh kế và chiến lược thích ứng của họ, chẳng hạn như phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng chi phí thấp, hoặc tận dụng mạng lưới thông tin không chính thống sẵn có để truyền tải kiến thức y tế đúng đắn.

¹ "Cạo gió" hay "đánh gió" là một phương pháp chữa bệnh cổ truyền, sử dụng tác động vật lý từ những dụng cụ như dây chuyền, thìa nhôm, trứng gà, bàn cạo gió, nhẵn... hoặc kết hợp với hỗn hợp được liệu như gừng, rượu, lá trầu không.... lên một số bộ phận của cơ thể để chữa trị khi cơ thể bị trúng "gió độc" (theo quan niệm dân gian), biểu hiện qua các triệu chứng thường gặp như đau đầu, mệt mỏi, sốt, buồn nôn, đau bụng.... Nhờ việc cạo đánh theo kinh mạch mà khí huyết và tuần hoàn của cơ thể được lưu thông, đẩy lùi "khí độc", từ đó làm thuyên giảm các triệu chứng kể trên. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào công bố tác dụng của phương pháp chữa bệnh này.

CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG VỀ SINH KẾ

Mạng lưới hỗ trợ cộng đồng xét như một nguồn vốn xã hội

Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy tỷ lệ tham gia của người lao động vào các nhóm nghề nghiệp hoặc cộng đồng tương đối thấp (29,7%). Trong đó, 11,8% thuộc các nhóm từ 20-50 thành viên và chỉ 9,2% tham gia nhóm lớn hơn 50 thành viên. Điều này cho thấy vốn xã hội chính thức của người lao động ngoài trời còn hạn chế và qua đó có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thông tin việc làm, cơ hội phát triển nghề nghiệp và sự hỗ trợ chuyên môn. Tuy nhiên, kết quả cũng phản ánh rằng người lao động có xu hướng tham gia vào các nhóm nhỏ (79% tham gia nhóm dưới 20 thành viên). Trong đó, đáng chú ý là 52,9% thuộc các nhóm có ít hơn 10 thành viên, trong khi 26,1% tham gia nhóm từ 10-20 thành viên. Điều này gợi ý rằng vốn xã hội của người lao động bấp bênh ngoài trời tại các đô thị ở Việt Nam chủ yếu được tích lũy thông qua mối quan hệ cá nhân, không chính thức và dựa trên sự tin tưởng. Ghi nhận từ các chuyến điền dã của chúng tôi cũng phản ánh xu hướng này:

"... cô và chồng cùng làm hồ trong công trình này nhờ các cô chủ thợ hồ làm chung giới thiệu. [...] Trò chuyện với cô một lúc, chúng tôi có thêm một phát hiện mới đó là những người thợ hồ trong công trình này đều có quan hệ bà con hoặc hàng xóm với nhau." – Nhật ký điền dã ngày 9/5/2024, TP.HCM.

Điều này phản ánh tính chất của "liên kết gắn bó" (bonding social capital) trong lý thuyết vốn xã hội của Putnam khi ông cho rằng liên kết gắn bó là "mối quan hệ giữa những người có sự tương đồng về một số khía cạnh quan trọng (như dân tộc, tuổi tác, giới tính, giai cấp xã hội, v.v.)" (Putnam, 2000, tr. 22). Các mối quan hệ chặt chẽ trong nhóm nhỏ có thể tạo ra sự hỗ trợ mạnh mẽ và chia sẻ thông tin hiệu quả trong phạm vi hẹp. Tuy nhiên, sự thiếu vắng của "liên kết kết nối" (bridging social capital) - thể hiện qua tỷ lệ thấp người lao động tham gia vào các mạng lưới lớn - có thể hạn chế khả năng tiếp cận nguồn lực và cơ hội mới từ bên ngoài mạng lưới quan hệ gần gũi của họ. Trong khi đó, khác với cách tiếp cận của Putnam, Coleman (1988) lại cho rằng "vốn xã hội được định nghĩa bởi chức năng của nó. Nó không phải là một thực thể đơn lẻ mà là một loạt thực thể khác nhau, có hai đặc điểm chung: tất cả đều bao gồm một số khía cạnh của cấu trúc xã hội, và chúng tạo điều kiện cho một số hành động nhất định của các tác nhân - cá nhân hoặc tập thể - trong cấu trúc đó." (Coleman, 1988, tr. 98).

Trong bối cảnh của người lao động ngoài trời ở Việt Nam, vốn xã hội dạng liên kết gắn bó có thể giúp họ tìm kiếm công việc ngắn hạn, chia sẻ thông tin về điều kiện làm việc, và hỗ trợ lẫn nhau trong thời điểm khó khăn. Tuy nhiên, sự hạn chế trong việc xây dựng vốn xã hội dạng liên kết kết nối có thể làm giảm khả năng tiếp cận cơ hội việc làm ổn định hơn hoặc nguồn lực hỗ trợ từ tổ chức chính thức. Dưới góc nhìn cá nhân, vốn xã hội có thể hiểu là tập hợp các nguồn lực thực tế hoặc tiềm năng mà một người có được thông qua việc duy trì một mạng lưới quan hệ bền vững - nơi các mối quan hệ dựa trên sự quen biết và công nhận lẫn nhau ở một mức độ nhất định (Bourdieu, 1986, tr. 248). Bourdieu (1986) cũng chỉ ra rằng vốn xã hội có thể chuyển đổi thành các dạng vốn khác như vốn kinh tế hoặc vốn

văn hóa. Trong trường hợp này, việc thiếu kết nối mạng lưới rộng lớn hơn có thể hạn chế khả năng của người lao động ngoài trời trong việc chuyển đổi vốn xã hội của họ thành cơ hội kinh tế hoặc phát triển kỹ năng mới.

Nhìn chung, mặc dù người lao động ngoài trời ở đô thị Việt Nam có vẻ đã phát triển được một mức độ vốn xã hội nhất định thông qua mạng lưới nhỏ, không chính thức, nhưng vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác trong việc mở rộng và đa dạng hóa vốn xã hội của họ. Các chính sách và can thiệp trong tương lai nên tập trung vào việc tăng cường cả liên kết gần bó và liên kết kết nối, đồng thời tạo điều kiện cho việc chuyển đổi vốn xã hội thành các hình thức vốn khác. Điều này có thể bao gồm việc hỗ trợ phát triển các nhóm cộng đồng hiện có, tạo ra nền tảng kết nối giữa các nhóm nhỏ, và xây dựng cơ chế để kết nối người lao động ngoài trời với mạng lưới chuyên môn và nguồn lực hỗ trợ rộng lớn hơn. Việc tăng cường vốn xã hội không chỉ giúp cải thiện khả năng tiếp cận thông tin và cơ hội việc làm cho người lao động ngoài trời, mà còn góp phần vào việc tăng cường khả năng phục hồi và thích ứng của họ trong môi trường lao động không chính thức và thường xuyên biến động.

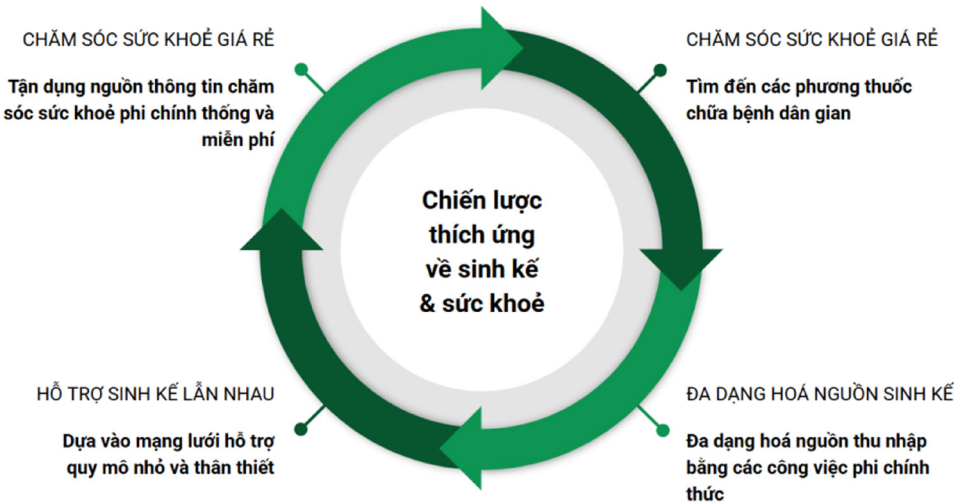
Đa dạng hóa sinh kế trong ngưỡng sinh tồn

Nhiều người lao động tự thân còn chủ động đa dạng hóa nguồn thu nhập thông qua việc kết hợp nhiều công việc khác nhau. Chúng tôi nhận ra đặc trưng này trong cuộc thảo luận nhóm ở với người lao động thuộc các nhóm nghề khác nhau ở TP.HCM, có người bán nước kết hợp trông hộ hàng hoá hoặc đưa đón học sinh đi học hộ cho những công nhân; có người bán vé số dành một vài tiếng trong giờ nghỉ trưa để đi rửa bát thuê; có người vừa chạy xe ôm, vừa mượn xe ô tô của người quen để chạy dịch vụ thêm kiếm sống; có người thợ xây vào những tháng không có công trình thì lên chợ tìm việc khuôn vác để kiếm thêm thu nhập... Điều này cho thấy họ không chỉ là những người thụ động chấp nhận sự bấp bênh của công việc, mà còn là chủ thể tích cực trong việc xây dựng chiến lược sinh kế. Tuy nhiên, dù có tính linh hoạt và tự chủ cao, thu nhập của nhóm lao động này vẫn ở mức thấp đến trung bình thấp, cho thấy cái giá phải trả cho "tự do" là không nhỏ. Nghịch lý này đặt ra thách thức cho chính sách an sinh xã hội trong việc bảo vệ nhóm lao động dễ bị tổn thương này, trong khi vẫn tôn trọng quyền tự chủ trong lựa chọn sinh kế của họ.

Nhiều người lao động cũng chú ý đến việc chuẩn bị tài chính và duy trì sinh kế trong điều kiện thời tiết bất thường. Cụ thể, 32,8% "Luôn tiết kiệm để phòng trường hợp sự cố ảnh hưởng đến sức khỏe và tài sản của bản thân/gia đình", và 24,8% "Kiểm tra/duy trì phương tiện sinh kế trước/trong/sau khi xảy ra các sự kiện thời tiết bất thường".

Nhìn chung, chiến lược thích ứng về sức khỏe và sinh kế của người lao động trong điều kiện làm việc ngoài trời bấp bênh dưới bối cảnh biến đổi khí hậu của người lao động có thể được tóm tắt qua bốn điểm theo Hình 4.5 bên dưới.

Hình 4.5. Chiến lược thích ứng về sức khỏe và sinh kế của người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu



Nguồn: Nhóm tác giả

Khả năng thích ứng và những thách thức cấu trúc

Kết quả nghiên cứu cho thấy một bức tranh đa chiều về khả năng thích ứng và chiến lược sinh tồn của người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Mặc dù đa số người lao động tự đánh giá có khả năng thích ứng từ trung bình đến cao, sự phân hóa rõ rệt theo nhóm tuổi, giới tính và loại hình công việc phản ánh tính không đồng nhất trong tình trạng dễ bị tổn thương của họ. Đặc biệt, phụ nữ lớn tuổi làm nghề bán hàng rong tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP.HCM là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất.

Chiến lược thích ứng: Sáng tạo nhưng thiếu bền vững

Các chiến lược thích ứng mà người lao động ngoài trời đang thực hành phản ánh sự sáng tạo và khả năng ứng phó đáng ghi nhận. Như câu chuyện của một nữ tài xế xe ôm 46 tuổi tại TP.HCM, khi mô tả cách chữa trị đau khớp: *“Cái này là rượu nhà chị ngâm với gừng gần 2-3 năm nay rồi, xúc vậy thôi [...] Nó hay hơn là em xúc dầu nóng. Dầu nóng (sẽ làm) em rất lắm, mà thuốc rượu nó mát, nó không có bị gãi ngứa, nó thấm thấm êm dịu lắm.”*

Tuy nhiên, phần lớn các giải pháp thích ứng đều mang tính tự thân, bấp bênh và thiếu sự hỗ trợ có hệ thống. Chiến lược thích ứng về sức khỏe thường mang tính tạm thời và đối phó, như việc tìm đến nguồn thông tin sức khỏe chưa qua kiểm chứng từ YouTube hay phương pháp chữa bệnh dân gian. Một người bán nước 49 tuổi chia sẻ: *“Ngồi bán nước rảnh cô hay mở trên Youtube coi người ta chỉ có phương thuốc này hay hay phương thuốc kia hay là cô sẽ lấy tờ giấy cô ghi lại, để về mình thử mình tìm uống.”*

Tính chủ động trong sinh kế và mạng lưới cộng đồng

Về mặt sinh kế, người lao động đã thể hiện sự chủ động và linh hoạt đáng ghi nhận thông qua việc xây dựng mạng lưới hỗ trợ cộng đồng và đa dạng hóa nguồn thu nhập. Các quan sát thực địa cho thấy nhiều người lao động đã tìm cách kết hợp công việc với các trách nhiệm gia đình, chẳng hạn như người phụ nữ bán nước vừa kinh doanh vừa chăm sóc con cái, biến không gian làm việc thành nơi trẻ có thể học bài và giúp đỡ người lớn. Điều này cho thấy khả năng sáng tạo trong việc tối ưu hóa thời gian và nguồn lực hạn chế.

Người lao động cao tuổi cũng thể hiện tinh thần tự lực mạnh mẽ trong duy trì độc lập kinh tế. Nhiều người trong số họ không muốn trở thành gánh nặng cho con cháu mà vẫn kiên trì tìm kiếm thu nhập, thậm chí hỗ trợ tài chính cho thế hệ trẻ khi có điều kiện. Tinh thần tự lập này phản ánh giá trị văn hóa về sự tự trọng và đóng góp cho gia đình, đồng thời cũng bộc lộ nhu cầu duy trì vai trò xã hội của người cao tuổi.

Những quan sát này cho thấy người lao động không phải là đối tượng thụ động chờ đợi hỗ trợ, mà là những chủ thể có năng lực và kinh nghiệm thực tiễn quý báu trong việc tổ chức sinh kế của bản thân.

Những thách thức trong thích ứng tự thân và nhu cầu hoàn thiện hệ thống hỗ trợ

Tuy nhiên, mặc dù những chiến lược tự thích ứng này thể hiện năng lực cá nhân đáng trân trọng, chúng cũng bộc lộ một thực tế cần lưu tâm: khả năng thích ứng của người lao động hiện chủ yếu dựa vào nỗ lực cá nhân và mạng lưới phi chính thức, trong khi hệ thống chính sách hỗ trợ dành cho nhóm đối tượng này còn cần được tiếp tục hoàn thiện. Các phát hiện từ Chương II và III cho thấy chiến lược thích ứng của người lao động—bao gồm việc điều chỉnh giờ làm, giảm cường độ lao động, và áp dụng các phương pháp chăm sóc sức khỏe truyền thống—chủ yếu mang tính ngắn hạn và chưa được đồng hành bởi sự tư vấn y tế chuyên môn. Những biện pháp này tuy có thể mang lại hiệu quả trước mắt với chi phí thấp, nhưng tiềm ẩn rủi ro tích lũy về lâu dài đối với sức khỏe và khả năng duy trì sinh kế bền vững.

Vấn đề cốt lõi do đó không phải là cần thay đổi hoàn toàn cách làm hiện tại hay thay thế năng lực tự chủ vốn có của người lao động, mà là cần bổ sung và hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ thể chế. Điều này bao gồm việc phát triển không gian công cộng phục vụ nghỉ ngơi, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, nghiên cứu các hình thức bảo hiểm phù hợp, và xây dựng cơ chế hỗ trợ trong những thời điểm điều kiện thời tiết bất lợi. Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy nhiều người lao động bày tỏ mong muốn được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ nhằm giảm bớt gánh nặng hiện tại, đồng thời vẫn giữ được tính chủ động trong công việc.

Điều này cho thấy nhu cầu thiết thực trong việc xây dựng các chính sách và chương trình lấy người lao động làm trung tâm—không phải để thay thế vai trò chủ động của họ, mà để đồng hành và tạo điều kiện thuận lợi cho nỗ lực đó thông qua việc cung cấp các điều kiện hỗ trợ cần thiết. Đồng thời, cần phát huy vai trò của cộng đồng trong việc xây dựng năng lực thích ứng tập thể, nơi kinh nghiệm thực tiễn của người lao động được ghi nhận như một nguồn lực quý giá trong quá trình hoàn thiện chính sách.

Định hướng hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ thích ứng

Từ những phân tích trên, rõ ràng rằng công tác hỗ trợ thích ứng khí hậu cần được thực hiện một cách toàn diện hơn—không chỉ dựa vào nỗ lực cá nhân mà cần có sự đồng hành của hệ thống chính sách đô thị. Cụ thể, cần tập trung vào các định hướng sau:

Thứ nhất, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ thích ứng khí hậu cho người lao động ngoài trời, bao gồm không gian nghỉ ngơi công cộng có mái che, điểm cung cấp nước uống sạch, và các trạm y tế lưu động. Những tiện ích này không chỉ giúp người lao động có điều kiện phục hồi sức khỏe trong ca làm việc mà còn thể hiện sự quan tâm của xã hội đối với nhóm đối tượng đóng góp quan trọng cho hoạt động đô thị.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống thông tin và cảnh báo sớm về điều kiện thời tiết cực đoan, kết hợp với việc nghiên cứu các hình thức hỗ trợ thu nhập phù hợp cho những ngày người lao động không thể làm việc do thời tiết bất lợi. Cơ chế này cần được thiết kế linh hoạt để phù hợp với đặc thù công việc không chính thức.

Thứ ba, mở rộng phạm vi bảo hiểm xã hội và y tế thông qua việc nghiên cứu thiết kế các gói bảo hiểm vi mô phù hợp với đặc thù công việc bấp bênh. Điều này đòi hỏi sự đổi mới trong cách tiếp cận chính sách an sinh xã hội, hướng tới việc nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe cho nhóm đối tượng này.

Thứ tư, triển khai các chương trình đào tạo nghề và hỗ trợ phát triển sinh kế đa dạng, giúp người lao động có thêm lựa chọn nghề nghiệp ít phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. Chương trình này cần được thiết kế linh hoạt về thời gian và địa điểm để phù hợp với đặc điểm công việc của nhóm đối tượng.

Thứ năm, tăng cường cơ chế tham vấn cộng đồng và xây dựng kênh đối thoại chính sách, nơi kinh nghiệm thực tiễn của người lao động được lắng nghe và tham khảo trong quá trình hoàn thiện các chương trình hỗ trợ. Việc này giúp đảm bảo các giải pháp chính sách sát thực tế và có tính khả thi cao.

CHƯƠNG

V

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH: SÁU GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC THÚC ĐẨY THÍCH ỨNG KHÍ HẬU

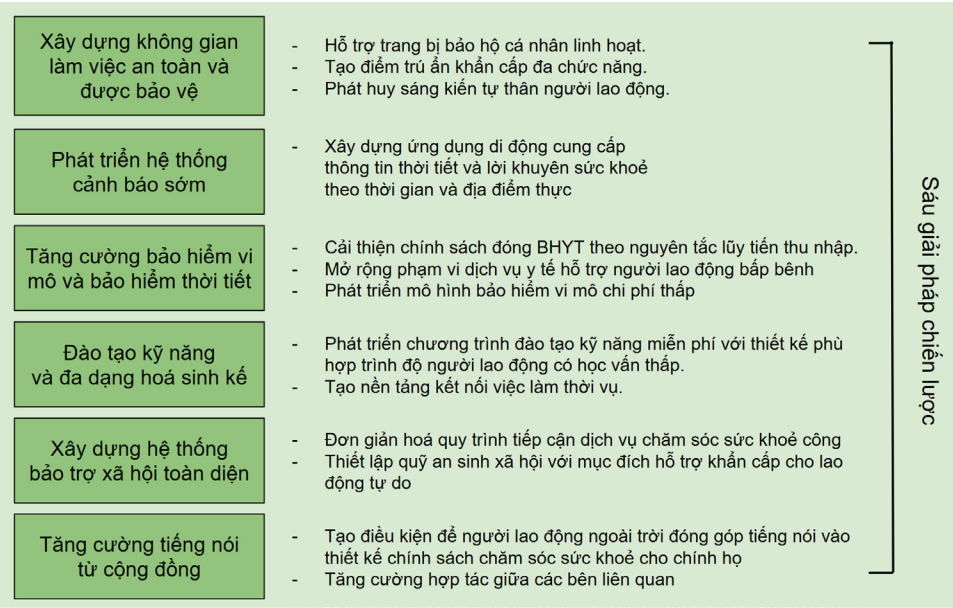
Biến đổi khí hậu không chỉ là vấn đề môi trường mà còn là thách thức lớn về chính sách và công bằng xã hội, đặc biệt đối với nhóm lao động bấp bênh ngoài trời. Những phân tích trong các chương trước đã chỉ ra rằng chiến lược thích ứng của người lao động thường mang tính đối phó tạm thời, không chỉ do giới hạn về điều kiện tài chính, trình độ học vấn hay sức khỏe, mà còn bởi khoảng trống trong hệ thống chính sách an sinh xã hội.

Các kết quả phân tích ở Chương II, III và IV đã cho thấy rằng tổn thương khí hậu của người lao động ngoài trời bắt nguồn từ sự tương tác giữa mức độ phơi nhiễm môi trường cao và sự thiếu vắng hệ thống bảo trợ xã hội. Cụ thể, Chương III đã chỉ ra rằng người lao động phải đối mặt với sụt giảm thu nhập đáng kể và các rủi ro sức khỏe tích lũy trong bối cảnh nắng nóng kéo dài, trong khi Chương IV cho thấy các chiến lược tự thích ứng của họ—từ thay đổi giờ làm việc đến giảm cường độ lao động—chủ yếu mang tính đối phó cá nhân, thiếu tính bền vững và thường đi kèm với những đánh đổi về thu nhập và sức khỏe lâu dài. Những giới hạn này cho thấy thích ứng không thể chỉ đặt vào nỗ lực cá nhân, mà cần được nâng đỡ bởi các cơ chế chính sách ở cấp đô thị và quốc gia—từ cơ sở hạ tầng bảo vệ đến hệ thống an sinh tài chính. Sáu nhóm giải pháp được đề xuất dưới đây do đó hướng tới việc thay đổi chính những điều kiện cấu trúc đó, nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng thích ứng bền vững cho nhóm đối tượng này.

Trước thực trạng đó, chương này đề xuất sáu giải pháp chiến lược nhằm thúc đẩy chính sách của Việt Nam trong việc đảm bảo quyền tiếp cận chăm sóc y tế và hỗ trợ sinh kế cho người lao động bấp bênh ngoài trời (xem Hình 5.1). Những khuyến nghị trong chương này được xây dựng dựa trên nền tảng pháp lý hiện hành của Việt Nam, bao gồm Bộ luật Lao động 2019 (đặc biệt Điều 138 về an toàn, vệ sinh lao động), Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Đồng thời, các đề xuất cũng hướng tới việc thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn. *Thứ nhất* là Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), đặc biệt SDG 1 về xóa đói giảm nghèo, SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi, SDG 8 về việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế, SDG 10 về giảm bất bình đẳng, và SDG 13 về hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. *Thứ hai* là Khung Sendai về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai 2015-2030, trong đó Việt Nam cam kết tăng cường năng lực chống chịu của các nhóm dễ bị tổn thương trước các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. *Thứ ba* là các công ước và khuyến nghị của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), đặc biệt Khuyến nghị số 205 về việc làm và công việc bền vững vì hòa bình và khả năng chống chịu, cùng với Công ước số 102 về an sinh xã hội (tiêu chuẩn tối thiểu). *Thứ tư* là Kế hoạch Hành động Quốc gia về Thích ứng Biến đổi Khí hậu giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ Việt Nam, trong đó nhấn mạnh vai trò của bảo vệ sinh kế và sức khỏe cộng đồng, đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương trong bối cảnh khí hậu thay đổi.

Các giải pháp được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu thực tiễn, tập trung vào việc giảm thiểu tính dễ bị tổn thương, tăng cường khả năng thích ứng và phát triển hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện cho nhóm đối tượng này. Từ việc xây dựng không gian làm việc an toàn, phát triển hệ thống cảnh báo sớm đến tăng cường bảo hiểm vi mô, hỗ trợ đào tạo kỹ năng và đa dạng hóa sinh kế, những đề xuất trong chương này hướng đến mục tiêu đưa chân dung người lao động ngoài trời xuất hiện trong các cân nhắc chính sách, góp phần thúc đẩy sự phát triển đô thị bền vững và công bằng hơn tại Việt Nam.

Hình 5.1. Sáu giải pháp chiến lược nhằm hỗ trợ bảo vệ sức khỏe và sinh kế cho người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu



Nguồn: Nhóm tác giả

XÂY DỰNG KHÔNG GIAN LÀM VIỆC AN TOÀN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và phơi nhiễm cho người lao động ngoài trời cần tập trung vào ba hướng chính: hỗ trợ trang bị bảo hộ cá nhân, tạo ra điểm trú ẩn khẩn cấp, và tìm kiếm, phát huy sáng kiến tự thân của người lao động.

Về chương trình hỗ trợ trang bị bảo hộ cá nhân, cần xây dựng một hệ thống hỗ trợ linh hoạt và dễ tiếp cận. Chương trình này nên được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhóm lao động khác nhau, từ người bán hàng rong đến thợ xây dựng và tài xế xe ôm. Mục tiêu là đảm bảo người lao động có thể tiếp cận trang thiết bị bảo hộ cơ bản như mũ bảo hiểm, áo chống nắng và kem chống nắng. Song song với đó, việc tạo ra “điểm trú ẩn khẩn cấp” trong thành phố là một giải pháp quan trọng. Các điểm này cần được bố trí hợp lý trên toàn thành phố, đặc biệt tại khu vực có mật độ lao động ngoài trời cao. Chúng nên được thiết kế đa chức năng, vừa đáp ứng nhu cầu trú ẩn khẩn cấp, vừa có thể phục vụ mục đích cộng đồng khác trong thời gian bình thường. Đặc biệt, chính sách cần chú trọng việc tìm kiếm, ghi nhận và phát huy sáng kiến tự thân của người lao động. Nhiều người lao động đã phát triển các phương pháp sáng tạo để bảo vệ sức khỏe và thích ứng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Việc thu thập, đánh giá và nhân rộng những sáng kiến hiệu quả này có thể mang lại lợi ích lớn cho cộng đồng người lao động ngoài trời. Điều này không chỉ giúp thúc đẩy tính thực tiễn của giải pháp, mà còn tạo cơ hội cho người lao động tham gia tích cực vào quá trình hoạch định chính sách. Việc triển khai đồng bộ ba hướng giải pháp này

sẽ giúp giảm đáng kể tình trạng dễ bị tổn thương và mức độ phơi nhiễm của người lao động ngoài trời, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng của họ trước tác động của biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan.

Giải pháp này đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện và nhạy cảm với đặc thù của nhóm đối tượng này. Trọng tâm của chính sách là xây dựng khu vực làm việc an toàn và được bảo vệ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người lao động trong bối cảnh đô thị. Điều này bao gồm việc cải tạo và nâng cấp khu vực công cộng với mái che rộng rãi, hệ thống thông gió tốt, và tiện ích cơ bản như nước sạch và nhà vệ sinh. Đối với người làm nghề xe ôm công nghệ, cần khuyến khích các công ty sở hữu nền tảng xây dựng điểm đón khách có bóng râm, trang bị ghế ngồi và bản thông tin thời tiết.

Bên cạnh đó, việc thiết lập trạm nghỉ di động tại khu vực tập trung lao động ngoài trời là một giải pháp linh hoạt và hiệu quả. Các trạm này có thể được trang bị thiết bị làm mát như quạt phun sương, nước uống miễn phí, và màn hình hiển thị thông tin thời tiết và cảnh báo sớm. Chúng có thể được di chuyển dễ dàng đến các địa điểm khác nhau trong thành phố tùy theo nhu cầu và điều kiện thời tiết.

Việc triển khai giải pháp này cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan với phân công trách nhiệm rõ ràng theo cơ cấu tổ chức nhà nước hiện hành. Ở cấp quốc gia, Bộ Nội vụ - cơ quan kế thừa chức năng quản lý nhà nước về lao động, việc làm và an toàn lao động từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đã kết thúc hoạt động theo Nghị quyết của Quốc hội ngày 18/2/2025) - có trách nhiệm chủ trì xây dựng Thông tư hướng dẫn tiêu chuẩn tối thiểu về điều kiện làm việc an toàn cho lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Thông tư này cần quy định cụ thể về nhiệt độ tối đa cho phép làm việc ngoài trời, thời gian nghỉ bắt buộc khi nhiệt độ vượt ngưỡng, và các biện pháp bảo vệ cần thiết khác. Đồng thời, Bộ Nội vụ cần phối hợp với Bộ Y tế để ban hành chương trình hỗ trợ trang bị bảo hộ cá nhân có tính khác biệt theo giới và độ tuổi, trong đó Bộ Y tế cung cấp hướng dẫn y tế về tiêu chuẩn trang bị phù hợp với từng nhóm đối tượng. Cụ thể, trang bị cho phụ nữ mang thai cần có điều chỉnh về kích thước, chất liệu thoáng mát và thiết kế phù hợp với thay đổi cơ thể, trong khi trang bị dành cho người cao tuổi cần có trọng lượng nhẹ hơn, dễ mặc và tháo, cùng với màu sắc phản quang để đảm bảo an toàn giao thông.

Bộ Xây dựng đóng vai trò then chốt trong việc tích hợp quy chuẩn về không gian công cộng phục vụ người lao động ngoài trời vào Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng đô thị hiện hành, đảm bảo các dự án phát triển đô thị mới đều phải dành không gian cho nhóm đối tượng này. Bộ Tài nguyên và Môi trường cần phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn trong việc xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo nhiệt độ môi trường làm việc ngoài trời, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan chức năng và người lao động.

Ở cấp địa phương, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh/thành phố cần lồng ghép việc xây dựng điểm trú ẩn và trạm nghỉ di động vào quy hoạch đô thị tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Việc bố trí các điểm này cần ưu tiên khu vực có mật độ lao động ngoài trời cao như khu vực chợ, công trường xây dựng, bến xe, và các tuyến phố thương mại. Đặc biệt cần chú ý đến khu vực tập trung lao động nữ như chợ truyền thống, khu công

nghiệp may mặc, và các điểm tập kết dịch vụ. Sở Nội vụ các tỉnh/thành (cơ quan kế thừa chức năng từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã giải thể) phối hợp với Liên đoàn Lao động địa phương và các hiệp hội nghề nghiệp triển khai chương trình "Sáng kiến từ người lao động". Chương trình này nhằm ghi nhận, đánh giá và nhân rộng các giải pháp tự thân hiệu quả mà người lao động đã tự phát triển trong quá trình làm việc, chẳng hạn như cách bố trí không gian làm việc có bóng râm, phương pháp làm mát đơn giản nhưng hiệu quả, hoặc cách tổ chức thời gian làm việc linh hoạt để tránh thời điểm nắng nóng đỉnh điểm.

Về nội dung chú trọng đến nhóm đặc thù theo giới và độ tuổi, chính sách cần có những điều chỉnh phù hợp dựa trên hướng dẫn của Bộ Y tế về sức khỏe các nhóm dễ bị tổn thương. Đối với lao động nữ - nhóm chiếm tỷ lệ cao trong nghề bán hàng rong, dịch vụ ăn uống, và công nhân vệ sinh - việc thiết kế điểm trú ẩn và trạm nghỉ cần đáp ứng nhu cầu đặc thù của họ. Các điểm này cần có khu vực riêng tư để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân như thay quần áo, vệ sinh cá nhân trong thời kỳ kinh nguyệt. Đặc biệt quan trọng là cần có góc chăm sóc trẻ em đơn giản với thảm lót, đồ chơi an toàn và không gian thoáng mát cho những người phải đưa con đi làm cùng vì không có người trông giữ ở nhà. Điều này đặc biệt thiết yếu vì nhiều lao động nữ là người chăm sóc chính trong gia đình và việc phải lựa chọn giữa công việc kiếm sống và chăm sóc con cái là một gánh nặng lớn đối với họ. Ngoài ra, cần có hệ thống chiếu sáng đầy đủ và camera an ninh để đảm bảo an toàn cho lao động nữ làm việc ca đêm hoặc về muộn.

Đối với lao động cao tuổi (từ 50 tuổi trở lên) - nhóm có khả năng điều hòa thân nhiệt kém hơn và dễ bị sốc nhiệt theo hướng dẫn y khoa của Bộ Y tế - các điểm trú ẩn và trạm nghỉ cần được trang bị ghế ngồi có tựa lưng và độ cao phù hợp, giúp họ có thể nghỉ ngơi thoải mái mà không gây đau nhức cơ xương khớp. Cần cung cấp nước uống điện giải miễn phí để bù đắp lượng muối khoáng mất đi qua mồ hôi, góp phần phòng ngừa tình trạng sốc nhiệt và kiệt sức. Đặc biệt, thông tin về sức khỏe và cảnh báo thời tiết cần được trình bày bằng hình ảnh trực quan, biểu tượng dễ hiểu và chữ cỡ lớn cho những người có khó khăn trong đọc chữ hoặc có thị lực kém. Có thể bổ sung thêm hệ thống phát thanh tự động để đọc các thông tin quan trọng.

Cuối cùng, để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của giải pháp, cần thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá định kỳ ba tháng một lần do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và có sự tham gia trực tiếp của người lao động. Đoàn giám sát cần bao gồm đại diện của các nhóm lao động khác nhau, trong đó có ít nhất 40% là lao động nữ và có đại diện của người cao tuổi. Việc lắng nghe trực tiếp ý kiến từ người sử dụng sẽ giúp điều chỉnh và cải tiến các giải pháp sao cho thực sự đáp ứng được nhu cầu thực tế và không bỏ sót nhóm nào. Kết quả đánh giá cần được công bố công khai và làm cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách và phân bổ nguồn lực trong các năm tiếp theo.

PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNH BÁO SỚM

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy người lao động thường có xu hướng tìm kiếm thông tin y tế từ các nguồn không chính thống do chi phí thấp hơn so với việc thăm khám tại cơ sở y tế. Họ cũng có xu hướng tự khám bệnh cho mình bằng việc nghe, xem nội dung về sức khỏe từ các nguồn không có kiểm chứng trên mạng xã hội như YouTube, TikTok, v.v... Để đáp ứng nhu cầu của người lao động một cách an toàn và hiệu quả, chúng tôi đề xuất phát triển một nền tảng thông tin y tế toàn diện được tích hợp vào ứng dụng di động, nơi mà người lao động có thể nắm bắt được cảnh báo rủi ro và lời khuyên bảo vệ sức khỏe phù hợp. Ứng dụng “Intelligent Climate Alert Network for Outdoor Workers” (ICAN) – một đầu ra quan trọng trong chương trình nghiên cứu này, được xây dựng dựa trên hệ thống thông tin địa lý (GIS) nhằm mục đích đó. Nhờ tích hợp công nghệ GIS, ứng dụng ICAN cung cấp cảnh báo rủi ro sức khỏe do thời tiết gây ra theo thời gian và vị trí thực, đồng thời đưa ra lời khuyên bảo vệ sức khỏe phù hợp cho người lao động ngoài trời. Ngân sách phát triển ứng dụng được vận động từ các bên liên quan trong chương trình nghiên cứu, nhằm giúp đối tượng thụ hưởng, là người lao động ngoài trời, có thể sử dụng hoàn toàn miễn phí ứng dụng này.

Ngoài ra, thông qua tính năng bản đồ tiện ích trên ứng dụng ICAN, người lao động có thể truy cập tính năng cung cấp dịch vụ tìm kiếm phòng khám, tư vấn sức khỏe và đặt mua thuốc từ các cơ sở y tế uy tín với chi phí hợp lý. Nắm bắt đặc trưng thói quen khám chữa bệnh của người lao động ngoài trời ở Việt Nam là tìm đến biện pháp giá rẻ, “dân gian”, bản đồ tiện ích sẽ cung cấp cả thông tin về cơ sở khám chữa bệnh, cấp phát thuốc Tây Y lẫn Đông Y, phù hợp với văn hóa khám chữa bệnh truyền thống của người Việt Nam mà vẫn đảm bảo mức độ tin cậy của các cơ sở thăm khám này.

TĂNG CƯỜNG BẢO HIỂM VI MÔ

Để góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa người lao động bấp bênh ngoài trời với các nhóm lao động khác, cần thiết phải xây dựng một đề án bảo hiểm y tế chuyên biệt cho người lao động ngoài trời. Trước tiên, cần cần nhắc điều chỉnh chính sách đóng bảo hiểm y tế dựa trên thu nhập (logic tương tự với định mức đóng thuế thu nhập cá nhân) để góp phần làm giảm tình bất bình đẳng trong tiếp cận y tế giữa người thu nhập thấp như người lao động ngoài trời phi chính thức với những người có mức thu nhập cao hơn. Kế đến, cần hướng đến mở rộng phạm vi dịch vụ được cung cấp trong bảo hiểm y tế cho đối tượng lao động phi chính thức cũng như lao động bấp bênh ngoài trời, trong đó bao gồm (nhưng không giới hạn) việc cung cấp dịch vụ khám sức khỏe tổng quát miễn phí ít nhất một lần mỗi năm để tạo điều kiện cho người lao động nắm bắt được tình trạng sức khỏe của họ, sớm phát hiện và điều trị kịp thời các vấn đề sức khỏe do thời tiết và môi trường làm việc gây ra. Cơ hội khám sức khỏe tổng quát miễn phí một lần/năm là quyền lợi mà người lao động chính thức thường được hưởng, trong khi người lao động phi chính thức nói chung vào người lao động ngoài trời có thu nhập bấp bênh nói riêng đang bị thiệt thòi.

Việc triển khai đề án trên có thể được lồng ghép với các quỹ an sinh xã hội hiện có của các thành phố, điển hình như mô hình Trung tâm An sinh của TP. HCM. Ngoài ra, đề án có thể được thực hiện thông qua mô hình “xã hội hoá”, huy động sự chung tay của khu vực tư nhân, tổ chức doanh nghiệp, cộng đồng cùng với chính phủ trong việc cung cấp và tài

trợ các dịch vụ y tế cho người lao động ngoài trời. Ví dụ, công ty bảo hiểm tư nhân có thể phát triển các gói bảo hiểm với mức phí thấp, được nhà nước hỗ trợ một phần phí bảo hiểm thông qua chính sách ưu đãi thuế hoặc trợ cấp trực tiếp. Bên cạnh đó, có thể kêu gọi các doanh nghiệp lớn đóng góp vào quỹ bảo hiểm y tế cho người lao động ngoài trời, đặc biệt là những người làm việc trong chuỗi cung ứng của họ, như một phần trong chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR). Ngoài ra, có thể phát triển mô hình bảo hiểm vi mô (microinsurance) với sự tham gia của tổ chức tài chính vi mô. Mô hình này cho phép người lao động đóng phí bảo hiểm với số tiền nhỏ, linh hoạt theo thu nhập, trong khi vẫn được đảm bảo quyền lợi y tế cơ bản.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, song song với việc thực hiện những giải pháp này, cần thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá minh bạch với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm đại diện người lao động, cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị cung cấp dịch vụ, nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của đề án, đồng thời tạo niềm tin cho các bên tham gia.

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG VÀ ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ

Để hỗ trợ đa dạng hoá sinh kế cho người lao động, các cơ quan chức năng và tổ chức xã hội cần phát triển chương trình đào tạo kỹ năng trực tiếp/trực tuyến miễn phí là một giải pháp quan trọng để giúp người lao động ngoài trời nâng cao khả năng thích ứng với thị trường lao động đang thay đổi. Các khóa học này nên tập trung vào các kỹ năng có tính ứng dụng cao và linh hoạt, như kỹ năng số cơ bản, kỹ năng giao tiếp, và kỹ năng nghề nghiệp có thể chuyển đổi. Nội dung đào tạo cần được thiết kế phù hợp với trình độ và nhu cầu của người lao động, sử dụng phương pháp giảng dạy tương tác và thực hành. Bên cạnh đó, việc tạo cơ chế kết nối giữa lao động tự do với cơ hội việc làm thời vụ hoặc bán thời gian trong những ngày có thời tiết khắc nghiệt là rất cần thiết. Có thể phát triển nền tảng trực tuyến hoặc ứng dụng di động để kết nối người lao động với cơ hội việc làm ngắn hạn, đặc biệt là trong những ngày có thời tiết không thuận lợi để làm việc ngoài trời. Nền tảng này cần có cơ chế xác thực và đánh giá để đảm bảo tính minh bạch và an toàn cho cả người lao động và người sử dụng lao động.

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Để xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện, đảm bảo nhóm người lao động bấp bênh ngoài trời, với mức độ tiếp cận thông tin hạn chế, không bị bỏ lại phía sau, cần đơn giản hoá quy trình tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe công. Trong đó, đề xuất cơ quan Bảo hiểm xã hội phát triển gói bảo hiểm y tế và xã hội đặc thù cho lao động tự do là một giải pháp quan trọng để tăng cường an sinh xã hội cho nhóm đối tượng này. Gói bảo hiểm cần có mức đóng góp linh hoạt, phù hợp với thu nhập không ổn định của người lao động tự do. Quy trình đăng ký cần được đơn giản hóa, có thể thực hiện trực tuyến hoặc thông qua điểm đăng ký di động tại các khu vực tập trung lao động. Nội dung bảo hiểm nên bao gồm cả những rủi ro đặc thù liên quan đến công việc ngoài trời và tác động của biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, đề xuất cơ quan chức năng như Quỹ An sinh Xã hội của tỉnh thành thiết lập quỹ hỗ trợ khẩn cấp cho lao động tự do là một biện pháp cần thiết để giúp họ ứng phó với các tình huống bất ngờ do thời tiết cực đoan. Quỹ này cần có cơ chế tiếp cận nhanh chóng

và đơn giản, đảm bảo người lao động có thể nhận được hỗ trợ kịp thời trong trường hợp khẩn cấp. Nguồn vốn cho quỹ có thể được huy động từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và cộng đồng.

TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA VÀ HỢP TÁC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hỗ trợ các nhóm, mạng lưới không chính thức của lao động ngoài trời nâng cao năng lực nghề nghiệp, khả năng ứng phó. Tổ chức Công đoàn, tổ chức xã hội khác có thể đóng vai trò là cầu nối giữa người lao động và cơ quan chức năng, tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin và đối thoại mang tính xây dựng giữa các bên liên quan gồm chính quyền, cơ quan y tế, công đoàn, người lao động và tổ chức xã hội liên quan về chăm sóc sức khỏe cho người lao động ngoài trời. Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý và hỗ trợ kỹ thuật cho việc thành lập và hoạt động của các hiệp hội này.

Việc triển khai đồng bộ giải pháp đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan nhà nước, công đoàn, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng người lao động, trong đó việc lắng nghe tiếng nói từ cộng đồng là yếu tố then chốt. Ngoài ra, cần có cơ chế giám sát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tính hiệu quả và kịp thời điều chỉnh các biện pháp can thiệp. Thông qua việc tăng cường khả năng thích ứng, đa dạng hóa sinh kế và tăng cường bảo trợ xã hội, người lao động ngoài trời sẽ có thể ứng phó tốt hơn với các thách thức từ biến đổi khí hậu, đồng thời cải thiện được điều kiện sống và làm việc của mình. Các giải pháp này nhằm mục đích đưa lao động bấp bênh ngoài trời trở thành đối tượng được cân nhắc nhiều hơn trong chính sách, tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng của họ trước tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời thúc đẩy sự phát triển đô thị bền vững và công bằng hơn tại Việt Nam.

Tóm lại, sáu giải pháp chiến lược được đề xuất trong chương này tạo thành một khuôn khổ toàn diện nhằm nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng của người lao động ngoài trời trước tác động của biến đổi khí hậu. Từ việc xây dựng không gian làm việc an toàn, phát triển hệ thống cảnh báo sớm, tăng cường bảo hiểm vi mô, đến hỗ trợ đào tạo kỹ năng, xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện và tăng cường tiếng nói cộng đồng, các giải pháp này phản ánh một cách tiếp cận đa chiều, tích hợp cả yếu tố cơ sở hạ tầng, công nghệ, tài chính, phát triển nguồn nhân lực và trao quyền cộng đồng.

Việc triển khai thành công giải pháp đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, từ cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp đến chính người lao động. Đặc biệt, việc lấy người lao động làm trung tâm của quá trình xây dựng và thực hiện chính sách là yếu tố then chốt để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của biện pháp can thiệp.

Thông qua những giải pháp được đề xuất, chúng tôi kỳ vọng có thể góp phần tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của người lao động ngoài trời, đồng thời thúc đẩy xã hội công bằng và bền vững hơn, nơi người lao động, bất kể tính chất công việc, đều được bảo vệ trước những thách thức ngày càng gia tăng từ biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan.

CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC VÀ LỜI MỜI GỌI CHO MỘT TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP HƠN

Qua hành trình nghiên cứu này, chúng ta đã lắng nghe câu chuyện từ người lao động ngoài trời – những người hàng ngày vẫn miệt mài mưu sinh dưới cái nắng gay gắt hay trong những cơn mưa tầm tã. Không chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng, Sách Xanh còn phân tích sâu sắc mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và tính dễ bị tổn thương của nhóm lao động này, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực hướng tới một xã hội công bằng, không bỏ người lao động bấp bênh lại phía sau trong chính sách và hành động khí hậu.

CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC: TỪ NGHIÊN CỨU ĐẾN HÀNH ĐỘNG

Qua hành trình nghiên cứu và đồng tạo lập tri thức với người lao động ngoài trời tại bốn thành phố lớn của Việt Nam, Sách Xanh đã mang đến một bức tranh toàn cảnh về thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến nhóm dân số dễ bị tổn thương nhất trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng. Từ vỉa hè Hà Nội đến chợ đầu mối Cần Thơ, từ công trường xây dựng Đà Nẵng đến các tuyến phố nhộn nhịp TP.HCM, những câu chuyện được kể lại không chỉ là những mảnh đời riêng lẻ mà còn phản ánh một thách thức chính sách lớn hơn: Làm thế nào để đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong hành trình thích ứng với biến đổi khí hậu?

Nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng người lao động ngoài trời không hề bị động. Họ đã chủ động phát triển nhiều chiến lược thích ứng sáng tạo về cả sức khỏe và sinh kế: từ việc tận dụng nguồn thông tin y tế qua mạng xã hội, tìm đến liệu pháp dân gian, hỗ trợ lẫn nhau trong mạng lưới nhỏ, đến đa dạng hóa nguồn thu nhập. Tuy nhiên, các chiến lược này phần lớn mang tính cá nhân, tạm thời, manh mún và thiếu sự hỗ trợ có hệ thống từ nhà nước và xã hội. Điều này dẫn đến một thực tế đáng lo ngại: trong khi biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng với tần suất và cường độ thời tiết cực đoan gia tăng, khả năng đối phó của người lao động vẫn còn hạn chế và dễ bị tổn thương.

Đặc biệt, nghiên cứu đã làm nổi bật những bất bình đẳng sâu sắc theo giới tính và độ tuổi trong nhóm lao động ngoài trời. Phụ nữ - chiếm phần lớn trong nghề bán hàng rong, dịch vụ ăn uống - phải đối mặt với gánh nặng kép vừa làm việc vừa chăm sóc gia đình, đồng thời gặp nhiều rủi ro sức khỏe đặc thù liên quan đến sinh sản mà chính sách hiện hành chưa quan tâm đúng mức. Người cao tuổi trên 50 tuổi - nhóm có khả năng chống chịu nhiệt kém hơn - thường phải làm việc nhiều giờ hơn để bù đắp thu nhập thấp nhưng lại ít được tiếp cận các dịch vụ y tế dự phòng. Những phát hiện này đòi hỏi các giải pháp chính sách không chỉ cần toàn diện mà còn phải nhạy cảm với nhu cầu đặc thù của từng nhóm.

Từ những phân tích và phát hiện trong các chương trước, Sách Xanh đã đề xuất sáu giải pháp chiến lược: xây dựng không gian làm việc an toàn, phát triển hệ thống cảnh báo sớm, tăng cường bảo hiểm vi mô, hỗ trợ đào tạo kỹ năng và đa dạng hóa sinh kế, xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện, và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan. Những đề xuất này không chỉ phản ánh nhu cầu thực tế từ người lao động mà còn được xây dựng trên nền tảng pháp lý hiện hành của Việt Nam và phù hợp với các cam kết quốc tế về phát triển bền vững, đặc biệt các Mục tiêu Phát triển Bền vững số 1, 3, 8, 10 và 13.

Tuy nhiên, để những khuyến nghị này không chỉ là những dòng chữ trên giấy mà thực sự tạo ra thay đổi trong đời sống của hàng triệu người lao động ngoài trời, cần có một lộ trình hành động cụ thể và cam kết chính trị mạnh mẽ từ tất cả các bên liên quan. Phần tiếp theo sẽ nêu rõ con đường phía trước với ba trụ cột chính: chiến lược đưa khuyến nghị vào chính sách, kế hoạch mở rộng quy mô các giải pháp, và cơ chế lồng ghép thể chế để đảm bảo tính bền vững.

Chiến lược đưa khuyến nghị vào chính sách: Xây dựng liên minh và tạo động lực chính trị

Kinh nghiệm từ các quốc gia cho thấy nghiên cứu học thuật, dù chất lượng cao đến đâu, cũng khó tạo ra thay đổi chính sách nếu không có chiến lược vận động và tạo động lực chính trị phù hợp. Do đó, bước đầu tiên trong lộ trình hành động là xây dựng một liên minh rộng rãi của các bên có lợi ích trong việc bảo vệ người lao động ngoài trời.

Trong ngắn hạn (6-12 tháng đầu), cần tập trung vào việc phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà hoạch định chính sách cấp cao. Bộ Nội vụ - cơ quan kế thừa chức năng quản lý nhà nước về lao động và việc làm (trước đây thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã kết thúc hoạt động theo Nghị quyết của Quốc hội ngày 18/2/2025) - là đối tác then chốt cần được tiếp cận đầu tiên. Cần tổ chức các buổi tọa đàm chính sách với sự tham dự của lãnh đạo Bộ, các vụ chuyên môn liên quan, kết hợp với đại diện Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Tại các buổi tọa đàm này, không chỉ trình bày kết quả nghiên cứu mà còn cần mời người lao động tham gia kể chuyện trực tiếp, giúp các nhà hoạch định chính sách cảm nhận được thực tế một cách sinh động nhất.

Song song đó, cần xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam - tổ chức có vai trò quan trọng trong việc đại diện và bảo vệ quyền lợi người lao động. Công đoàn có thể trở thành người vận động chính sách mạnh mẽ nếu họ nhận thấy lợi ích trong việc mở rộng thành viên sang nhóm lao động phi chính thức. Cần hỗ trợ công đoàn tổ chức các hoạt động tiếp cận người lao động ngoài trời, đồng thời cung cấp cho họ các tài liệu tóm tắt chính sách dựa trên bằng chứng từ nghiên cứu này để họ có công cụ vận động hiệu quả hơn.

Ở cấp địa phương, ưu tiên làm việc với TP.HCM và Hà Nội - hai thành phố có quy mô lao động ngoài trời lớn nhất và có nguồn ngân sách mạnh để thí điểm các giải pháp. Cần tiếp cận Ủy ban Nhân dân thành phố, Sở Nội vụ, Sở Y tế, và Quỹ An sinh Xã hội để đề xuất thí điểm một hoặc hai giải pháp ưu tiên như xây dựng điểm trú ẩn khẩn cấp và triển khai ứng dụng ICAN. Thành công tại hai thành phố này sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa và bài học kinh nghiệm để nhân rộng ra các địa phương khác.

Để tạo động lực chính trị mạnh mẽ hơn, cần kết nối các khuyến nghị với các ưu tiên chính sách hiện hành của Chính phủ. Việt Nam đang trong giai đoạn tăng tốc thực hiện chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh và bền vững, cùng với cam kết đạt Net Zero vào năm 2050. Các khuyến nghị về bảo vệ người lao động ngoài trời hoàn toàn phù hợp và có thể được lồng ghép vào các chương trình quốc gia này. Ví dụ, ứng dụng ICAN có thể được tích hợp vào Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, trong khi việc xây dựng không gian làm việc an toàn có thể trở thành một tiêu chí trong đánh giá đô thị thông minh. Khi khuyến nghị được gắn với ưu tiên chính sách hiện có, khả năng được chấp thuận sẽ cao hơn nhiều.

Trong trung hạn (1-2 năm), cần vận động để các khuyến nghị được đưa vào các văn bản chính sách cụ thể. Mục tiêu là để Chính phủ ban hành một Nghị định hoặc Quyết định

chuyên biệt về “Bảo vệ sức khỏe và sinh kế cho người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu”. Văn bản này sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, phân công trách nhiệm giữa các bộ ngành, và đảm bảo nguồn lực thực hiện. Để đạt được điều này, cần có chiến dịch vận động có tổ chức với sự tham gia của nhiều tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp, truyền thông, và đặc biệt là tiếng nói của chính người lao động thông qua đơn thư, kiến nghị gửi cơ quan chức năng.

Kế hoạch mở rộng quy mô: Từ thí điểm đến phổ cập

Một trong những thách thức lớn nhất của các dự án xã hội là làm thế nào để chuyển từ mô hình thí điểm thành công sang triển khai rộng rãi. Với các giải pháp đề xuất trong Sách Xanh, cần có kế hoạch mở rộng quy mô rõ ràng và khả thi.

Đối với ứng dụng ICAN - một sản phẩm cụ thể đã được phát triển trong khuôn khổ dự án - cần có lộ trình ba giai đoạn đã được trình bày chi tiết trong Chương V. Tuy nhiên, để thành công, cần chú ý đến một số yếu tố quan trọng.

Thứ nhất là mô hình tài chính bền vững. Giai đoạn thí điểm có thể dựa vào nguồn tài trợ từ dự án nghiên cứu và các tổ chức quốc tế, nhưng để duy trì lâu dài cần có nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước hoặc mô hình kinh doanh xã hội. Có thể xem xét mô hình lai: dịch vụ cơ bản miễn phí cho người lao động, trong khi các tính năng nâng cao hoặc dịch vụ quảng cáo có thể tính phí để trang trải chi phí vận hành. Doanh nghiệp công nghệ và viễn thông có thể được mời tham gia tài trợ như một phần trách nhiệm xã hội.

Thứ hai là chiến lược marketing và truyền thông phù hợp với đối tượng người dùng. Người lao động ngoài trời thường không có thời gian và thói quen tìm kiếm thông tin trên internet. Do đó, cần có chiến dịch truyền thông đa kênh: từ poster tại chợ, bến xe, công trường; đến các video ngắn trên TikTok, Facebook do chính người lao động làm người dẫn chuyện; đến hướng dẫn sử dụng trực tiếp tại các điểm tập trung. Đặc biệt hiệu quả là mô hình “đại sứ cộng đồng” - chọn một số người lao động tiên phong sử dụng ứng dụng thành thạo, sau đó họ sẽ hướng dẫn và lan tỏa đến bạn bè, đồng nghiệp.

Thứ ba là cơ chế phản hồi và cải tiến liên tục. Cần có đội ngũ kỹ thuật sẵn sàng tiếp nhận phản hồi từ người dùng và cập nhật ứng dụng thường xuyên. Có thể thiết lập tổng đài hỗ trợ miễn phí hoặc nhóm Zalo để người dùng có thể hỏi đáp và báo lỗi. Mỗi quý nên có một phiên bản cập nhật với các tính năng mới dựa trên nhu cầu thực tế của người dùng.

Đối với các giải pháp hạ tầng như xây dựng điểm trú ẩn khẩn cấp và trạm nghỉ di động, kế hoạch mở rộng cần gắn với quy hoạch đô thị tổng thể. Bắt đầu với 5-10 điểm thí điểm tại mỗi thành phố lớn, đánh giá tỷ lệ sử dụng và phản hồi của người lao động, sau đó từng bước mở rộng đến các khu vực khác. Cần có tiêu chí rõ ràng để xác định vị trí ưu tiên: mật độ lao động ngoài trời cao, tỷ lệ thời tiết cực đoan, và khoảng cách đến điểm trú ẩn gần nhất. Công nghệ GIS có thể được sử dụng để tối ưu hóa việc bố trí địa điểm.

Đối với các chính sách bảo hiểm và hỗ trợ tài chính, chiến lược mở rộng có thể học hỏi kinh nghiệm từ các chương trình bảo hiểm y tế toàn dân và bảo hiểm xã hội tự nguyện đã triển

khai trước đây. Bắt đầu với một số ngành nghề dễ tiếp cận nhất như taxi công nghệ, công nhân xây dựng có tổ chức, sau đó mở rộng dần sang các nhóm khác. Có thể áp dụng chiến lược “ưu đãi người tiên phong” - những người đăng ký sớm được hưởng mức phí thấp hơn hoặc quyền lợi cao hơn trong giai đoạn đầu để tạo động lực tham gia.

Cơ chế lồng ghép thể chế: Đảm bảo tính bền vững lâu dài

Yếu tố quyết định sự thành công lâu dài của bất kỳ chính sách nào không phải là nguồn lực ban đầu mà là việc chính sách đó có được lồng ghép vào hệ thống thể chế hiện có hay không. Do đó, giai đoạn cuối và quan trọng nhất của lộ trình hành động là đảm bảo các giải pháp được thể chế hóa.

Thứ nhất, cần thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về “*Bảo vệ người lao động ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu*” do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban, với thành viên là đại diện lãnh đạo các Bộ: Nội vụ, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, cùng với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, và quan trọng là đại diện người lao động ngoài trời. Ban Chỉ đạo này có nhiệm vụ điều phối, giám sát việc thực hiện các giải pháp, giải quyết các vướng mắc liên ngành, và báo cáo tiến độ với Thủ tướng Chính phủ mỗi sáu tháng. Sự tồn tại của Ban Chỉ đạo cấp cao sẽ đảm bảo vấn đề này luôn được đặt trên bàn nghị sự chính trị và không bị lãng quên.

Thứ hai, cần lồng ghép các chỉ tiêu về bảo vệ người lao động ngoài trời vào hệ thống đánh giá hiệu quả công tác của chính quyền địa phương. Cụ thể, trong bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hoặc chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI), cần bổ sung các tiêu chí như: tỷ lệ người lao động phi chính thức được tham gia bảo hiểm y tế, số lượng điểm trú ẩn khẩn cấp trên đầu người lao động ngoài trời, tỷ lệ người lao động được tiếp cận thông tin cảnh báo thời tiết. Khi các chỉ tiêu này ảnh hưởng đến thành tích của lãnh đạo địa phương, họ sẽ có động lực mạnh mẽ hơn để triển khai các chính sách.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế ngân sách bền vững. Thay vì dựa vào các dự án có thời hạn, cần phân bổ một quỹ ngân sách thường xuyên từ ngân sách trung ương và địa phương cho công tác bảo vệ người lao động ngoài trời. Bộ Tài chính cần ban hành hướng dẫn về định mức chi cho các hoạt động này, đảm bảo rằng ngân sách được phân bổ đầy đủ và sử dụng đúng mục đích. Ngoài ngân sách nhà nước, cần thiết lập các quỹ xã hội hóa có sự đóng góp từ doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng, với cơ chế quản lý minh bạch và báo cáo công khai.

Thứ tư, cần có hệ thống giám sát, đánh giá và học tập liên tục. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (hiện thuộc Bộ Nội vụ) cần được giao nhiệm vụ tiến hành các nghiên cứu đánh giá tác động của các chính sách định kỳ 2-3 năm một lần. Kết quả đánh giá không chỉ nhằm kiểm tra hiệu quả mà còn để rút ra bài học kinh nghiệm, những gì hiệu quả cần mở rộng, những gì chưa hiệu quả cần điều chỉnh. Đặc biệt, cần phân tích tác động khác biệt theo giới tính, độ tuổi, ngành nghề để đảm bảo không có nhóm nào bị bỏ lại phía sau.

Thứ năm, cần xây dựng cơ chế học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương. Có thể tổ chức Diễn đàn thường niên về “*Thích ứng khí hậu đô thị và bảo vệ người lao động dễ bị tổn thương*” với sự tham gia của các thành phố lớn trong cả nước và khu vực Đông Nam Á. Tại diễn đàn, các địa phương chia sẻ kinh nghiệm, thách thức, và giải pháp sáng tạo. Việt Nam cũng có thể học hỏi từ các quốc gia khác đang đối mặt với thách thức tương tự như Ấn Độ, Bangladesh, Philippines.

Lời kêu gọi hành động: Trách nhiệm của từng bên

Sách Xanh này không chỉ là một báo cáo nghiên cứu mà còn là một lời kêu gọi hành động gửi đến tất cả các bên liên quan. Mỗi bên có vai trò và trách nhiệm riêng trong việc biến những khuyến nghị thành hiện thực.

Với các nhà hoạch định chính sách, chúng tôi kêu gọi hãy đặt người lao động ngoài trời vào trung tâm của các chính sách thích ứng khí hậu và an sinh xã hội. Hãy lắng nghe tiếng nói của họ, tôn trọng kinh nghiệm sống của họ, và thiết kế các chính sách thực sự phù hợp với hoàn cảnh của họ. Đừng để những con số thống kê che lấp đi những con người cụ thể với những khó khăn và nguyện vọng thực tế.

Với các nhà quản lý và công chức thực thi chính sách, chúng tôi kêu gọi hãy đơn giản hóa thủ tục, loại bỏ các rào cản quan để người lao động dễ dàng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ. Hãy đổi mới phương thức làm việc, chủ động đến với người lao động thay vì chờ họ đến cơ quan. Hãy coi người lao động là đối tác, không phải là đối tượng cần được quản lý.

Với khu vực doanh nghiệp, đặc biệt các công ty công nghệ và nền tảng số, chúng tôi kêu gọi hãy nhận trách nhiệm với những người lao động đang tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Lợi nhuận không thể được xây dựng trên sự bóc lột hoặc thờ ơ với sức khỏe và sinh kế của người lao động. Trách nhiệm xã hội không chỉ là hoạt động từ thiện mà là cách doanh nghiệp vận hành mô hình kinh doanh của mình.

Với các tổ chức xã hội, công đoàn, hội nghề nghiệp, chúng tôi kêu gọi hãy đổi mới cách thức tổ chức và vận động để thực sự tiếp cận và đại diện cho người lao động phi chính thức. Hãy trở thành cầu nối tin cậy giữa người lao động và nhà nước, giúp tiếng nói của họ được lắng nghe và quyền lợi của họ được bảo vệ.

Với cộng đồng nghiên cứu và học thuật, chúng tôi kêu gọi hãy tiếp tục sản xuất tri thức dựa trên bằng chứng về tác động của biến đổi khí hậu đến các nhóm dễ bị tổn thương. Hãy không ngừng đổi mới phương pháp nghiên cứu để tiếp cận gần hơn với thực tiễn, đồng thời tích cực tham gia vào quá trình chuyển hóa tri thức thành chính sách.

Với các cơ quan truyền thông, chúng tôi kêu gọi hãy quan tâm và đưa tin về cuộc sống của người lao động ngoài trời, không chỉ trong những lúc có thảm họa mà trong cả cuộc sống hàng ngày. Hãy giúp nâng cao nhận thức của xã hội về đóng góp và khó khăn của nhóm người này, tạo ra sự đồng cảm và hỗ trợ từ cộng đồng.

Và cuối cùng, với chính người lao động ngoài trời, chúng tôi muốn nói rằng: Các bạn không đơn độc. Các bạn không phải chịu đựng thiệt thòi một cách thầm lặng. Các bạn có quyền được bảo vệ, được lắng nghe, và được hưởng cuộc sống tốt đẹp hơn. Hãy đoàn kết với nhau, lên tiếng về quyền lợi của mình, và tin tưởng rằng sự thay đổi là có thể.

Biến đổi khí hậu là thách thức toàn cầu, nhưng tác động của nó là cục bộ và không đều. Những người nghèo, những người dễ bị tổn thương như người lao động ngoài trời là những người chịu tác động nặng nề nhất dù họ đóng góp ít nhất vào việc gây ra vấn đề này. Đây là một bất công lớn mà chúng ta không thể chấp nhận. Việc bảo vệ người lao động ngoài trời không chỉ là trách nhiệm đạo đức mà còn là yêu cầu của sự phát triển bền vững và công bằng xã hội.

Sách Xanh này kết thúc tại đây, nhưng hành trình vẫn còn phía trước. Chúng tôi hy vọng những phân tích, phát hiện và khuyến nghị trong cuốn sách sẽ trở thành công cụ hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, người vận động xã hội, nhà nghiên cứu, và tất cả những ai quan tâm đến một tương lai công bằng hơn cho người lao động Việt Nam. Hãy cùng nhau biến những con chữ thành hành động, những khuyến nghị thành chính sách, và những chính sách thành sự thay đổi thực tế trong cuộc sống của hàng triệu người lao động ngoài trời - những người đang góp phần xây dựng và vận hành các thành phố của chúng ta mỗi ngày.

**Khí hậu thay đổi,
nhưng cuộc sống vẫn cần tiếp diễn - và nó cần tiếp diễn
một cách công bằng, bền vững và nhân văn hơn.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cannon, T. (1994). Vulnerability analysis and the explanation of 'natural' disasters. *Disasters, development and environment*, 1, 13-30.
2. Cannon, T. (2006). Vulnerability analysis, livelihoods and disasters. In *RISK21-Coping with Risks due to Natural Hazards in the 21st Century* (pp. 51-60). CRC Press.
3. Cardona, O.D., M.K. van Aalst, J. Birkmann, M. Fordham, G. McGregor, R. Perez, R.S. Pulwarty, E.L.F. Schipper, and B.T. Sinh. (2012). Determinants of risk: exposure and vulnerability. In: *Managing the Risks of Extreme Events and Disasters to Advance Climate Change Adaptation* [Field, C.B., V. Barros, T.F. Stocker, D. Qin, D.J. Dokken, K.L. Ebi, M.D. Mastrandrea, K.J. Mach, G.-K. Plattner, S.K. Allen, M. Tignor, and P.M. Midgley (eds.)]. A Special Report of Working Groups I and II of the Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC). Cambridge University Press, Cambridge, UK, and New York, NY, USA, 65-108. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/03/SREX-Chap2_FINAL-1.pdf
4. Cheng, L., & Huang, C. (2019). Assessing the health effects of extreme temperature and development of adaptation strategies to climate change in selected countries in the Asia-Pacific region. *APN Science Bulletin*, 9(1). <https://doi.org/10.30852/sb.2019.854>
5. Fadlallah, R., El-Jardali, F., Nomier, M., Hemadi, N., Arif, K., Langlois, E. V., & Akl, E. A. (2019). Using narratives to impact health policy-making: a systematic review. *Health research policy and systems*, 17, 1-22.
6. Ingold, T. (2018). *Anthropology: Why It Matters*. Cambridge: Polity Press.
7. IPCC. (2023). *Climate Change 2023: Synthesis Report. Contribution of Working Groups I, II and III to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change*. <https://doi.org/10.59327/IPCC/AR6-9789291691647>
8. Janssen, M. A., Schoon, M. L., Ke, W., & Börner, K. (2006). Scholarly networks on resilience, vulnerability and adaptation within the human dimensions of global environmental change. *Global environmental change*, 16(3), 240-252.
9. Khan, R. H., Quayyum, Z., & Rahman, S. (2023). A quantitative assessment of natural and anthropogenic effects on the occurrence of high air pollution loading in Dhaka and neighboring cities and health consequences. *Environmental Monitoring and Assessment*, 195, 1509. <https://doi.org/10.1007/s10661-023-12046-3>

10. Knowlton, K., Kulkarni, S. P., Azhar, G. S., Mavalankar, D., Jaiswal, A., Connolly, M., Nori-Sarma, A., Rajiva, A., Dutta, P., Deol, B., Sanchez, L., Khosla, R., Webster, P. J., Toma, V. E., Sheffield, P., Hess, J. J., & Ahmedabad Heat and Climate Study Group. (2014). Development and implementation of South Asia's first heat-health action plan in Ahmedabad (Gujarat, India). *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 11(4), 3473-3492. <https://doi.org/10.3390/ijerph110403473>
11. Ko, T. K., Dickson-Gomez, J., Yasmeen, G., Han, W. W., Quinn, K., Beyer, K., & Glasman, L. (2020). Informal workplaces and their comparative effects on the health of street vendors and home-based garment workers in Yangon, Myanmar: A qualitative study. *BMC Public Health*, 20, 524. <https://doi.org/10.1186/s12889-020-08624-6>
12. Li, Z. X., Hu, J. X., Meng, R. L., He, G. H., Xu, X. J., Liu, T., Zeng, W. L., Li, X., Xiao, J. P., Huang, C. R., Du, Y. D., & Ma, W. J. (2021). The association of compound hot extreme with mortality risk and vulnerability assessment at fine-spatial scale. *Environmental Research*, 198(111213). <https://doi.org/10.1016/j.envres.2021.111213>
13. Liu, X., Liu, H., Fan, H., Liu, Y., & Ding, G. (2019). Influence of heat waves on daily hospital visits for mental illness in Jinan, China: A case-crossover study. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 16(1), 87. <https://doi.org/10.3390/ijerph16010087>
14. Liverman, D. M. (2013). Vulnerability to global environmental change. In *Global environmental risk* (pp. 201-216). Routledge.
15. Lohrey, S., Chua, M., Gros, C., Faucet, J., & Lee, J. K. W. (2021). Perceptions of heat-health impacts and the effects of knowledge and preventive actions by outdoor workers in Hanoi, Vietnam. *Science of the Total Environment*, 794(148260). <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2021.148260>
16. Maskrey, A. (1993). Vulnerability accumulation in peripheral regions in Latin America: the challenge for disaster prevention and management. In *Natural disasters: protecting vulnerable communities: Proceedings of the Conference held in London, 13-15 October 1993* (pp. 461-472). Thomas Telford Publishing.
17. Odihi, J. O. (2001). Haze and health in Brunei Darussalam: The case of the 1997-98 episodes. *Singapore Journal of Tropical Geography*, 22(1), 38-51. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/1467-9493.00092>
18. Son, N. T., Chen, C. F., Chen, C. R., Thanh, B. X., & Vuong, T. H. (2017). Assessment of urbanization and urban heat islands in Ho Chi Minh City, Vietnam using Landsat data. *Sustainable cities and society*, 30, 150-161.
19. Thywissen, K. (2006). Core terminology of disaster reduction: A comparative glossary. *Measuring vulnerability to natural hazards: Towards disaster resilient societies*, 448-496.

20. UNDRO, N. D. (1980). Vulnerability analysis. In *Report of Experts Group Meeting, Geneva*.
21. United Nations International Strategy for Disaster Reduction (UNISDR). (2004). *Living with risk: A global review of disaster reduction initiatives*.
22. Vu, A. N., Rigg, J., Tarnovskaya, E., Kersting, F., & Tai, S. (2025). A Systematic Evidence Review of the Impacts of Climate Change on the Health of Outdoor Workers in Urban Asia. *Research Paper RP2025/1*.
23. WMO. (2024). State of the Climate in Asia. *World Meteorological Organisation*.
24. Yin, Q., & Wang, J. (2017). The association between consecutive days' heat wave and cardiovascular disease mortality in Beijing, China. *BMC Public Health*, 17, 223. <https://bmcpublichealth.biomedcentral.com/articles/10.1186/s12889-017-4129-7>
25. Yu, D. Z., Lee, S. B., Chen, S., Kim, S. W., & Xi, S. S. (2023). Coupling the effects of extreme temperature and air pollution on non-accidental mortality in Rencheng, China. *Frontiers in Public Health*, 11(1241285). <https://doi.org/10.3389/fpubh.2023.1241385>

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

39 Hàng Chuối, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (024) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832

FAX: (04) 39712830

Email: nxbphunu@vnn.vn

Website: www.nxbphunu.com.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

16 Alexandre de Rhodes, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38294459 - 38228467

SÁCH XANH

Phúc trình nghiên cứu thường niên

TÁC ĐỘNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

ĐẾN SỨC KHỎE LAO ĐỘNG NGOÀI TRỜI TẠI VIỆT NAM

Khí hậu thay đổi, nhưng cuộc sống vẫn cần tiếp diễn

Đồng chủ biên: Nguyễn Đức Lộc, Vũ Ngọc Anh

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: KHÚC THỊ HOA PHƯỢNG

Biên tập nội dung: Nguyễn Thị Thu

Kỹ thuật vi tính & Trình bày bìa: Nguyễn Hòa

Sửa bản in: Viện Social Life

Đối tác liên kết xuất bản: Công ty TNHH Viện Đại học Social Life

Trụ sở chính: Số 71/62e đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh

Văn phòng: Phòng C21, Số 51 đường Quốc Hương, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh

Email: lienhe@sociallife.vn

Website: www.sociallife.vn

In 1.000 cuốn, khổ 15,5 x 23,5 cm,

tại Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Bao bì Kiến Á

Địa chỉ: 643 Tinh Lộ 2, ấp Lão Tảo Thượng, xã Thái Mỹ, TP. HCM

Giấy xác nhận KHXB số:

5471-2025/CXBIPH/17-110/PN ngày 19/12/2025

Giấy QĐXB số: 2208/QĐ - NXBPNVN ngày 24/12/2025

ISBN: 978-632-05-0045-1

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

“Các thông điệp chính và hàm ý chính sách được đưa ra trong nghiên cứu này là hợp lý, thiết thực và phù hợp với bối cảnh hiện tại. Đặc biệt, nếu chúng ta kết nối những hàm ý này với các khuyến nghị chính sách trước đây được đề xuất bởi SocialLife, chúng ta có thể thấy được tính hệ thống của chúng, xoay quanh chủ đề tiếp cận an sinh xã hội cho các nhóm lao động phi chính thức, bất bênh và dễ bị tổn thương. Điều này bao gồm việc thiết lập các Quỹ An sinh Xã hội, bao gồm quỹ hỗ trợ khẩn cấp, thiết lập hệ thống dữ liệu an sinh xã hội kỹ thuật số tại TP.HCM, hệ thống ứng dụng di động cho cảnh báo sớm về khí hậu và các yếu tố liên quan.”

TS. Huỳnh Thị Ngọc Tuyết

Nhà nghiên cứu Khoa học Khoa học xã hội,

“Việc phát triển các ứng dụng cảnh báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, ô nhiễm không khí tới sức khỏe người dân nói chung và người lao động ngoài trời nói riêng là hết sức cần thiết. Trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030 tầm nhìn 2050 (ban hành năm 2020) và Kế hoạch cập nhật mới được ban hành ngày 19/11/2024, Chính phủ đã giao cho Bộ Y tế xây dựng các hệ thống dự báo, cảnh báo tác động của biến đổi khí hậu tới sức khỏe. Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu ngành Y tế giai đoạn 2019 – 2030 tầm nhìn 2050 cũng đề ra nhiệm vụ này. Do vậy, việc phát triển ứng dụng cảnh báo phù hợp với yêu cầu đề ra của Chính phủ và Bộ Y tế.”

TS. Đỗ Mạnh Cường

Cục Quản lý Môi trường Y tế, Bộ Y tế



SocialLife
Khoa học - Nhân bản - Khai phóng



**National Centre
for Social Research**



VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (SOCIALLIFE)

Trụ sở chính: Số 71/62e đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng: Phòng C21, Số 51 đường Quốc Hương, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh
Email: lienhe@sociallife.vn
Website: <https://sociallife.vn>

Kết quả nghiên cứu trình bày trong cuốn sách này được thực hiện với sự hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội (SocialLife) và Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc gia, Vương Quốc Anh (NatCen), được hỗ trợ bởi Quỹ Wellcome Trust.

